

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút: NGUYỄN-VỸ

Quản-lý: TRẦN-VĂN-LANG

Tòa soạn: 283 Đường Gia-Long — Sài Gòn — Đ. T. Sài Gòn 307



BỘ MỚI SỐ 27 — 15.1.1960

1.— Xuân thông cảm	Nguyễn-Vỹ	7 — 10
2.— Năm Tý nói chuyện Chuột	Lê-ngọc-Trụ	11 — 17
3.— Nguyễn-Ánh xưng vương tại Saigon	Tô-Lang	18 — 24
4.— Xuân về (thơ)	Từ-Trầm-Lệ	25
5.— Món quà kỷ-niệm đầu năm (truyện ngắn)	Hoàng-Thống	26 — 29
6.— Người thơ xuất hiện	Mặc-Thu	30 — 34
7.— Nàng Xuân nữ đất Tây Hồ	Thăm-thệ-Hà	35 — 40
8.— Tình Xuân (nhạc)	Thế-Văn và Anh-Hoa	41
9.— Ngày Tết của đời người (thơ)	Ung-Bình Thúc-giạ-Thị	42
10.— Mời bạn du lịch mấy ngày Xuân qua các miền Đông Nam Á	Michiko	43 — 60
Nhật-Bồn, Nam-Dương	Tân-Phong	61 — 74
11.— Thi-sĩ Nam-Dương	T.P.	75 — 76
12.— Mối tình Nguyễn-Du	Nguyễn-khắc-Thiệu	77 — 80
13.— Nàng Chuột trắng ở Thăng-Long	Phong-Cầm	81 — 85
14.— Ảnh hưởng màu sắc trong đời sống	Ng-văn-Khương	86 — 93
15.— Con chó ma giữa đêm 30 Tết	Trần-đức-Lai	94 — 103
16.— Chớm mộng (thơ)	Thanh-Nhung	104 — 105

17.—	Đôi nét về Hàn-mặc-Tử	Quách-Tấn	106	— 115
18.—	Chín Khúc Rừng vàng	Nguyễn-thành-Cung	116	— 128
19.—	Huyền Trân Xuân dạ sầu (thơ)	Bạch-Yến		129
20.—	Một đời người (hồi ký)	Thiếu-Son	130	— 134
21.—	Danh nhân thế giới : nhạc-sĩ Franz Liszt	Trần-thiên-Lý	135	— 142
22.—	Cô gái điên (truyện dài)	Vi-huyền-Đắc	143	— 148
23.—	Áo Tết ai may (thơ)	Ngọc-Hà		149
24.—	Hoàng-Cao-Khai	Võ-bá-Hải	150	— 156
25.—	Vạn Tuế Cốt-Đốt (truyện vui)	Vương-hồng-Sèn	157	— 161
26.—	Nhờ hai câu đối Bao Công điều tra ra vụ án	Mai-hương-Vân	162	— 165
27.—	Mai (thơ)	Võ-thùy-Lam		166
28.—	Bệnh Dịch Chuột	Bác-sĩ Hoàng-mộng-Lương	167	— 173
29.—	Tinh thần tranh đấu qua ca dao	Nguyễn-thu-Minh	174	— 179
30.—	Mình ơi!	Diệu-Huyền	180	— 191
31.—	Chuyện Chuột	Xuân-Giang	192	— 197
32.—	Khổng Minh	Nguyễn-quang-Lực	198	— 200
33.—	Nụ cười Phở-Thống	Trọng-Tấu	201	— 206
34.—	Xuân Bình Minh (thơ)	Trần-đông-Bình		207
35.—	Báo Xuân Cà Kê (hồi ký)	Nguyễn-Vỹ	208	— 218
36.—	Những năm Tý	Nguyễn-Triệu	219	— 223
37.—	Nụ cười con Chuột	Gyao	224	— 225
38.—	Thơ lên ruột	Diệu-Huyền	226	— 227
39.—	Xã Giao	Bình-Minh	228	— 232
40.—	Kiên-Trinh	Cô Văn-Nga	233	— 238
41.—	Đáp bạn bốn phương	Bạch-Yến và Diệu-Huyền	239	— 258

Sắp xếp bài, trình-bày bìa và nội dung, cho màu . . . Cô Diệu-Huyền

✧ Bản kẽm Nguyễn-Văn-Dầu

✧ Bìa Offset Vạn-Quốc

- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỞ - THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỞ-THÔNG » và đừng viết tắt.

- Cấm trích, dịch, phỏng; đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.

- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.

Copyright by PHỞ-THÔNG, printed in Việt-Nam

Kuân thông - cảm

tặng các Bạn thân-mến.

Kuân mời đến, lòng tôi rung - cảm
Cùng bốn phương các bạn gần xa.
Trời Nam nắng gió phôi - pha,
Nổi niềm lưu - luyến bao-la nghìn trùng!
Hỡi các bạn Nam, Trung Bắc Việt,
Ngay lân - Xuân - hân - huyết mảy lông,
Nhấn mây, nhấn gió xa vơi,
Chút duyên văn - từ tặng Người Nước Non.

Nước còn đó, Dân còn mãi mãi,
Trời vẫn còn chiều - dài? Dân ta.
Dù ai chia - rẽ sơn - hà,
Phải tìm Đất Nước Khó mà Xén chia
Đau đớn thế! Tấc - lià Tổ? Quốc,
Mảnh đất - trời rạc. nát làm đôi!

Xuân về cây cỏ tươi vui,
Lòng dân ta vẫn khôn nguôi hận trường.
Xuân ấy - ừ men lòng ngây-ngất,
Hồn Nước thiêng phảng-phất trăm hương,
Xuân về còn cả tang thương!
Xuân về còn cả sầu vương-vân lộng!
Nghe những tiếng náo-nùng để khóc
Những nỗi hoang rêu-mốc, âm-thâm,
Mồ hôi, lạng-lẻo ai nẫu,
Khô nhang, khô khór, khô trầu, khô hoa!
Nghe những tiếng lê sa đêm vắng
Trong những lều dãi nắng đầu mưa,
Những người nghèo-tổ. Xác-xò,
Ngay Xuân, khô mặt chút mồ ử lộng!
Cùng những kẻ rượu nồng, gái dật,
Còn bao nhiêu những kiếp cỏ-hân,
Ngay Xuân ghê lạng, phũ-phàng,
Nẫu queo bên đống hoa tàn hân-him!
Bấy nhiêu cảnh tiêu điều ai oán,
Hoà lẫn trong màn sáng xuân tươi,
Vang lên tiếng khóc, tiếng cười,
Ngôn-ngang xác pháo, xác người, xác hoa!)

Trong cảnh-liệt-tha-ma buồn-não,
Lâm-tiếp-vui-huyền-náo-tưng-bưng,
Tô-ti, mỗi bước mỗi ngừng,
Nhìn trông Non-Núi, lòng buồn vô-biên!
Tiếng phước nỡ vang rền đất nước,
Nghe nặng-nề bề đất lại sao!
Ai vui, Xuân có vui nào!
Bao nhiêu ai oán khóc chào đón Xuân!

9

Gôi lẳng-lặng, bản-khoản, buồn nhẽ,
Các bạn từ những thuở miên-hao
Muôn nghìn các bạn gần xa
Cảm-thông cảnh lệ-sâu pha giọt-trở?
Gôi muôn giờ những lời tâm-phức
Lặng bạn lòng lưu-lúc liên-hoan,
Số là giờ-lại tiếng vang
Kìa-xăm-vắng-lặng của ngàn Xuân xưa,
Của những mà-mở-chưa-mở của
Đón mừng Xuân một thuở thanh-bình,

Những hồn chết yếu bằng-trung,
Còn trong thẳm-thẳm u. mình bốn mùa
Của những tiếng cười chưa thắm lệ,
Những hoa Tần thế! lệ lên hương,
Những hồn vất-vưởng trong sương
Lê-là kiếp sống sâu-thường muôn đời!
Lời gọi táng hồn trời bỏ ngo?
Đêm mờ' màn, vắng gió, vắng sao,
Hồn-tho' Khoát áo lệ-sâu,
Này hoa, này mộng, lệ' chào đón Xuân!
Hỡi các bạn tang mừng Xuân tên,
Ngay mai đây, gió' quên Xuân đi!
Nước-Non nào luyện-tiếc lệ,
Còn Vầng-vân lại trường-kỳ Hân Xuân!

Ng. Vp

NĂM.

TỬ

Nói chuyện



Loại
thú nhỏ
con,
« râu
mọc hai
chía »

« răng đều bốn cái », hay ăn tạp, hay gặm phá, khoét vách đào hang, lại truyền nhiễm bệnh dịch hạch, tai vạ cho loài người, giống mà mèo chó gặp đầu giết đó, mèo thì ăn thịt, chó thì cắn cổ, con dừ (belette) lại còn tàn nhẫn hơn, hễ gặp thì cắn hai gân cổ cho vọt máu ra, rồi bỏ mặc cho chuột nằm giãy chết, giống ấy mà lại được có tên đứng đầu trên sáu mươi giáp-hoa, mười hai chi tuế, và được người mình, nhất là giới « ghe bầu ghe nan, vì quá kiêng sợ, kêu tăng là « ông tý ».

Xét trong ngôn-ngữ Việt Nam theo cổ SOUVIGNET, trong quyển « Việt thoát khắt nguyên-



kháo, » thì tiếng « chuột » gần với tiếng « chuk » của tiếng bahnar, hơn là tiếng « Shuu, súa » (Thử) của tiếng Trung-Hoa. Gần với tiếng « chuk », song ta phát-âm với vận nou, có t cuối, nên chữ nôm mượn chữ « khuyến » ghép với chữ

★ LÊ-NGỌC-TRỤ



Những hồn chết yếu bằng-trung,
Còn trong thẳm-thẳm u. mình bốn mùa
Của những tiếng cười chưa thắm lệ,
Những hoa tàn thê! lệ lên hương,
Những hồn vất-vưởng trong sương
Lê-là kiếp sống sâu-thường muôn đời!
Lời gọi táng hồn trời bỏ ngo?
Đêm mờ' mẫm, vắng gió, vắng sao,
Hồn-tho' Khoát áo lệ-sâu,
Này hoa, này mộng, lệ' chào đón Xuân!
Hỡi các bạn tang mừng Xuân tấn,
Ngay mai đây, gió' quỳên Xuân đi!
Nước-Non nào luyện-tiếc lệ,
Còn Vầng-vân lại trường-kỳ Hồn Xuân!

Ng. Vp

NĂM.

TÝ

Nói chuyện



Loại
thú nhỏ
con,
« rêu
mọc hai
chìa »

« răng đều bốn cái », hay ăn tạp, hay gặm phá, khoét vách đào hang, lại truyền nhiễm bệnh dịch hạch, tai vạ cho loài người, giống mà mèo chó gặp đầu giết đó, mèo thì ăn thịt, chó thì cắn cổ, con dừ (belette) lại còn tàn nhẫn hơn, hễ gặp thì cắn hai gân cổ cho vọt máu ra, rồi bỏ mặc cho chuột nằm giãy chết, giống ấy mà lại được có tên đứng đầu trên sáu mươi giáp-hoa, mười hai chi tuế, và được người mình, nhất là giới « ghe bầu ghe nan, vì quá kiêng sợ, kêu tăng là « ông tý ».

Xét trong ngôn-ngữ Việt Nam theo cổ SOUVIGNET, trong quyển « Việt thoát khắt nguyên-



kháo, » thì tiếng « chuột » gần với tiếng « chuk » của tiếng bahnar, hơn là tiếng « Shuu, súa » (Thử) của tiếng Trung-Hoa. Gần với tiếng « chuk », song ta phát-âm với vận nou, có t cuối, nên chữ nôm mượn chữ « khuyến » ghép với chữ

★ LÊ-NGỌC-TRỤ



Những hồn chết yếu bằng-trung,
Còn trong thẳm-thẳm u. mình bốn mùa
Của những tiếng cười chưa thắm lệ,
Những hoa tàn thê! lệ lên hương,
Những hồn vất-vưởng trong sương
Lê-là kiếp sống sâu-thường muôn đời!
Lời gọi táng hồn trời bỏ ngo?
Đêm mờ' mẫm, vắng gió, vắng sao,
Hồn-tho' Khoát áo lệ-sâu,
Này hoa, này mộng, lệ' chào đón Xuân!
Hỡi các bạn tang mừng Xuân tấn,
Ngay mai đây, gió' quỳên Xuân đi!
Nước-Non nào luyện-tiếc lệ,
Còn Vầng-vân lại trường-kỳ Hồn Xuân!

Ng. Vp

NĂM.

TÝ

Nói chuyện



Loại
thú nhỏ
con,
« rêu
mọc hai
chìa »

« răng đều bốn cái », hay ăn tạp, hay gặm phá, khoét vách đào hang, lại truyền nhiễm bệnh dịch hạch, tai vạ cho loài người, giống mà mèo chó gặp đầu giết đó, mèo thì ăn thịt, chó thì cắn cổ, con dừ (belette) lại còn tàn nhẫn hơn, hễ gặp thì cắn hai gân cổ cho vọt máu ra, rồi bỏ mặc cho chuột nằm giãy chết, giống ấy mà lại được có tên đứng đầu trên sáu mươi giáp-hoa, mười hai chi tuế, và được người mình, nhất là giới « ghe bầu ghe nan, vì quá kiêng sợ, kêu tăng là « ông tý ».

Xét trong ngôn-ngữ Việt Nam theo cổ SOUVIGNET, trong quyển « Việt thoát khắt nguyên-



khảo, » thì tiếng « chuột » gần với tiếng « chuk » của tiếng bahnar, hơn là tiếng « Shuu, súa » (Thử) của tiếng Trung-Hoa. Gần với tiếng « chuk », song ta phát-âm với vận nou, có t cuối, nên chữ nôm mượn chữ « khuyến » ghép với chữ

★ LÊ-NGỌC-TRỤ



« thuật » mà ghi tiếng « chuột ».

« Chuột bọ » có nhiều giống, nhiều loại từ con nhỏ bé tí đến con to gần bằng mèo : chuột bọ, chuột cống, chuột chù, (cũng gọi chuột xạ, chuột hôi), chuột đàn, chuột đất, chuột đom đóm, chuột nhà, chuột lắt (nhất), chuột núi, chuột tàu, chuột xù, chuột cà-xóc... Nhưng giống nào cũng xấu xí, hay cắn phá, gặm khoét đáng ghét, nên những từ-ngữ thuộc về chuột không có tiếng gì gọi là tốt đẹp cả : mặt chuột, mặt nhọn hay lí-lắc; mỏ chuột miệng nhỏ khó coi mà hay cắn bậy; quân tặc chuột, người hay sanh sự, hay chỉ chọc việc vô càn; chấy nhả ra mặt chuột, chuyện có vỡ lở ra mới lòi ra hạng « ném đá giấu tay » ; chuột so hủ nếp, cười hạng « đào-mỏ »..

Từ ngữ chim chuột thì mượn và dịch ý hai điển của sách Trung-Hoa nên có hai nghĩa khác nhau.

Nghĩa thứ nhứt, theo Đạt-Nam quốc âm tự vị PAULUS CỦA thì người chim chuột là, đứa hay láo-xược, hay kiếm chuyện làm cho sinh sự bất hòa.

Lấy điển của bài ca trong Kinh Thi : *thử nha tước giác* (nhanh chuột, sừng chim sẻ) :

Tàny vj tước vô giác ?

Hà dĩ xuyên ngã ốc

Tàny vj thử vô nha

Hà dĩ xuyên ngã đồ

(Ai bảo chim sẻ không có sừng

Lấy gì để xoi nhà ta ?

Ai bảo chuột không có nanh

Lấy gì để xoi tường ta ?) (1)

Nhưng chim sẻ không sừng mà nói có sừng, con chuột không nanh mà nói có nanh, vì khúc-trực không rõ, sanh ra kiện thưa, vì vậy *chim chuột* (trước thử chỉ tranh) dùng để chỉ những người thích kiện-tụng, những người hay đặt điều láo-xược, kiếm chuyện xúi-giục cho sanh sự bất hòa với nhau.

Mỏ chim nanh chuột, tranh

hạt còn nhiều

(Trẻ cóc)

Nghĩa thứ nhì, *chim chuột* lại dịch ý câu của KHÔNG-AN-QUỐC đời Hán : « *điều thử cộng vi thử hùng* » (chim chuột đồng làm việc trống mái). Có lẽ

Then bản dịch của ông Bửu Kê, Tầm nguyên từ điển

vịn theo ý ấy, nên tiếng Việt có từ-ngữ *chim gái*, nói về việc « chọc gái ». (Từ-ngữ *chim gái* cũng mượn ý nơi từ-ngữ *chim xanh*, nghĩa bóng là « người đưa tin-tức mỗi lái về việc trai gái). Còn tiếng chuột thì gọi ý mèo, nên tình *ch' m chuột* nói ra thành « mèo chuột », rồi có lẽ danh từ « chuột » không gọi mỹ-cảm bằng danh từ « mèo », nên chỉ dùng danh từ « mèo », « o mèo » chẳng ? thôi



Chuột có nhiều giống, nhưng hai giống gây tai-vạ cho loài người hơn hết, tự cổ chí kim, từ đông sang tây, là loại *chuột nhà* và loại *chuột cống*, đông nhiều thành đàn.

Theo thần-thoại Tây-phương thì dường như Trời sanh ra chuột để trừng phạt loài người. Những người nào gây tội ác bị Trời sai chuột đến cắn gặm; bằng chứng là tổng - giám - mục HATTO bị chuột cắn gặm chết.

Theo sách Pháp, dân Paris thời cổ, vì sợ hỏa-hoạn và ác thú làm hại, nên có thờ mấy vị thần để phù-hộ cho. Dân chúng thành LUTÈCE mới tượng hình

mấy vị thần mà thờ. Một b'ra kia, vì bất cẩn, người đào cống nhè dờn mấy tượng thần đi nơi khác. Vì vậy Trời giận, sai chuột xuống phá - phách và gây hỏa-tai cho dân chúng Paris.

Vì chuột gặm phá, ăn tạp, đã cắn lưới và ăn vấy vào vật tế-phẩm của thần MINERVE, nên bị Minerve thù ghét, bài - trừ, và bị thần APOLLON tiêu-diệt cả đoàn. Apollon tàn - sát chuột nhiều cho đến nỗi người ta tặng cho tên riêng là SMINTHÉE (người tận-diệt loài chuột).

CAÏN lại càng tích-cực hơn, nguyên - rửa tiêu - diệt cả dòng giống chuột, « *hễ gặp giống nó phải lìm mà trừ tuyệt* ». Vì vậy mà người ta tìm đủ phương trừ chúng, dùng bẫy sập, đốt lửa un khói vào hang, thuốc độc, nước sôi, sắt nhọn, đâm giết không dung. Có nưong tay chẳng là chỉ vì sợ « *đạp chuột bê dờ* » mà thôi.

Chuột phá hại cho đến nỗi trong Thánh — Thư có chép « *chính chuột Ai-cập đã gây bại trận thâm-thâm cho quân-đội của SENNACHERIB; chỉ trong một*

đem chúng cắn nát tất cả dây cung-nỏ và dây đai lãn - khiến của quân-đội ASSYRIE.

Loại chuột nhà thì thời lúc nào và xứ nào cũng có. Loại chuột cống, trái lại, « nhập cảng » vào Tây-phương do các rợ xâm-lăng đem đến; chuột ở theo quân lính ăn đồ dư - thừa, nên quân lính đi tới đâu là có chuột đến đó. Tiếng Pháp có câu « *telle horde tel rat* » « rợ nào chuột nấy » : chuột rợ Goths, chuột rợ Vandales, chuột rợ Huns...

Nhưng giống « chuột cống nâu » (*rat brun*) từ Á-châu, lại theo tàu-thuyền đến Tây-phương vào thế-kỷ XVIII. Theo từ-điển *Larousse*, vào khoảng năm 1725, tại ven biển Caspienne, vùng Coman bị động đất dữ-đội. Sau thiên tai ấy, người ta thấy, do đường đất lở - núi băng, có vô số chuột Á-châu (*surmulot ou rat d'Astie*) không biết ở đâu mà tủa ra cả đàn... chúng kéo đi « có trật tự », tốp thì kéo đến vùng Astrakhan, lội qua sông VOLGA, một số lớn bị nước cuốn đi, còn dư lại, hoặc trèo lên mấy chiếc tàu đậu dưới sông,

hoặc lên bờ thẳng tiến..., tốp thì lần hồi băng miền vượt đến Si-bérie miền bắc, đến thành - phố Jaïck...

Tốp đáp « tàu thuyền » vượt biển, vì đói quá mới « đổ bộ » tại LONDRES, tại PARIS, rồi về sau từ ANH sang MỸ... gặp hệ-thống cống - rãnh của các thành-phố lớn với tất cả những vật thực thừa-thãi đổ dồn vào ấy, giống chuột đã được « đất tốt » mặc sức mà sinh sôi nảy nở, thành đàn, thành đội, phân nhau chiếm - cứ các nơi, dưới cống - mương các chợ phố, lề heo, cầu xí...

Chuột ăn tạp, dụng vật gì cũng ăn mất hết, nên tiếng *rat* của Pháp-ngữ còn có nghĩa là « kẻ trộm cắp », « kẻ cắp sang-trọng » tại mấy nhà hàng, nhà ngủ lớn các đô - thị thì gọi là « *rat d'hôtel* ».

Vì là giống ăn hại, đục khoét nên Cụ Thi - sĩ NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỂU dùng nó để ám-chỉ hạng « đục khoét, xoi hao-mạch nước ». Nay nhơn nói đến giống chuột tại vạ, xin sao-lục bài *THẢO THỦ HỊCH*

của cụ Đồ đã tả đủ cả, danh-hiệu, quán-chỉ, hình-thủ, tâm-tánh của loại thú gặm khoét vô-lương để quý vị nhân-lâm trong lúc xuân sang.

THẢO THỦ HỊCH

TƯỢNG MÃNG :

1.— Lẽ trời sanh vật, vật ấy nhiều loài.

2.— Lấy câu thuận tánh làm lành; thấy chữ nghịch thường mà ngán.

3.— Nhỏ là loài ong kiến, còn biết nghĩa quán thân; lớn là loài hồ lang, cũng niệm tình phụ-tử.

4.— Kìa như nha báo tại, thước báo hỷ, đời cũng nhờ lành dữ đem tin ;

Nợ như khuyển thủ dạ, kẻ tư thần, người còn cậy sớm khuya an giấc.

5. Là Tạo hóa nhúm-nhen khắp vật, vật nào hay khuấy-rối sự nhà ;

Thợ Hóa-Công đúc nặn nhiều loài, loài nào dám xoi hao mạch nước ?

NAY CÓ CON CHUỘT

6.— Lòng mọc xồm - xàm, tục kêu xù, lắt;

7.— Tánh hay ăn vặt, lòng chẳng kiêng dè;

8.— Chỗ ở ăn hang lỗ nhiều bề, đường qua lại đào ra hai gác.

9.— Nghe hơi động vọt vàng chạy mất, nhóc quá mẹ chèo ;

Chờ đêm khuya sẽ lên lút nhau, liến hơn cha khi.

10.— Gọi danh hiệu: chuột xạ, chuột lắt, chuột xù, chuột cống, anh em dòng họ nhiều tên;

Tra quán chỉ: ở nhà, ở ruộng, ở rạch, ở ngòi, bậu bạn non sông lắm lối.

11.— Lớn nhỏ răng đều bốn cái, ăn của người thăm tối biết bao nhiêu; văng dài râu mọc hai chia, văng mắt chủ lung-lăng đà lắm lúc.

12.— Và sáu mươi giáp hoa đứng trước, lẽ thì thiện tánh linh tâm;

Thì mười hai chi tuế ở đầu, cũng đáng cư nhân do nghĩa.

13.— Có sao lại đem lòng quý-quái ?

Có sao còn làm thót gian-tham ?

14.— Tút Đông Pha thường bừa tha gừa.

Ruồng Nam Quách ghe phen cần lúa.

15.— Nếp gạo của trệt nuôi mạng, ăn phá rồi còn kéo xuống hang ;

Nệm mền của chúng che thân, cần nót hết lai tha vào lỗ.

16.— Hoặc nằm ngựa cần đuôi tha trứng vịt, gây nên thằn lết chịu đòn oan.

Hoặc leo dầy ngóng cò gặm giò heo, đề án con đòi m. ng liếng khò.

17.— Vây cũng gọi mình hay angũ ky,

Vây cũng khoe ngồi trước « tam-tài ».

18.— Chẳng xét mình vô nuôi dưới cầu,

Lại quen thói lẩn mò bên vách.

19.— Sách Lỗ-Sử biên câu « thực giác », vì miệng ai cho nên ova lỗ đạo thờ trời.

Thơ Quốc-Phong đề chữ « thực miêu » vì miệng ai cho nên dân xa làng bỏ đất ?

20.— Ghe phen trách quần hư áo lũng, vì miệng ai cho nên chông vợ giận nhau;

Nhiều chỗ than oán ngã thêm

xiêu, vì miệng ai cho nên chạ con đức bần ?

21.— Nền xă tắc là nơi báo bão, can chỉ mĩ đào, lỗ đào hang ?

Chỗn miêu đường là chỗ thanh tân, có chỉ người cần mần cần sáo ?

22.— Kẻ trịnh nữ ghét thằn cường bạo, cũng còn mang cái tiếng « thử dâm ».

Án Long Đồ tra đũa gian-là, hãy còn mắc cái câu « thử thú ».

23.— Gối ngoả chú Nghiêu Phu đà đến bề,

Khen cho quý-quát chẳng chừa;

Gây Phi long Linh Kiệt đã tương bình, sao hãy yêu tình khàng góm ?

24.— Nham độn mười hai ngôi tướng, cho hay thần hậu thiệt tướng gian;

Diễn cầm bốn bĩ vì sao, phải biết hư nhứt là sao dữ.

25.— Sâu hiềm bấy tám lòng nghiệt tử, cục cú ra cũng nhọn hai đầu;

Bíu xót chỉ mạnh áo tử cầu, tám đa lột không đầy ba tắc.

26.— Tuy là tướng hữu bì hữu chất, thật là loài vô lễ vô nết.

27.— Luận tội kia đà đáng

phần thi, thứ tay nọ cũng ỏi
kiêng vật.

28.— Gợn là gợn trộm đồ bàn
Phật, trốn án mà xưng oai;

Cấm là cấm cản sách kẻ nho
dành lòng mà phá đạo.

29.— Ngao ngán bấy cái thân
chuột thái, biết ngày nào ô-
thước phanh phui;

Nực cười thay cái bụng
chuột thán,

Uống bao thuốc Huỳnh Hà
ráo cạn.

30.— Vì số ngàn đồng nước
khảm, khôn bề rửa sạch tội «đá-
đim».

Dẫu cho mướn nên vàng đoài,
cũng khó mua riêng hình «bất-
xá».

31.— Tội đường ấy đã nên ác
quá; ta tới đây há dễ nhiều-
dung!

32.— Ấn tiên phong nẩy gã
rắn rồng;

Phù hậu lập sai chim bù-cắc.

33.— Sấm sủa binh sương
giáp sát;

Trau đòi ngựa gió xe trắng.

34.— Giống trống sấm xuất
binh;

Phải chờ lau lộp trận.

35. Đuốc Đèn Đèn sấm sấm,
đề phòng khi un đốt ngách u-vi;

Đèn Lý-Bạch đất tùy, đừng
chờ thuở xét soi hang uất khúc.

36.— Hàng hàng bố - liệt
thương-đao, nhập sào huyết phá
hồ lỗ chuột! Phải nghe ta dặn,

Sấm sủa đủ đồ;

37.— Cuộc xuống đào hang,
Phăng mai chặn ngách;

38.— Trá, trách, nôi, niêu
rửa sạch, thượng kỳ: phù địch
khải chi tâm;

Tiêu, hành, sỏ, ột, muối dầm,
thứ dĩ: lạ chúng nhân chi khâu.

39.— Chớ đề con nèo sơ
lậu, phải ra tay lấp lỗ tam bành;

Đừng cho chúng nó sầy ra,
phải hết sức trừ đồ lục-tặc.

40. Bốn phương đều ngọt
chữ thăng bình,

Thiên hạ cũng out cầu án đồ.



♦ DANH NGÔN

Trong một cuộc hội-hợp, khi mọi người đều đồng ý-kiến,
tức là không ai có ý-kiến cả.

W. Lippman.

NGUYỄN ÁNH

XUÂN - VƯƠNG

TẠI

SÀI GÒN

MỒNG MỘT TẾT
CANH-TÝ (1780)



Nhân mùa Xuân năm Canh Tý
Chúa Nguyễn Phúc-Ánh nằm
mơ thấy con chuột Bạch nên
xưng Vương giữa ngày mồng
Một Tết năm Canh Tý (1780).

**Chuyện lịch-sử truyền khẩu
về vua Gia-Long**

Năm Canh Tý (1780), cách đây
vừa đúng 120 năm, Vua Gia Long
xưng Vương ở đất Sài - Gòn
(Sài-Gòn) vì một giấc mơ 9 con
rồng phun nước và con Chuột
Bạch lông trắng như Tuyết đứng
trên cành hoa Lan. Được Thầy
Tàu đoán mộng, Nguyễn Phúc-
Ánh xưng Vương Hiệu giữa
ngày mồng Một Tết năm Canh
Tý (1780), tại Sài Gòn và Gia-
Định.

T.L.



NĂM Đinh-Dậu
(1777), NGUYỄN-
NHẠC được Chúa
TRỊNH-SÂM nhân
danh VUA LÊ phong cho làm
Quảng Nam Trấn Thủ, Tuyên-
Ủy Đại-Sứ Cung-Quận-Công,
nên không cần phải lo chống giữ
mặt Bắc với Chúa-Trịnh nữa mà
chỉ còn lo tiêu-diệt Chúa Nguyễn
ở miền Nam mà thôi. Nguyễn-
Nhạc liền sai hai em là NGUYỄN
LỮ và NGUYỄN-HUỆ đem

★ TÔ - LANG

quân Thủy-Bộ tiến vào Nam đánh lấy thành Gia-Định.

Các Chúa nhà Nguyễn là TÂN-CHÍNH VƯƠNG và THÁI-THƯỢNG VƯƠNG cùng tướng là Lý Tài không địch nổi, đành phải bỏ Sài-Côn (tức Sài-Gòn bây giờ) và Gia-Định trốn về Định-Tường (Mỹ-Tho) Vinh-Long và Long-Xuyên, rồi sau cũng bị NGUYỄN-LỮ và NGUYỄN-HUỆ bắt sống đem giết. Trước khi kéo quân về Quảng-Nam, Huệ phong Chu làm Tổng-Đốc Thành Gia-Định.

Bình định được miền Nam, NGUYỄN-NHẠC tự xưng Đế Hiệu, đặt niên hiệu là Thái-Đức lấy thành Đồ-Bàn làm Kinh-Đô đặt tên là Hoàng-Đế Thành.

Ở trong Nam, cháu Thái-Thượng Vương là NGUYỄN-PHÚC-ÁNH thấy anh em Nguyễn-Lữ và Nguyễn-Huệ đã về Qui-Nhơn rồi, mới thu thập binh mã kéo quân từ Long-Xuyên tiến lên Sa-Đéc để cùng với quan Chương-Dinh Đồ-Thành-Nhơn, quan Cai Đội Lê-văn-Quân, Nguyễn-văn-Hoàng, Tổng-phúc-Khuông, Tổng-phúc-Lương, vây

đánh thành Gia-Định và Sài-Gòn, đuổi Tổng Đốc Chu về Qui-Nhơn.

Lấy xong thành Gia-Định, Nguyễn - Phúc - Ánh cho ĐỒ-THÀNH-NHƠN đem quân Đồn Đông-Sơn ra đánh lấy thành Bình-Thuận và vây thành Diên-Khánh. (Bây giờ là Nha-Trang).

Năm Canh - Tý (1780), Nguyễn-Phúc-Ánh thấy ngoài Quảng-Nam Nguyễn-Nhạc đã xưng Đế từ năm Mậu-Tuất (1778) nên cũng xưng Vương-hiệu, lấy thành Sài-Côn làm Kinh-Đô.

Truyền rằng Nguyễn-Phúc-Ánh nằm mơ thấy đất Sài-Côn nổi lên 9 con rồng phun nước lênh láng, dưới nước lại có những cánh hoa Lan tuyệt đẹp mùi thơm phưng phức mỗi lúc một chồi lên, trong một cánh Lan to có một con chuột Bạch lông trắng như tuyết chạy ra rồi ngoảnh mặt ngó về phương Nam một khắc mới quay về phương Bắc mà nhìn.

Thức dậy, Nguyễn-Phúc-Ánh liền cho mời một thầy đoán mộng

người Minh-Hương có tài xem Tử-Vi và Thiên-Văn, vô Đỉnh bàn chuyện Quốc sự và hỏi về cơ vận để đoán giấc mộng đêm trước.

Người Khách Minh-Hương nghe thuật xong giấc mộng rồi ngẫm nghĩ viết một chữ GIA đưa cho Nguyễn - Phúc - Ánh. Nguyễn-Phúc-Ánh không hiểu là ý gì mới hỏi thì người Khách Minh-Hương này tâu rằng : « Đất Sài-Côn vốn là Quý Địa, mạch ăn từ phía Cửu long chạy dài đến đất Thủ Biên qua Gia định, có thể nhờ đất ấy mà làm nên nghiệp lớn. Nay mơ thấy 9 con rồng phun nước ở đất Sài-Côn là điềm ứng vào giấc mộng trước kia của Chúa đã thấy (1). Cơ trời đã định Chúa xưng Vương phải xuất phát từ Thành Sài-Côn. Cửu-Long ứng mộng tức là nhà Chúa sẽ đăng CHÍN đời làm Vua. Vậy xin Chúa hãy sửa soạn xưng Vương cho kịp. »

Nguyễn Phúc-Ánh liền hỏi : « Năm nào xưng Vương thì đúng với Thiên-Mệnh ? »

Người Khách Minh-Hương liền tâu : « Nay đã 10 tháng Chạp năm Kỷ-Hợi mà mộng

thời ứng vào năm Tý. Con chuột Bạch Tráng ngoảnh về phương Nam rồi quay ra phương Bắc ứng vào năm Tý. Chúa bình định xong miền Nam mới tiến quân ra Bắc nhứt thống sơn hà chỉ hiềm một nỗi Nhà Nước lại bị nạn Da Tráng nhùng nhiễu cả 9 đời. Đó là mộng ứng đúng như vậy. Nay đã gần hết năm, xin Chúa hạ lệnh cho Quan Phụ Chính Thượng Tướng Công sửa lễ Tế Trời Đất vào đúng ngày Mồng Một Tết năm Canh-Tý là mở đầu vận hội thanh bình ».

NGUYỄN-PHÚC-ÁNH lấy làm vui mừng cho đem vàng bạc biếu người Khách Minh-Hương đoán mộng rồi truyền cho quan Phụ - Chánh Thượng Tướng Công ĐỖ - THÀNH - NHƠN lấy vàng bạc trong kho ra để lập trạm Trại, treo đèn kết hoa làm lễ xưng Vương giữa ngày mồng một Tết năm Canh-Tý.

Mộng Nguyễn-Phúc-Ánh năm thấy thật là ứng đúng như lời

(1) Mộng trước Chúa thấy bị mất đầu được đoán là Chữ Chúa mất đầu thành chữ Vương tức là mộng ứng Chúa sẽ được làm Vua.

đoán của người Khách Minh-Hương. Từ đời Gia-Long đến Bảo-Đại đúng 9 đời Vua và bị Pháp đồ hộ. Pháp bị mất quyền cai trị ở Việt phải kể là từ ngày Bảo-Đại bị lật đổ ngày 23.10.55 là ngày thành lập chế độ Cộng-Hòa, truất phế Bảo-Đại, vị Vua cuối cùng của nhà Nguyễn vậy.

**Sài Gòn Gia Định
tưng bừng trong ngày
lễ xưng Vương của
Nguyễn - Phúc - Anh.**

Phụ-Chánh Đại-Thần Đỗ-Thành-Nhơn tước Quận Công Thượng Tướng Quân được chiếu Chúa mở hội xưng Vương giữa ngày mồng một Tết năm Canh-Tý liền huy động quân lính Đông-Sơn và dân Sài-Côn, Gia-Định, Định-Tường, Vĩnh-Long, Long-Xuyên bày Hương-Án, treo đèn kết hoa mở hội Hoa-Đăng mừng Chúa xưng Vương.

Khắp các nơi, dân chúng nô nức ăn Tết. Nhà nhà đều treo đèn kết hoa để đón mừng Vương hiệu. Giữa thành Gia-Định, quan Tổng-Trấn thành Gia-Định là

Đỗ-Thành-Nhơn lập một kỳ đài đúng như giấc mộng của Nguyễn-Phúc-Anh, có 9 con rồng phun nước giữa những khóm Hoa Lan thật đẹp rồi mời Nguyễn-Vương ra truyền Hịch kêu gọi Ba Quân Tướng Sĩ.

Dân chúng vùng Gia-Định và Sài-Côn đốt pháo múa Lân, để mừng lễ Chúa suốt trong 7 ngày kể từ ngày mồng một đến ngày hạ nêu. Nguyễn-Vương lòng vàng cả đẹp cho xuất của kho để khao thưởng ba quân, tướng sĩ.

Truyền rằng hồi bấy giờ ngoài Bắc, Chúa Trịnh-Sâm vốn người làng Bồng, huyện Quảng-Hóa (sau đổi là huyện Vĩnh-Lộc) khi xuất quân phò Lê diệt Mạc thường dùng quân Bản Bộ là quân Thanh-Hóa và Nghệ-An đánh giặc. Quân Thanh Nghệ là quân kiêu dũng hết lòng vì Chúa rất gan dạ, đánh đâu được đấy nên được Chúa trọng dụng dùng làm Cận Vệ binh coi sóc trong Hoàng Thành Vua Lê và Phủ Chúa.

Năm 1782, Chúa Trịnh-Sâm say đắm nàng Đặng-thị-Huê lập con thứ là Trịnh-Cán lên làm Chúa thì bị quân Tam Phủ

Thanh Nghệ nổi lên giết Cán lập Khải. Đó là loạn Kiều Bình miền Bắc gây nên bao sự nhiễu hại lương dân.

Ở miền Nam Chúa Nguyễn vốn quê ở Triều-Tường huyện Tống-Sơn sau đổi là Phủ Hà-



Trung nên khi Nguyễn-Uông bị Trịnh-Kiểm giết rồi, Nguyễn-Hoàng mới vào xin với chị ruột nói cùng anh rể là Trịnh-Kiểm cho Hoàng vô Phủ Xuân lập nghiệp. Kiểm bằng lòng, Hoàng đem theo những quân lính và tướng tá tâm phúc người đồng quê Thanh-Hóa vô miền Trung lập ấp. Quân Thanh theo Nguyễn-Hoàng hầu hết là người Đông-Sơn, Hà Trung, Hoàng-Hóa, Hậu Lộc bằng bề thêm cả vợ con, chớ mẹ đi cư lập ấp ở miền Nam. Toàn quân Thanh Hóa rất kiêu đông phần vì cùng quê với Chúa nên hết lòng vì Chúa Nguyễn, phần vì những kẻ bỏ đi theo Chúa là những kẻ bất mãn với Địa Vị ở quê hương nên sanh tâm thù ác muốn làm nổi tiếng để lấy thể với bản xứ nên bọn lính Đông Sơn đánh đầu được đầy.

Quan Thượng Tướng Công, Phụ Chánh Đại-Thần Đồ. Thành Nhân là người chỉ huy đám quân Đông-Sơn giúp Nguyễn-Vương khôi phục lại Thành Gia-Định và Sài-Côn, đánh chiếm thành Bình Thuận và Diên Khánh nên được Nguyễn-Vương

trọng dụng, biệt đãi.

Quan Thượng Tướng Công Đỗ-Thành-Nhơn, Tổng-Trấn Gia-Định thấy quân lính Đông-Sơn dưới quyền chỉ huy của Ông lập được nhiều công, đánh giặc lại giỏi nên cây thế sinh ra kiêu căng định lấn át quyền Chúa Nguyễn nhứt là sau ngày Chúa Nguyễn xưng Vương Hiệu ở Sài-Côn giữa ngày mùng Một Tết năm Canh-Tý (1780), cách nay vừa đúng 120 năm, Đỗ-Thành-Nhơn lại càng cây quyền thế và công lớn với Chúa hơn nữa.

Nguyễn-Phúc-Anh năm xưng Vương hiệu, mới có 19 tuổi nhưng đã tỏ ra là người có trí dũng và mưu kế hơn người. Năm 17 tuổi Nguyễn Phúc-Anh đã dùng mưu lược và chỉ mưu dùng Tướng để lấy Thành Sài-Côn, Gia-Định, được các Tướng kính mến tôn Anh làm Đại Nguyên-Sứ Nhiếp Quốc Chính. Bởi vậy khi thấy Đỗ-Thành-Nhơn giáng chũm kiêu căng cây có quân Đông-Sơn định lấn quyền họ Nguyễn, Nguyễn-Phúc-Anh mới hài tội đem giết Đỗ-

Thành-Nhơn và tước hết quyền của quân Đông-Sơn. Quân Đông Sơn lo sợ bỏ trốn rồi nổi loạn đánh lại Chúa Nguyễn Phúc-Anh.

Trong kỳ Nguyễn-Phúc-Anh xưng Vương Hiệu, Đỗ-Thành-Nhơn đã lập được nhiều công trạng nhứt là về tài tổ chức quân đội cũng như tuyên truyền uy thế của Chúa Nguyễn lúc bấy giờ.

Đỗ-Thành-Nhơn đốc xuất dân chúng bày biện Hương-Ấn, các kỳ đài đón rước Vương Hiệu, cho dân chúng được đánh cờ bạc rong chơi, mở hội Hoa Đăng giòng đã 7 ngày trời làm cho dân chúng vô cùng vui thích. Quan Ngoại Hữu Phụ Chánh Thượng Tướng Công Đỗ-Thành-Nhơn lại thân hành đến chơi đùa với dân chúng nên dân chúng thành Sài-Côn và Gia-Định đều kính mến quan Ngoại-Hữu Phụ Chánh. Khi Ngoại-Hữu phụ Chánh Đỗ-thành-Nhơn bị giết dân chúng thấp dèn, đốt nhang cúng vái. Nhiều nhà lập bàn thờ trong nhà để cúng kiếng.

Năm sau, Nguyễn-Phúc-Anh bị Nguyễn-Huệ đem Thủy-Lục Quân đến vây đánh phải bỏ thành Gia-Định, Sài-Côn mà chạy. Dân chúng vì oán ghét Nguyễn-Vương giết lầm Đỗ-Thành-Nhơn nên không mấy người theo Nguyễn-Vương nữa. Nguyễn-Vương bị Nguyễn-Huệ đánh chạy dài bỏ đất liền ra đến Phú Quốc cũng bị Nguyễn-Huệ đem Thủy Quân ra vây bắt. Nguyễn-Vương lại thua chạy bỏ Phú-Quốc chạy ra Côn-Sơn. Nguyễn-Huệ đem thuyền và quân lính ra vây Côn-Sơn bắt chúa Nguyễn phúc Ánh. Trăm phần thấy chết cả trăm, Chúa Nguyễn phúc Ánh đành chịu bó tay chờ chết. May thay khi quân lính của Nguyễn-Huệ đáp thuyền ra đánh Côn Sơn nửa đường bị bão đánh đắm hết thuyền nên Nguyễn-

Vương mới có thể trốn thoát được chạy sang Xiêm cầu cứu.

Ở Xiêm La, Nguyễn-Vương gặp vị Giám-mục Gia-Tô Giáo là Đức Cha Bá-đa-Lộc (Pierre Pigneau de Béhaine, évêque d'Adran) ở đất Châu-Bum truyền-giáo (Xiêm) liền mời đến cầu-cứu với nước Pháp và cho Hoàng tử Cảnh mới có 8 tuổi sang Pháp làm con tin cùng với Ấn Vua.

Cuộc giao thiệp với Đức giám-mục Bá-đa-Lộc, Nguyễn-phúc Ánh đã dẫn đầu cho giai-đoạn lịch sử mới của Dân tộc Việt : NGƯỜI PHÁP SANG CHIẾM NƯỚC TA và CAI TRỊ 9 ĐỜI NHÀ NGUYỄN đúng với giấc mộng con Chuột-Bạch của Nguyễn-Vương.



* KHOE VỢ *

Ba Búa khoe vợ với Tư Bù-Loong :

— Đạt-ca ơi, vợ tôi học giỏi lắm, nghe. Bất cứ về vấn đề gì, nó cũng nói được hàng giờ !

Tư Bù-Loong đáp lại liền :

— Xì, vợ tôi giỏi hơn nữa. Mồm nó nói suốt ngày, không cần vấn-đề gì ráo !

XUÂN VỀ

Thuyền về lấp nấp sông xuân,
Cờ xuân thanh thoát trắng ngần sắc mai.
Cành xuân, tóc mượt, nghiêng tai;
Chim xuân tranh liếng đua tài hót thơ.
Gió xuân gheo lá ỏm ở,
Bướm xuân dệt sắc trăm tờ hoa tiên.
Hoa xuân mím nụ làm duyên,
Hương xuân ướp ngỗ nhũ nguyên yêu đương.
Tơ xuân lưới mộng mười phương.
Nắng xuân êm điệu nghệ-thường lay bay.
Lòng xuân : hộp phải men say,
Người xuân trẻ lại, mộng dài thêm ra.
Ý xuân son thắm, vị tha,
Yêu xuân : đắm đuối dờn ra bút ngà.
Xuân về, đượm nghĩa v-i ca,
Mùa xuân là một món quà thiêng liêng.
Xuân sang, non nước diêu huyền,
Trời xuân là một cảnh tiên vườn trần.

TỪ-TRẦM-LỆ

MÓN Quà

Kỷ niệm

ĐẦU

NĂM



D O I khỏi tiệm đầu tóc, bà Phúc còn dơ tay hất hất mái tóc mới uốn một cách kiêu cách. Một khoảng trắng sau gáy, dưới chân tóc lộ thoáng trong một giây. Mùi thuốc hăng-hắc vẫn còn bao phủ mớ tóc đen bóng của bà.

Sự nhện-nhíp của phố-phường ngày đầu năm như hòa theo niềm vui hớn-hở của bà Phúc vừa mới chớm-nở khi bà nhìn kỹ hình mình với mái tóc mới ở trong gương.

Bà mỉm cười khi nghĩ tới cô thợ uốn tóc đã phải khen: "Bà có nhận thấy bà đã khác hẳn với lúc vấn tóc không? Lúc đó khuôn mặt của bà tối và già hẳn, nhưng bây giờ thì sáng-sủa, đẹp ra và trẻ hẳn lại".

Bà Phúc thấy mình như trẻ

thật trên mái tóc đen của bà đã ba mươi sáu lần mùa xuân nối tiếp nhau đổi thay.

Bà lại dơ tay lên hất hất mái tóc. Cái cổ cao lại hiện một khoảng trắng nhỏ dưới chân tóc sau gáy thoáng trong một giây.

Đi ngang qua nhà hàng Kim-Sơn, bà hơi ngượng-ngịu khi thấy bao con mắt ngược nhìn bà. Có người đang uống dở cốc bia cũng soay người nhìn theo. Không hiểu họ nhìn mái tóc mới hay cốt «chiêm-ngưỡng» dung nhan của bà. Tự nhiên chân bà dúi lại và bước đi chập-chững. Mặt đỏ bừng, bà lại dơ tay lên hất hất mái tóc.

Bà chợt nghĩ tới lời nói của Thù — con gái lớn của bà — đã

từng nhiều lần giục bà đi uốn tóc :
« Me cứ nghe con me đi uốn tóc đi. Mái tóc của me sẽ cao, gọn và làm tăng sắc đẹp sâu sắc của Me cho mà coi ».

Hồi trong năm, dần do suy-nghĩ mãi bà mới quyết-định cắt bỏ mái tóc huyền, nhưng lúc đó, tiệm uốn tóc nào cũng đông nghẹt khách, từ cô bé lên năm cho tới các nàng thiếu nữ, các bà đứng tuổi đang ngồi chờ đợi nên bà đành phải để dành ra giêng mới đi làm đầu.

Mãi nghĩ-ngợi, bà Phúc đã bước tới đường Tự-Do. Nhìn đồng hồ mới có mười giờ, bà tạt vào vườn hoa ngay bên đường để nghỉ chân. Phía góc vườn một đôi tình nhân trẻ tuổi đang ngồi đối vào nhau như không muốn dời. Hình như họ đang bàn tính những chuyện xây dựng tương-lai.

Trời trong xanh, những lá cây xanh mơn mớn rung rung, chao đi chao lại trước ngọn gió xuân nhẹ thổi. Trên bụi cây, một đôi chim se-se đang mổm mổ cho nhau. Không khí mát mẻ.

— Xin lỗi Bà !

Đang mãi ngắm đôi chim non rìa cánh cho nhau, bà Phúc giật mình khi nghe thấy có người nói

với mình. Đó là một người đàn ông ăn mặc rất lịch sự, một bộ com-lê màu xanh thẫm, có thắt cravate xanh nhạt điểm hoa trắng.

Bà Phúc vội vàng ngồi nhích ra phía đầu ghế để nhường chỗ cho người lạ mặt mới tới.

— Mời ông cứ tự nhiên.

Người lạ vào chuyện :

— Thưa bà, mong bà bỏ qua cái tính hơi táo-bạo của tôi, nhưng thoát trông thấy bà ngồi một mình ở đây, trông bà đẹp, lịch sự, tôi không thể nào kềm được sự mong muốn là đến đây được ngồi bên cạnh bà ...

Đầu tiên nghe lời người đàn ông lạ mặt tán tỉnh, bà Phúc cau-có, bực mình nhưng lòng bà đã dịu-dịu lại theo lời nói ngọt ngào của kẻ ngồi bên cạnh. Đôi má nóng ran lên như lần bà đã được nghe ông Phúc tỏ tình hồi bà mới có hai mươi tuổi. Mười sáu năm nay bà mới lại được nghe tới lần nữa nhưng, chợt bà Phúc thấy mình đã vô lý im lặng ngồi nghe lời nói « hỗn xược » đó, bà muốn đứng dậy mắng vào mặt đứa tán tỉnh mình nhưng rồi bà gìm ngay được. Nghe mấy câu khen

vô thương vô phạt đó có sao ? Ừ
 anh hãy còn đẹp thật nên hẳn
 mới nói thế chứ ! Nếu không,
 thừa hơi đầu mà đi khen nhăng
 nhít !

Người đàn ông lạ mặt vẫn tiếp:

— Tôi đoán bà hay súc cầm
 trong đầu óc thỉnh thoảng vương
 vít một nỗi buồn mông lung, vô
 căn cứ. À... bà có thể cho tôi xem
 tay bà được không ? Tôi... tôi có
 lối coi tướng, coi chỉ tay nữa.

Như một cái máy bà Phúc
 chĩa nhanh tay ra và nghĩ thầm :

• Hẳn đoán đúng quá, tài thật ! »

— Tôi chỉ đoán cho bà hai câu
 thôi, nếu không đúng bà cứ nói
 thẳng.

Người đàn ông nắm lấy bàn tay
 trắng trẻo của bà Phúc, lật ngửa
 bàn tay ra, chăm chú nhìn những
 đường chỉ tay chạy ngang dọc như
 những con lộ giao thông.

— Bà hay nhẹ dạ tin người
 vì lòng ngay thẳng và tính hay
 giúp đỡ. Tôi đoán như thế có đúng
 không ạ ?

Cũng không đề ý đến cái
 gập đầu của bà Phúc, người lạ
 mặt tiếp luôn :

— Bà luôn luôn được mọi
 người quý mến, được chồng

thương yêu, con cái kính-trọng...

Bỏ dở lời nói người lạ mặt
 ngừng nhìn bà Phúc và
 cũng kịp nhận cái gập đầu thứ hai
 của bà. Đột nhiên, hẳn nắm chặt
 lấy tay bà rồi đưa lên môi hôn nhẹ.

Bà Phúc rung mình như bị điện
 giật Bà không tự chủ được lòng
 mình nữa. Đôi mắt nhắm nghiền,
 bà mê mị thụ hưởng cái hơi nóng
 tỏa ra bàn tay của bà. Bà quên
 hẳn ông Phúc, vào giờ này chắc
 đã đi làm về, quên cả đứa con gái
 yêu đang mong đợi mẹ về với
 mái tóc mới uốn. Bàn tay của bà
 vẫn nắm gọn trong lòng bàn tay
 dần chắc của người đàn ông tình
 tứ.

Một phút yếu lòng trôi qua, bà
 Phúc chợt tỉnh ngộ, nghĩ đến cái
 phút tội lỗi vừa qua, bà rung
 mình kinh tởm :

— Ông đi đi, đi ngay đi. Tỷ
 nữa tôi đã phạm tội với chồng
 con tôi.

Không đề bà Phúc đuổi tới
 câu thứ hai, người đàn ông lạ
 mặt đứng dậy luôn :

— Tôi thành thật xin lỗi bà,
 nhưng không bao giờ tôi có thể
 quên được phút thần tiên vừa qua
 bên cạnh bà.

MÓN QUÀ KỶ NIỆM ĐẦU NĂM

Một nhà thơ có nói rằng : « Một kỷ niệm sung sướng còn giá trị nhiều hơn hạnh phúc ». Cô phải thế không bà ?

Bà Phúc nhắm mắt lại như để sua đuôi một lần nữa. Bà không muốn nghe hẳn nói thêm một lời nào.

Ngồi vào mâm cơm, ông Phúc chăm chú nhìn mái tóc mới của vợ. Cô Thùy cũng khúc khích cười nói to :

— Đấy mẹ xem có phải bây giờ mẹ đẹp hơn trước không, làm ba cũng phải chăm chú nhìn không chớp mắt.

Bà Phúc ngượng ngịu, luống cuống trước tia nhìn âu yếm, sung sướng, thỏa mãn của chồng. Theo thói quen có từ lúc ở hiệu uốn tóc ra, bà vội dơ tay lên hất hất

mái tóc.

— Kìa ! Sao hôm nay mẹ lại tháo viên kim cương ở nhẫn ra thế ? Ông Phúc ngạc nhiên hỏi.

Bà Phúc gật mình nhìn xuống bàn tay, viên ngọc quý đã không còn ở đó nữa. Chiếc hôn nhẹ ở vườn hoa đã thay vào đó rồi.

Mặt đỏ bừng lên vì uất ức, vì sợ hãi, bà mếu máo khóc :

— Có lẽ tôi đánh rơi dâu rồi, khổ quá !

Ông Phúc vội an ủi :

— Thôi, thôi, mất rồi thì thôi, ai lại khóc thế con nó cười cho. Để đến chiều tôi dẫn bà lên đường Tự-Do tìm mua chiếc mặt nhẫn khác thay vào, gọi là món quà mới đầu năm làm kỷ niệm ngày bà « cải cá h » bộ tóc.

Bà bằng lòng chứ ?

Tổng thống Mỹ, Eisenhower có hai người anh, tên là Arthur và Edgar. Nhưng người Mỹ có tật kêu tên tắt cho gọn, nên họ cứ kêu hai người kia là Art và Ed. Bà Mẹ không ưa lối kêu tắt như thế, nên đặt cho Eisenhower là Dwight, để đừng ai gọi tắt được nữa. Quả nhiên, cái tên này khó gọi tắt được lắm, nhưng người ta tại bày ra cái tên nặng nề gọi Tổng-Thống là Ike !

(Kính tặng những nhà thơ bậc thầy đã mở mắt
cho tôi nhìn thấy một thế-giới! Yêu-Thương...)

« BÌNH-MINH CA », BÀI THƠ HAY
NHẤT CỦA HAI MƯƠI THẾ-KỶ.

VÀO một buổi sáng mùa
xuân năm 2.000, trong
một công-viên đẹp nhất của thủ-
đô Việt-Nam, có đàn trẻ thơ nhảy
nhót nô đùa, ca hát rộn-rã.

Gần đấy trên một ghế đá, một
ông già, áo ngự hàn trên vai, râu
tóc bạc phơ như chòm tuyết đọng
phất-phơ bay theo ngọn gió mai,
nhìn theo lũ trẻ, trầm tư suy nghĩ.

Tiết trời ấm-áp. Không khí
trong sáng, không gợn một chút
bụi. Mây xanh lằng-đằng nằm thoải

trên bầu trời cao. Gió hiu hiu lạnh.
Nắng xuân dọi theo kẽ lá thưa,
chảy chan-chứa xuống thảm cỏ
non. Bầy chim sẻ, chim sâu ẩn trong
những khóm cây, khúc-khích hót
từng nhịp theo giọng hát của lũ trẻ.

Một không khí Xuân-Thu thấm
dượm hương « đồng dao » làn-
quất đầu đầy.

Ông già đặc-biệt theo dõi hai
đứa trẻ vừa tách ra khỏi đàn, lúi
húi dưới một cụm cây.

Đứa trai lớn tuổi chừng lên tám,

tóc hót gọn, má đầy, mắt sáng, cặp môi gọn màu cánh hồng non, mặc quần ngắn để phỏ ra hai cái đùi mũm-mĩm.

Đứa gái nhỏ, chừng sáu tuổi, tóc đen màu mun, buông lơ xuống ngang vai, cặp mắt long-lanh như hạt huyền, má hây hây như da đào vừa chín.

Hai đứa cùng nâng-niu gỡ một xác bướm ra khỏi cành cây.

Đứa trai nói với bướm :

— Bướm đẹp ơi, sao bướm ngủ giữa nắng xuân ?

Đứa gái nói :

— Chắc cành cây giữ bướm ngủ. Lại có gió đêm ru cho bướm...

Đứa trai:—Hay bướm say rượu?

Đứa gái :— Ừ ! Hay đêm qua bướm mãi dự tiệc với hoa ? Chắc bướm uống rượu bằng ánh trăng mười sáu !

Đứa trai — Ừ ! Bướm mặc áo thêu lộng-lẫy quá !

Đứa gái — Bướm còn thở nữa không ?

Đứa trai — Xuyết. . . im, cho bướm ngủ !

Đứa gái — Bướm say, làm sao cho bướm tỉnh ?

Đứa trai — Sương đêm qua

trên cành làm cho bướm lạnh thêm.

Đứa gái — Làm sao cho bướm ấm ?

Đứa trai — Để nắng xuân sưởi cho bướm !

Đứa gái — Bướm không chết chứ ?

Đứa trai — Hoa có chết bao giờ !

Đứa gái — Hoa có rã cánh !

Đứa trai — Không ! Hoa thay xiêm đó !

Hoa lại trở dậy vào mùa xuân.

Đứa gái nhìn lên trời, theo một bên mắt, gọi :

— Nắng ơi nắng ! Nắng ấm nữa lên ! Nắng nhiều nữa lên !

Đứa trai chấp tay cầu xin một bông hoa trong bụi cây bên cạnh :

— Hoa ơi, lạy hoa hãy ngừng hương lại đi cho bướm thở.

Đứa gái giơ tay vẫy nắng :

— Ừ ! Nắng đã nghe ta. Nắng ngoan ! Nắng nhiều nữa lên ! Nắng ấm nữa lên !

Đứa trai nâng-niu đặt xác bướm lên ba cái lá non đã kê lại làm giường.

Cả hai cùng đứng dậy một lượt, và như cùng có một một ý nghĩ.

chúng cùng nói :

— Nào ! Chúng ta đi nhặt nắng
sưởi cho bướm ! Cả hai đứa chạy
tung-tăng trong vườn, lấy vạt áo
ra hứng nắng rồi chạy lại đồ nắng
xuống xác bướm.

Đứa gái khoe :

— Tao được nhiều nắng hơn
mày !

Đứa trai không chịu :

— Xì ! Tao hứng được nhiều
hơn !

Nắng dọi qua kẽ lá đồ xuống
vạt áo chúng từng mảng óng-ánh
như vàng diệp.

Mỗi khi tưởng-tượng như nắng
đã nặng trĩu trong vạt áo, chúng
lại chạy lại đồ xuống xác bướm.

Như thế nhiều lần.

Chúng reo luôn miệng :

— Một nắng này ! Hai nắng
này ! Ba nắng này !

— Tao được mười hai nắng !

— Tao được mười lăm nắng !

Ông già ngạc-nhiên thấy cánh
bướm khe dập-dập.

Hai đứa trẻ reo lên, giọng
chúng lạnh-lãnh :

— Bướm tỉnh rồi ! Bướm hết
lạnh ! Bướm sắp bay !

— Bướm lại say rượu ! Bướm
lại ngã khoèo !

Chúng hối-thúc nhau :

— Nhặt nắng mau lên mày !

Chúng lại tung - tăng chạy đi
hứng nắng dưới những vòm cây
thưa lá.

Nắng đồ xuống mỗi lúc mỗi
nhiều.

Chúng luýnh-quýnh không biết
nhặt ở đâu, hứng ở đâu, lãng-
xãng va vào nhau, ngã lẫn cù
xuống cỏ, cười lên khanh - khách.
Chúng lại đồ nắng xuống xác
bướm.

Bướm đập cánh mạnh hơn, rồi
dựng hẳn đôi cánh lên. Nó đập đôi
cánh như đôi diêm mi con bé khe
chớp-chớp, rồi bay là-là trên bụi
cây.

Hai đứa trẻ bỏ cả nắng chạy
rà-rà theo bướm.

Con bướm như cũng đùa với
hai đứa trẻ, lúc bay ra xa-xa, lúc
lại xà lại gần đầu chúng, làm
chúng nhắm cả mắt lại cười như
nắc-nẻ.

Ông già rút bút giấy ra từ lúc
nào, hí-hoáy ghi-ghi, chép - chép
từng lời của đứa trẻ một.

Sắc mặt ông già hồng hân lên

như vừa nhấp vào men rượu ngon.

Miệng ông ta luôn lẩm - bầm:

— Một bài thơ bất hủ ! Một bài thơ hay nhất của cả hai ngàn năm nay ! Bài « Bình Minh Ca » của kỳ-nguyên mới ! Chúng mới là đại thi-hào ! Ủ ! chính chúng mới là những đại thi - hào của nhân loại.

Ông già lật-dật đứng dậy đi.

Nắng tràn xuống khu vườn như mưa rào.

Ông già ấy không ai khác, chính là thi-sĩ Nguyễn-sắc-Xuân. Nhà đại thi-hào của Việt-Nam và của cả nhân-loại.

Năm trước, tập thơ « Tận Thế và Sáng Thế » của ông đã đoạt được giải-thưởng Thi Ca quốc tế và đã làm tên tuổi ông vang dội khắp năm châu.

Nhiều hội các nhà thơ trên thế giới đã mời thi-hào Nguyễn-sắc-Xuân làm chủ-tịch danh-dự.

Hàn Lâm Viện Thi Ca của Pháp, rồi lần lượt của Mỹ, của Anh, của Nga, của Nhật - Bản, của Trung-Hoa, của Ấn-Độ v.v... đã mời thi-hào Nguyễn-sắc-Xuân gia-nhập với tư-cách Hội - Viên Danh-Dự.

Dĩ nhiên tại Việt-Nam, thi-hào Nguyễn-sắc-Xuân cũng là chủ tịch danh-dự hội các nhà thơ Việt-Nam.

Vậy thì, sáng hôm đó, sau khi đã chứng-kến, đã ghi chép từng lời của hai đứa trẻ trong công-viên khi chúng « nhật-năng » hồi sinh cho một xác bướm, thi-hào Nguyễn-sắc-Xuân lật-dật tới Hội quán hội các nhà thơ Việt-Nam, cấp-tốc triệu thỉnh năm thi-hào khác và cũng là năm vị phó chủ-tịch của hội, để giới thiệu một thiên-tài thi ca mới khám phá được.

Sau khi bình lên bài thơ của hai đứa trẻ lên — chắc chắn chúng đã không biết là chúng làm thơ — cả năm nhà thi-hào có tiếng là khó khăn rất mực trong phạm vi thi ca kia đều không ngần-ngại mà công-nhận ngay đó là bài thơ hay nhất của cả 20 thế kỷ.

Họ xác nhận—theo thông lệ thì ngay buổi chiều hôm đó phải có một thông-cáo của hội đề chính-thức hóa sự xác-nhận của họ — rằng : đối với thiên-tài nọ, hồn thơ nọ thì họ không còn xứng-dáng với danh-vị thi-hào nữa.

Sáu nhà thơ, buổi ấy ngâm-ngã bài thơ «Nắng Bướm» đã quên cả ăn. Sau buổi thảo-luận dằng-dặc suốt một ngày và một đêm, họ tìm thấy trong Thơ cả một tôn giáo.

Tôn-giáo ấy họ gọi là «Tôn-Giáo Thơ».

«Tôn-giáo Thơ» đòi xuống cho họ một đợt ánh sáng sáng hơn ánh-sáng. Họ bừng tỉnh, chân thành hơn cả một lời cầu nguyện.

Sáu nhà thi-hào thấy đã tiếp-nhận được từ Tôn-giáo Thơ một Chân lý mà cả hai mươi thế kỷ vừa qua loài người đã không tìm ra.

Họ tìm thấy trong thơ tất cả nguồn gốc của Con người và tạo-

vật trong quá khứ cũng như trong Tương-lai.

Nhờ nguyên-khí thuần-chất của Thơ họ cũng tìm thấy cả nguyên-vọng của Thế hệ mới trong kỷ-nguyên mới của năm 2001, và của cả những thế-hệ tiếp nối, những chu-kỳ tiếp nối.

Họ can đảm lĩnh-nhận trách-nhiệm và tự nguyện phải đem ánh-sáng của Thơ, của Chân-lý mới rải-rác ra cho nhân-loại cùng hưởng.

Và như vậy, đầu muốn đầu không, họ cũng phải xuất-hiện.

(Còn nữa)

Kỳ sau: Trát bom nỏ trong bình minh của Thế-kỷ 21

Cu Tý mới 5 tuổi, một hôm nghe Ba nó nói dẫn với Má nó :«Cò vạc cung của tôi nhổng-nhều quá!»

Chiều, nó vọc đất bần tay, má nó biếu nó đi rửa tay, nó không đi. Má nó đánh nó khóc. Ba nó đi làm về, thấy vậy hỏi :

— Sao con khóc vậy, con ?

Cu Tý thút-thít đáp :

— Dạ thưa Ba, cò vạc cung của Ba nhổng nhều đ'nh con đó l

★. *Thăm-thệ-Hà.*

Miền nguyệt, vườn sương, ngõ
trúc gầy,
Người dân gập-gở đất hồ Tây.
Áo xanh phảng-phất vương hồn
mộng,
Còn biết tìm ai ở chốn này ?...

TRIỆU-NGUYỄN là một
thư sinh, tánh thích giang
hồ. Chàng thường ở tạm
rày đây mai đó, ít khi người ta
thấy bóng chàng hơn một tháng
ở nơi nào.

Nhờ tài đàn hát với chiếc đàn
mang theo mình, Triệu Nguyễn
luôn luôn dư dật để sống một
cuộc đời làm bạn với bút-ngiên.

Một hôm, sau hai ngày rong-
rải theo đường độc lộ, Triệu-
Nguyễn đặt chân đến đất Tây-
Hồ. Chàng dựng một chiếc lều cỏ
bên khúc lộ xa làng gần nửa
đặm dề tạm trú. Từ đó, những

buổi sớm, mấy cô gái bán bưng, hoặc mấy kẻ bộ hành, có việc sang ngang đấy, đều dừng lại đôi phút, ngơ ngẩn nhìn vào chiếc lều cỏ, nghe giọng ngậm-thờ trong trẻo của chàng thư-sinh.

Một chiều kia, Triệu Nguyên bỗng nhiên nảy hứng làm được một bài thơ tuyệt-tác. Chàng lấy làm thích tri cát tiếng ngâm vang trong gian lều. Đang lúc ấy, chợt nghe ngoài cửa có tiếng động, chàng vội ngoảnh mặt nhìn ra : bên ngoài, theo kệt. Nguyên thấy có một đôi mắt đẹp, núp sau cửa nhìn chàng. Và khi biết đã bại lộ, kẻ có đôi mắt ấy then thò bước tháo ra ngoài.

Bị chạm vào tánh tò mò, Triệu Nguyên ném vội quyền vớ, lật-dật chạy ra mở tung cánh cửa để nhìn theo; chàng thấy một thiếu nữ mặc áo xanh, dáng người tuyệt đẹp, đang bước hối-hả, và khuất sau lùm tre xanh ở một ngõ quẹo.

Sau lúc nhìn ngấm mê mẩn, Triệu Nguyên thần thờ bước vào nhà.

Tự đấy sớm chiều chàng những ngẩn ngơ nhìn ra đường để trông chờ và hy-vọng được tái gặp người đẹp, không còn thiết gì tư-cầm nữa.

Nhưng, bằng đi như thế những năm hôm, bóng người thiếu nữ

áo xanh thoảng qua trong mộng, như không muốn trở lại với chàng nữa.

Triệu Nguyên buồn rầu, mắt cả ăn ngủ, chàng tính đợi ràn vài hôm nữa sẽ bỏ lều đi về nơi khác.

Trong lúc đang tràn trề thất-vọng thì đột nhiên người thiếu nữ áo xanh lại sang ngang đấy. Mừng-rỡ, Nguyên vội-vàng chạy đón, ngỡ lòng mình cho nàng biết Chàng vẫn ngờ sẽ bị nàng vì then mà giả bộ cự tuyệt, hoặc phải qua nhiều nỗi khó khăn. Song trái lại, Nguyên vừa ngỡ đôi lời, nàng ấy liềm thuận tình, theo chàng về lều.

Sáng hôm sau, qua một đêm âu - yếm trong chăn gối với Nguyên, nàng liền trở về nhà và xé chiều lại đến.

Cứ thế mãi, có nhiều khi Nguyên hỏi đến tên họ nhà cửa của nàng. Nhưng, mỗi lần chàng dợm hỏi, thiếu nữ mặt lộ vẻ buồn và lảng sang chuyện khác. Riết rồi chàng cũng bỏ qua, độ chừng nàng là nàng hầu hoặc vợ lẽ của một viên quan già về hưu, vì chàng vẫn thấy nàng thường theo phía một biệt thự ở hướng tây mà đến.

Có một đêm kia, trời đổ xuống một trận mưa thật to, thiếu nữ gọi cửa vào lều, quần áo ướt lếch-thếch. Triệu Nguyên lấy làm lạ vì thấy trái với mọi hôm.

đêm nay nàng không còn mặc áo xanh nữa, mà lại là bộ đồ trắng. Chàng hỏi :

— Trờ mưa, em không lạnh sao mà vẫn đến ?

Nàng đáp rằng :

— Lạnh nhưng em vẫn đến để trọn lời hứa với chàng.

Triệu Nguyên lại cất tiếng hỏi :

— Nhưng sao em lại không mặc áo xanh, mà lại áo trắng, và sao vẻ mặt em buồn thế ?

Nàng khóc sụt sùi khổ đáp:

— Chàng hỏi làm chi, đây là chuyện riêng của em, không nên cho chàng biết.

Triệu Nguyên tò mò cố gạn hỏi nàng.

Thiếu nữ lại càng khóc nhiều hơn nữa, như mưa như gió; và đúng khuya, nàng liền từ giả ra về.

Triệu Nguyên quá lạ lùng trước cử chỉ ấy, chàng để nàng đi một chốc, liền giả bộ khép cửa ngủ, rồi lên theo.

Như sự tiên đoán của chàng, thiếu nữ đến một biệt thự. Sau khi vào, nàng cài cửa ngoài lại cẩn thận. Triệu Nguyên không thể vào được đành trở về.

Sáng hôm sau, chàng hỏi mấy người quanh vùng, người ta cho chàng biết: đó là biệt-thự của một ông quan già về hưu, nhưng ông đã chết rồi từ lâu, và vì không có con cháu nên

cái biệt thự ấy phải bỏ hoang vắng lâu ngày. Giờ đây nơi biệt thự ấy rất nhiều yêu quái.

Triệu Nguyên dăm nghi-ngờ, nhưng sau cùng, chàng dần lòng quy t nội đêm nay sẽ lần theo thiếu nữ lần nữa, để vào cho được trong biệt thự hầu tìm tông tích nàng.

Đêm hôm ấy, như thường lệ, thiếu nữ lại đến. Nàng vẫn mặc bộ đồ toàn trắng.

... Như đêm trước, sau giờ ăn yếm cùng Nguyên, khuya đêm ấy thiếu nữ lại từ giả chàng đi ra về.

Triệu Nguyên lại lần theo nàng và chàng vào được trong biệt-thự. Thiếu nữ đi trước thoát cái dũ lẫn đầu mất trong bóng tối. Chàng đành lăm-lũi bước liền theo bậc gạch, và đẩy khẽ cánh cửa bằng sắt tiến vào trong.

Trong đêm dày, chàng thư-sinh vẫn lặng lẽ thận trọng bước. Tiếng muỗi kêu o o làm tăng thêm vẻ huyền bí của biệt thự. Bỗng, Nguyên nghe như có tiếng ai thì thầm nơi gian phòng trong. Chàng liền theo phía ấy lần vào, chắc rằng sẽ gặp nàng áo xanh. Nhưng có tiếng thét ghê rợn bên tai chàng, và hai bóng người tóm lấy cổ chàng quăng xuống một cái ao sâu hoắm...

Triệu Nguyên đang lúc hoang mang bỗng thấy như mình từ từ bốc lên cao, cao mãi đến tận

mây. Chàng thấy quanh mình chàng, những thiếu nữ yêu-kieu xúm bên múa hát và kia lạ chửa có cả nàng áo xanh, người yêu của chàng. Triệu Nguyên mừng rỡ ôm choàng lấy nàng trong mưa lệ.

Đang lúc ấy, mọi vật sụp cả xuống, chàng và thiếu nữ ngã xuống cõi sâu.

Triệu Nguyên kêu lên một tiếng, tỉnh giấc. Bên mình chàng, thiếu nữ cũng đã tỉnh. Sau một cơn mơ, trên khoé mắt hai người còn đầy lệ.

Nguyên kinh hãi hỏi nàng :

— Em ! em là người hay là ma, hỏi em ? Cho anh biết !...

Nàng đáp :

— Là người hay ma, em cũng nào có hại anh đâu mà hồng sợ !

Và như sợ Triệu Nguyên sẽ kinh hãi vì nàng không phải là người, thiếu nữ bắt đầu kể đoạn lịch sử của nàng :

— Em là con của một lương gia, nhà ở Lâm-An. Từ thuở bé, em có tánh thích văn-chương thi-phú, và được nổi tiếng là cao cờ khắp quận.

Vì có chút nhan sắc, nên đến năm 15 tuổi, em phải bị tuyển vào làm ti thiếp trong dinh của một quan già về hưu, làm chức Bình Chương, tên Thu Thác.

Hằng ngày phải khép nép sống trong khuôn khổ của luật-pháp.

để làm những cuộc vui cho một kẻ đã già đầu bạc hơn cả cha mẹ, em lấy làm tủi nhục cho cuộc đời trong trắng của tuổi xuân. Và đôi khi, vài hình ảnh của các bạn thiếu nữ sống thú vị bên ngoài, lọt vào mắt em, làm em luôn luôn mơ tưởng, thêm khát một mối tình êm đẹp... Một cảnh tượng đôi mái đầu xanh âu-yếm sống bên nhau dưới mái chòi lá, chia xẻ cho nhau những hương-vị cay ngọt giữa cõi đời, luôn ám ảnh tâm hồn em.

Một hôm, em được biết quan Bình Chương Thu Thác có nuôi trong dinh một tên hầu trà còn trẻ độ ba mươi tuổi. Hắn tên Triều Sinh. Thế là từ đấy chúng em yêu nhau thầm kín.

Sau những buổi hầu trà, đợi cho vắng mặt quan Bình Chương chàng Triều-Sinh thường đưa em vào khu vườn kín phía sau để cùng nhau tỏ bày tâm sự.

Rồi một chiều kia, mối tình mặn nồng giữa chúng em bỗng lọt vào đôi mắt đỏ ngầu sắt máu vì ghen của lão quan già.

Đêm hôm ấy, một đêm đầy mưa vũ. Vầng trăng, nhờ mây tránh gọi lên cầu Tây-hồ một màu ghê rợn ; lão Thu Thác gọi hẳn người tâm phúc trối chúng em lại mang lên cầu. Sau giờ diên cuồng xỉ vả, lão ta truyền cho người tâm phúc kết liễu đời

chúng em và đập xác xuống đáy hồ. Thế là từ đấy, mỗi đêm chúng em hiện lên mặt hồ ôm nhau than khóc.

Thời gian qua... Triều Sinh thối thoát đến ngày phải đầu thai về dương thế. Còn em vì nợ duyên chưa dứt, nên hồn đành vất vưởng trên mặt hồ theo chuỗi ngày lần lữa.

Nàng khóc ròng sau khi kể xong mẩu chuyện thương tâm.

Triệu Nguyên cảm động trước nỗi lòng của người yêu, chàng không còn sợ hãi khi biết nàng là ma nhưng vẫn có tính chất như người thế. Chàng an ủi nàng và hỏi :

— Thế hôm em mặc đồ trắng đến anh giữa đêm mưa gió mà về mặt em buồn rầu, phải chăng vì em nhớ lại đêm đau đớn trên cầu Tây Hồ ?

Nghe câu hỏi của Nguyên, nàng lại khóc thảm thiết và chỉ khẽ lắc đầu.

Triều Nguyên năn nỉ :

— Anh có thể nào làm cho mất sự bí hiểm của em không ? Em hãy tỏ cho anh được biết với.

Và như đoán chừng được nguyên do nỗi buồn của nàng, Nguyên ôm nàng vào lòng bảo :

— Thôi, từ đây em đừng trở về cái hồ của biệt thự Thu Thác nữa, Em hãy ở chung cùng nh, chúng ta sẽ sống trong hạnh

phúc !!!

Bắt đầu từ đó, trong lều cỏ, bóng Triệu Nguyên và nàng áo xanh sum họp trót ngày bên nhau. Luôn luôn, khách sang ngang thường nghe ngoài giọng ngâm thơ của gã thư sinh thường ngày, lại có tiếng quay tơ của nàng áo xanh nghe kéo cà kéo kẹt, làm thành một âm thanh ấm-áp vui vẻ...

Chiều hôm nay, trời lại đổ cơn mưa. Từng lần chớp vạch sáng những góc trời đen kịt vì mây phủ. Vài thân cây trước cửa lều của Nguyên bị sét đánh gãy khúc ngã chẵn ngang lộ.

Nàng áo xanh lại buồn bã, mặt đậm đia những nước mắt. Triệu Nguyên thương hại người yêu quá. Chàng ôm nàng vào lòng, vuốt vài sợi tóc lòa xòa trên trán nàng gạn hỏi :

— Sao những hôm như thế này em cứ dàu dàu mãi thế ?

Nàng khóc to và đáp :

— Hôm nay em phải thú thật cùng anh, chẳng như những lần trước nữa... Nhưng em sợ anh buồn lắm, anh ạ !... Anh ! trong chốc nữa đây, em sẽ từ giã anh để đi đầu thai nơi khác....

Nguyên ôm chặt nàng, sợ hãi nói :

— Không ! không em à, em hãy ở đây đừng đi đâu cả ! Đừng

NÀNG XUÂN NỮ ĐẤT TÂY HỒ

đi đâu, nghe em !!!

Nàng đáp :

— Không được, vì số âm cung đã định rồi, đâu chàng cố giữ em lại cũng vô ích. Trong bấy lâu em khóc, chỉ vì nghĩ đến phút phải xa chàng... !

Triệu Nguyên đau đớn nhìn nàng hỏi :

— Trong bao lâu nữa em sẽ đi ?

Nàng áo xanh thở dài đáp :

— Giờ Tý, nhưng cũng sắp đến rồi !

Một tiếng sét nổ đánh ầm và tiếp theo một lần chớp lóe sáng trước cánh cửa trước.

Triệu Nguyên hoảng hốt nhìn ra, đến chừng nhìn lại, nàng áo xanh đã tan thành mây khói lúc nào.

Nàng áo xanh mất. Thế rồi vài hôm sau, Triệu-Nguyên cũng vắng bóng. Trên đất Tây-Hồ, bên lẽ độc-lý, chỉ còn lại chiếc lầu cổ bỏ hoang.

Người biết câu chuyện trên đây, ai cũng ngỡ chàng tìm về cõi chết với nàng xuân-nữ áo xanh, chớ có ai ngờ... Triệu-Nguyên đang sống trong một ngôi chùa.

Rồi mỗi chiều xuân, chàng ngồi lùn tràng hạt, lắng nghe hồi chuông thu-không ngân dài trong gió để trút bản đàn lòng...

Cô Hai với cô Tư là đôi bạn rất thân. Một hôm cô Hai tri-kỷ với cô Tư :

— Tôi không biết chồng tôi có thật lòng yêu tôi không.

Cô Tư cười :

— Sao lại không ! Tôi đây không phải vợ ảnh mà ảnh cũng yêu, không lẽ chỉ là vợ ảnh mà ảnh không yêu sao chứ !

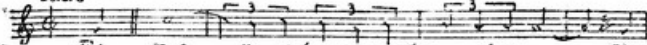
* VONG AN BỘI NGHĨA

Chàng hạnh-niên cựu chiến sĩ vừa được giải ngũ về đi thi tú tài. Sau buổi thi toán, chàng đập vỗ chuối, về nhà chép trong quyển nhật ký mấy câu sau đây : «Thằng Mìn! lúc ở mặt trận, nhờ mình cứu giúp nó khỏi chết, thế mà sáng nay trong phòng thi nó nuốt định không cứu giúp bài toán cho mình ! Đồ đều !»

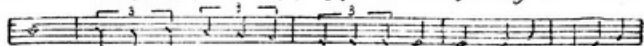
Tình Xuân

Thơ Văn
Sinh Hoa

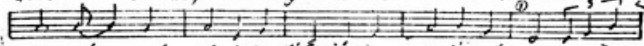
Boléro



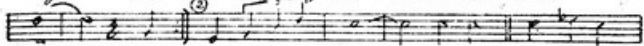
Tình Xuân tha thuật như muôn tiếng ca vu bình hoo Tình Xuân
ai ngất ngất từ trái tim yêu sống lên Tình



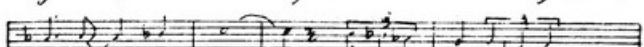
Xuân { Vững vững trên muôn cung đàn hòa rạo rạo Xuân đến rồi lòng ta
Xuân rạo khắp nơi hương thanh bình ở trên trời Xuân đến rồi từ thôn



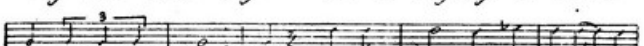
ru bắt muôn câu Xuân đến rồi bùng mạch sông khắp miền nhà cửa từ xa
tray từ Khà - để không vắng buồn Tình Xuân thắm thiết tha



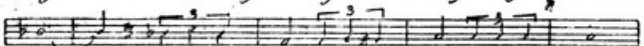
shg tình rồi cảm tay hát vui - Chia sẻ tang thương



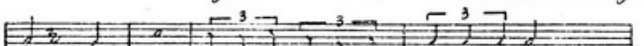
rồng mùa Xuân sang Bé thơ trong làng vu điệu ca



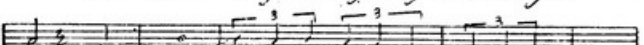
vong tin Xuân mộng mong - Nghe Xuân sang cổ gói Xuân vui chơi



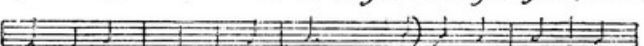
hoà soi bóng bên cầu lùn môi tươi thắm Xuân bao tin yêu



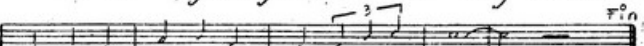
tình Xuân du yếm như ngàn tiếng ca ra con yêu



tình Xuân Lm ái nung lùn môi người ngàn nụ cười



ta hát rằng còn yêu Xuân mãi không thôi non nước



Việt còn yêu Xuân đến muôn đời tình Xuân ngất ngất.

Fin

Ngày Tết của Đời Người

Vịnh Tết khi xưa nói chẳng lầm,
Nôm-na xin đến lại mà ngâm :
« Trăm năm tính gương vừa trăm tuổi,
Một tuổi đến thêm bớt một năm ».
Bà lười làm chi thân cái nhện,
Xe tơ rủa mãi ruột con tằm !
Nhưng mà cũng hợm ngán gương phấu,
Đợi bác Đông-Hoàng đến hỏi thăm.



SOI GƯƠNG

SỚM MỒNG MỘT TẾT

Ánh thiếu-quang gội buổi bình minh,
Giở tấm gương ra soi mặt mình.
Tóc hạc đã pha màu lốm-đốm,
Da mồi lại trở dấu linh-tinh.
Rung đùi này về luôn còn mạnh,
Sửa mào gài đai lại cứ xinh.
Nửa thẹn, nửa tươi cười với bóng,
Tuổi thêm, thêm lắm nợ phù-sinh.

UNG BÌNH THỨC-GIÀ-THỊ

MỜI BẠN
DU - LỊCH
MÁY NGÀY XUÂN

Qua các Miền Đông Nam - Á

Nhân mấy ngày Xuân, chúng tôi xin mời Quý bạn đọc thân mến đi du-lịch bằng tinh thần qua vài xứ làng-giềng ở Đông-Nam-Á. Bắt đầu là Nhật-Bôn, rồi N-m-Dương do có bạn Uchiko và bạn Tân-Phong hướng-dẫn. Sang năm, chúng ta sẽ viếng Ấn-độ, Phi-Luật-Tân, Thái-Lan, Mã-lai, v. v... Mỗi nơi, chúng ta sẽ xem qua các thắng cảnh, và ngấm một vài bài Thơ hay của các Thi-sĩ danh tiếng nhất, để rồi lần lượt trong các số sau chúng ta sẽ học hỏi thêm về Văn-hóa của các xứ ấy, cho được đầy-dủ hơn, và tiếp - xúc với Văn-ngệ-sĩ các nước bạn ở Đông-Nam-Á.

NHẬT-BẢN

TRONG các bạn, ai mà chẳng thích đi du-lịch sang Nhật-bản, ít nhất là một lần? Nhưng tiếc thay, vì phương-tiện khó ng dồi-dào, về

đủ các mặt, nên một xứ vừa thơ-mộng, vừa hùng-cường, ở cách chúng ta chỉ một cái biên, mà không làm sao chúng ta bước chân qua viêng ược một lần! Thỉnh-thoảng có năm mười người được có dịp sang bên đất bạn ở năm mười bữa nửa tháng, lúc về nói chuyện lại với bà-con, mình nghe say-mê, vì thêm-thường làm sao! Thì đây, nay nhưn ngày xuân, một bạn gái Nhật, cô UCHICO, Nữ-sinh thủy-mỹ của dũl Phù-Tang, với nụ cười duyên-dáng của cô, vui lòng đưa quý bạn đi thăm qua vài ba thắng cảnh...

Đây, bài của cô Uchiko, Nữ-sinh viên khoa Sinh-Ngữ Tokyo:





THƯA quý bạn Việt-nam
chân mến,

Nhật-bản chỉ là một xứ gồm
có bốn hòn cù-lao nhỏ tổng-cộng
diện-tích không quá 369.800
ki-lô-mét vuông. Kể từ phía Bắc
vào, bốn hòn đảo ấy tên là :
Hokkaido, *Honsu* (lớn nhất),
Shikoku (nhỏ nhất), và *Kyushu*,
Còn *Kuril* ở phía nút Bắc, và

Ryukyu ở phía nút Nam, chỉ
là những chòm cù lao lí-ti. Dân
số Nhật bản hiện nay tổng cộng
gần 92 triệu người. Riêng ở
vài thành phố lớn nhất :

Tokyo (đô thị)	dân số :	8.037.000
Osaka	—	: 2.547.000
Nagoya	—	: 1.336.000
Kyato	—	: 1.210.000
Yokohama	—	: 1.143.000

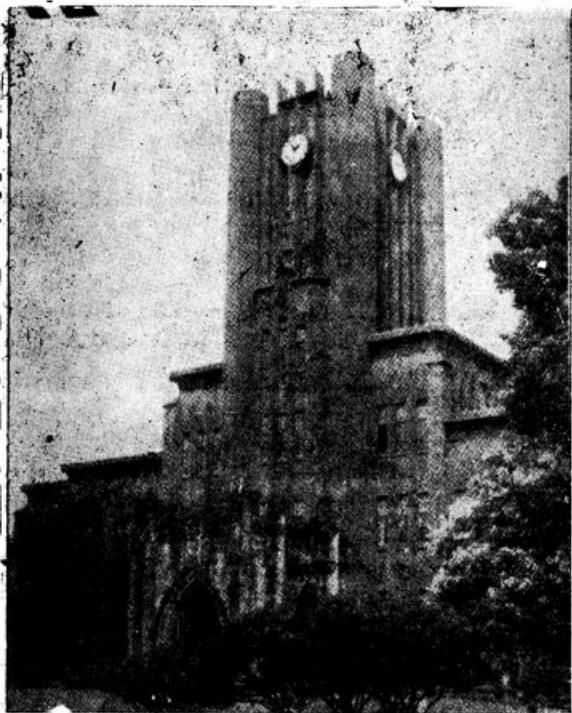
Nói về nước Nhật mà biên một bức thư, hay là một bài báo, chắc rằng không đủ. Vậy tôi xin giới-thiệu cùng quý Bạn những thắng cảnh danh-tiếng nhất và đẹp nhất mà thôi. Mong rằng có dịp khác sẽ xin nói nhiều hơn.

Trước hết, xin quý Bạn cho tôi được vinh-hạnh mời quý Bạn ghé vào một căn nhà Nhật. Thưa đây là một căn nhà kiểu-mẫu, hầu hết các nhà Nhật đều sắp-đặt đại-khái như thế. Ở

giữa đô-thị Tokyo, hay là ở vùng ngoạ-i-ô Osaka, Sapporo,

Takamatsu, Fukuoka, v.v... nghĩa là từ Bắc chí Nam, nhà cửa người Nhật trung-lưu đều gần như kiểu đó. Đặc-điểm là sáng-suốt, sạch-sẽ, và giản-dị. Xin mời quý Bạn dùng chén nước trà ướp bông Cúc, rồi đi





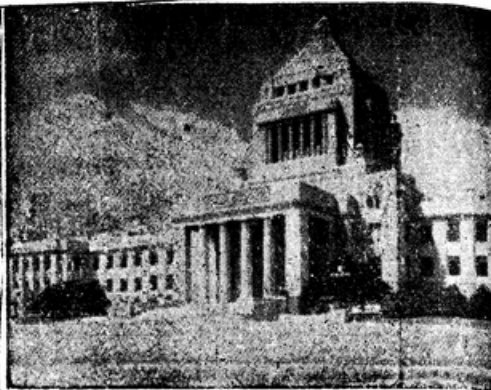
đạo chơi. Thưa đây, là giảng-
đường của TRƯỜNG ĐẠI
HỌC TOKYO, nơi đào-tạo
nhân-tài của xứ chúng tôi. Vì
các bạn yêu-chuộng Văn-hóa, tôi
xin phép nói vài câu về trường
Đại-học mà chương-trình giáo-
dục mới, theo phương-pháp

mới, đã được dùng từ 13 năm
nay. Hiện giờ, trường Đại-học
có trên 560.000 sinh viên và
trên 40.000 giáo-sư. Chưa kể
số sinh-viên rất đông du-học ở
ngoại-quốc, nhất là ở Mỹ, Pháp,
Anh, Đức, v.v...

Và đây là Tòa Tru-
sở quốc-gia DIET, viện
Dân-biểu Nhật, gồm có
Thượng-Nghị-Viện và
Hạ-Nghị-Viện. Chắc
quý Bạn cũng đã biết
rằng chế-độ chính-trị
hiện nay ở Nhật là theo
chế-độ tự-do dân-chủ,
mặc dầu nước chúng
tôi vẫn tôn-thờ Hoàng-
Đế.

Dưới đây là công-
trường MARUNOUCHI, một
khu thương mại phồn-thịnh
nhất ở Trung-Tâm Đô-thành

Tokyo. Nhiều nhà ngân-hàng
lớn của Nhật và của Quốc-tế
ở xung quanh khu này.





Bức ảnh *Hoa-anh-đào* nở trong mùa Xuân, mà tôi xin gởi đây, chắc có nhiều bạn đã thấy rồi trong các post-cards. Đây là một cảnh đẹp, tượng-trưng của «xứ Hoa Anh-Đào». Cảnh này chụp ở đền *Herugi*, một ngôi đền của Võ-sĩ-Đạo xây dựng từ Thế-kỷ thứ VII. Ước gì tôi gởi

tặng được Quý Bạn một cảnh Hoa - Anh - Đào ! Nhưng tôi nghe nhiều người Nhật nói với tôi rằng ở Việt-Nam cũng có nơi có hoa Anh-Đào. Có phải chăng ? Có lẽ là một loại hoa Anh-Đào, và cũng đẹp không kém thua chăng ?

Đây, là một ngày hội của mùa Xuân, ở ngoại-ô *Nagoya*. Công chúng đang dự một cuộc lễ. Ở đây, có trống, có kèn, có âm nhạc, và có thật nhiều sự vui vẻ náo nhiệt nhưng rất có kỷ luật





Sân đây xin mời quý bạn đi xem ngôi chùa ở NARA.

Đây là một ngôi chùa đẹp kể trong các chùa đẹp nhất ở Nhật-Bổn. Chùa ở giữa một ngôi vườn bài-trí theo như một bức tranh của một Họa-sĩ thời Sesshu thế-kỷ XV. Trong Đền Horyuji ở Nara có một tượng Kannon

Boratsu (Quan-Âm Bồ-Tát) bằng gỗ sơn son thếp vàng, làm từ thế-kỷ VII. Ở Kyotô cũng có một ngôi đền rất đẹp, Byôdô, xây năm 1053.

Bây giờ xin mời quý bạn đi xem núi *Fuji-yama* (Phú-sĩ-sơn) Núi này cao 3.773 mét, là ngọn cao hơn hết. Hình bên đây chụp một

làng ở ngay
chân núi.
Nước Nhật có
250 ngọn núi,
ngọn nào cũng
cao trên 2.000
mét mà thôi.
Trong số đó
có 192 núi
hỏa-diệm-sơn,
nhưng hiện có
58 ngọn là
còn phun lửa
Fuji - yama
chính là một

Hỏa - diệm - sơn, đã tắt từ
lâu đời. Trên chót núi này mùa



Đông có tuyết bao phủ, qua đến
mùa Xuân hết tuyết. Nhiều bạn
ngoại-quốc tưởng rằng núi *Fuji-*
yama ở gần Tokyo. Nếu các bạn
ngó vào bản-đồ Nhật-bản, các
bạn sẽ thấy *Fuji-yama* ở về quận
Yamanashi, phía Nam Tokyo, và
Yokohama, cách Tokyo chừng
100 kí-lô-mét. Núi *Narai yama*
ở quận *Nikkō*, bên hồ *Chuzenji*,
phong cảnh cũng đẹp lắm. Khi
nào bạn có dịp qua Nhật, chúng
ta sẽ bơi thuyền trên hồ này một
buổi chiều mùa Hạ, hay mùa Thu.

Nhưng, bức thư này đã dài,
tôi phải để lại một bên nhiều tấm

hình khác. Tôi không có đủ chữ văn-chương để tả cho hết những phong-cảnh đẹp ở nhiều nơi khác. Tôi xin để lại những vấn-đề về nghệ-thuật hát *Nô*, về tranh vẽ, và các chuyện khác nữa. Tôi không phải là họa-sĩ, và nhạc-sĩ, kịch-sĩ hay là làm thơ. Phải có cái tài của những người ấy mới tả được những cảnh xinh-đẹp của các môn nghệ thuật cũ cũng như mới ở Nhật-bồn ngày nay.

Tôi xin mời quý bạn thân-mến đi về miền thôn quê để xem chơi. Đồng quê là ruộng, và 45% dân số đều làm nghề nông. Món ăn chính của người Nhật, cũng là gạo như người Việt-Nam và cách làm ruộng có lẽ cũng không khác gì. Ở đây không được đẹp vì 2 phần 3 đất Nhật là rừng núi, đất ruộng không còn bao nhiêu. Nhiều nơi ruộng phải làm xam vô núi, gò, và chia từng bậc. Đồng bằng như tấm hình chụp theo đây không có nhiều lắm. Dân số Nhật đông quá, cứ mỗi ngày mỗi tăng thêm, cho nên nước chúng tôi phải nhập-cảng gạo và các thứ thổ-sản của các

nước khác, như nước Việt-Nam. Theo bản thống kê của chính-phủ, thì hiện nay nước Nhật có 4 triệu con bò, 1 triệu 20.000 con ngựa, 830.000 con heo, 42 triệu con gà, và sản xuất được chừng 80.000.000 *Koku* gạo (8.500.000 tấn).

Quý bạn Việt-Nam xem hình bên đây thì thấy người dân quê Nhật ở các miền đồng-bằng *Ibaragi*, *Miyagi*, *Iwate*, *Nagoua*, *Ishikawa*, v.v... đều dùng máy cày và máy đập lúa. Nhưng ở đất núi thì không dùng được, vì ruộng xây từng bậc, chứ không bằng-phẳng. Công việc đồng ruộng vui vẻ nhờ có những bài hát khi gặt hái, cày cấy. Cô thôn-nữ Nhật cũng đa-tình, có lẽ như các cô thôn-nữ Việt-Nam, theo những sách báo của các nhà Văn-nhân Việt-Nam diễn tả. Nếu các bạn qua đây thăm đồng ruộng Nhật, và nói chuyện với mấy cô thôn-quê, chắc rằng các bạn không thấy khác gì các cô thôn-quê ở xứ Việt-Nam...



NHẬT BỒN

Thưa quý bạn, nếu bạn muốn thì chúng tôi sẽ lần-lượt nói nhiều hơn về nước Nhật-bồn, chứ nói trong một bài không làm sao hết được. Chúng tôi sẽ gửi nhiều hình ảnh mới, và viết theo các hình ấy để quý bạn thấy rõ từng nơi.

Ngày nay xin tạm ngưng nơi đây, và trong ngày Xuân này,

kính chúc Quý Bạn, Quý gia-đình Bạn, và nước Việt-Nam đáng yêu, được vui-vẻ luôn luôn và càng ngày càng tiến-bộ...

UCHI-KO



Chúng tôi xin thành thật cảm ơn cô Uchiko, và xin thân-mến chào cô : SAYONARA !

PHỒ-THÔNG





Một cô gái quê Nhật.

(A. L. A. J. O. P. A. Saitoh Fullin Minoru Shibuya)

MỘT THI-SĨ NHẬT

SHIMAZAKI TOSON

NHÃN nói đến nước Nhật, chúng tôi xin giới thiệu một Thi-sĩ lừng-danh của Nhật-Bổn, và một bài thơ Xuân rất hay của ông.

SHIMAZAKI TOSON
(ĐẢO KỲ ĐĂNG-THÔN)
sinh năm 1872, mất năm 1943,
là một nhà Văn, vừa là nhà Thơ,
Nhà Thơ tiên-phong của phong-
trào Thơ Mới (*S Intaishi*),
ông chịu ảnh-hưởng rất nhiều
của Văn-Thơ Âu tây, đoạn-tuyệt
hẳn với các lối văn-thơ cũ của
Nhật, nhưng cũng không theo
hẳn các Thi-phái lập-dị của Tân
Lãng Mạn, và Tân Tượng-
Trưng Anh-Pháp của đầu Thế-
kỷ XX. Thơ của ông rất giản-
dị nhưng rất thêm-thúy, nhẹ
nhàng duyên-dáng và chứa đựng
nhiều ý-tưởng mới, không cầu-
kỳ trong lối đặt câu không « bí
hiểm », rất tự nhiên.

Cho nên tuy Đăng-Thôn là
một Thi-sĩ của thời Tiền-chiến,
nhưng thơ của ông ngày nay
được các giới trí-thức và thanh-
niên yêu chuộng mãi mãi. ĐẢO



KỲ ĐĂNG-THÔN được coi
như là đại-diện xứng đáng
nhất của Thi-Ca Nhật-bổn hiện
đại.

Những tiểu thuyết của ông
cũng có khuynh-hướng lãng-
mạn, theo thiên nhiên và tàn-tã-
chân và hiện rất được hoan-
nghênh ở Nhật.

Chúng tôi xin đăng nguyên-
văn và dịch sáu bài một bài
thơ Xuân của ông, trích trong
quyển « *Đăng Thôn Thi-Sao* »
vừa mới xuất bản ở Tokyo.

Bài thơ nhan đề là :

**THIÊN-KHÚC XUYỀN LỘ
TÌNH CA**

千曲川旅情の歌

小諸なる古城のほとり

雲白く遊子悲しむ

緑なす藜藿は萌えず

若草も藉くによしなし

しろがねの衾の岡邊

日に溶けて淡雪流る

あたゝかき光はあれど

野に漏つる香も知らず

浅くのみ春は霞みて

夢の色おづかに青し

旅人の群はいくつか

畠中の道を急ぎぬ

暮れ行けば浅間も見えず

歌哀し佐久の草笛

千曲川いざよふ波の

岸近き宿にのぼりつ

濁り酒濁れる飲みて

草枕しばし慰む

昨日またかくてありけり
今日もまたかくてありなむ

この命友にを齟齬

明日をのみ思ひおづらふ

いくたびか榮枯の夢の

消え残る谷に下りて

河波のいざよふ見れば

砂まじり水巻を歸る

嗚呼古城なにか語り

岸の波なにか答ふ

過し世を静かに思へ

百年もきのふのごとし

千曲川柳霞みて

春淺く水れたる

たゞひとりの岩をめぐるて

DU - LỊCH TRÊN SÔNG THIÊN - KHÚC

Bên thành cũ ở Komorô,
May trắng toát, lòng du-khách
âu-sầu.

Giày Hột-nỏ mới nứt chồi.
Cỏ mọc lúa-thưa không có
chỗ ngồi.

Dưới chum đôi long lanh một
màu bạc,

Giòng tuyết tan, chảy dưới mặt
trời bằng-bạc,

Tuy dịu-dàng ánh sáng thái-
dương

Nhưng cánh đồng không phảng-
phất một mùi hương!

Sương còn tỏa mù-mịt khắp trời
Đồng lúa Xuân chưa trở hết sắc
 xanh tươi

Những đoàn khách du Xuân đ
về liên tiếp

Trên nẻo đường quê vội vàng
rôn-ríp

Núi Asana phai mờ xa-xa...

Tiếng địch của Saku than ô
nào-nùng xót xa

Ta bước vào trong quán rượu
Trên bờ sông Thiên-khúc sông

Ta uống một ly saké, lòng bu

xiết bìa

Ta ngồi nghỉ chân một hồi.

Hôm qua cũng cảnh tình này.

Cùng tình cảnh ấy hôm nay,

Ngày mai lại như thế không
gì đổi thay

Cần chi phải lo nghĩ về cuộc đời
 Nếu mai có gì đâu than ôi

Đã bao lần ta bước xuống cánh

đồng mệnh-mang,

Nơi những giấc mơ tàn, của

ngày vẻ vang, của phút suy-tàn

Ta đã thấy những giọng nướ
lãng-vô

Xoáy vào bãi cát, xao-xát liền

miền

Ô-hô ! bức thành cũ kia còn k

lại chuyện gì

Bọt sóng trên bờ sông kia đã
lại lời gì

Ta yên-tĩnh, nhớ lại nhưn

ngày vớt qu

Một thế-kỷ phải chăng như ng

Trên bờ Thiên-Khúc, bốn

liều phai m

Mùa Xuân mới nở, giòng nư
là - đ

Ta bước quanh-hiu trên

ghếnh c

Ta neo tim sầu bên bờ sông sầu
(Bản dịch của N.V.)

(Bản dịch của N.

N A M DƯƠNG

✱ TÂN-PHONG

THƯỞNG các bạn, đây là
một thiếu-nữ trẻ đẹp
Đjakarta, với nụ cười duyên-
đáng yêu-kiêu, tay đỡ trên vai
một quả đựng đầy lễ-vật, đang
đi về đi tới Đền thờ Allah, để
đăng lên Chúa một nén hương
của Xuân nữ. Nước da
trăm-ngâm đen, khoát chiếc
áo - rông
màu sắc
tươi, đôi
t thông-
nh tươi
g, nàng
trưng-
ng cho
đôi trẻ
a m -
ong của
hệ hiện
i. Tha-
t trung-
nh với
giáo-lý,
g quan-
n cuộc



đang hăng hái leo lên các cột
mở để lấy các đồ vật tặng
thường.

Có điều đáng chú ý là khẩu-
hiệu của chính phủ Nam-Dương
hiện nay là « BHINNEKA
TUNGGAL IKA » (khác biệt
nhưng duy-nhất), cho nên tuy
mỗi địa phương, mỗi nơi trên
mỗi hòn đảo có những phong-tục
riêng, lối chơi riêng, nhưng tựu

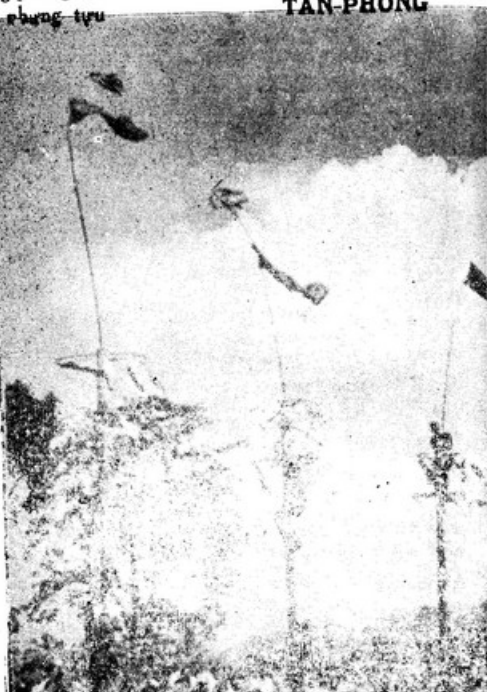
trung vẫn có một
đặc tính tổng-
quát như nhau,
đặc tính chung
của quốc-gia gồm
có 8 triệu dân
Nam-Dương, là
yêu chuộng cõ-
nhạc và Vũ-khúc
cổ-truyền : di tích
ngàn xưa của
Ấn-Độ giáo, và
Hồi-giáo.

Đến đây, chúng
ta có thể tạm
ngưng cuộc viếng
thăm Quần-Đảo
Nam-Dương, một
bạn láng-giềng
rất đáng quý-
mến của chúng
ta. Một dịp khác,
sau một vài ngày

Xuân, chúng ta sẽ tìm hiểu thêm
dân tộc ấy hơn nữa, như các
Dân tộc bạn ở Đông-Nam-Á.

Trước khi chấm dứt, chúng
ta cũng nói vài lời theo tiếng
Nam Dương để cảm ơn : —
TERIMA KASIH ! và chào các
bạn : SELAMAT SAUDARA-
SAUDARA !

TÂN-PHONG



MỘT THI-SĨ NAM-DƯƠNG

CHAIRIL ANWAR



Chairil Anwar là người đã đề xướng ra phong-trào cách mạng Văn-nghệ ở Nam-Dương từ sau Đệ-nhị Thế-chiến. Sinh năm 1921, chết năm 1949, (mới có 28 tuổi) Ông là nhà Thơ lừng danh nhất hiện nay, vì ông là thủ-lãnh «Thế-hệ 45», là thế-hệ văn-nghệ sĩ cách-mạng đã cương-quyết ly-dị hẳn với di-vãng và theo các khuynh-hướng mới của Văn-chương Âu Mỹ. Phong - trào Thơ mới «PUDJANGGA BARU» của TAKKIR ALI SJAHBANA, một nhà Luật-sư kiêm Thi-sĩ Văn-sĩ, đã chủ trương dưới thời Hòa-Lan đô hộ, đã kích các thể thơ cổ-điển SJAIR, PANTUNS, gần như loại thơ Tứ-tuyệt và bát cú của thơ Việt-Nam, đã chấm dứt sau khi cuộc cách-mạng đòi Độc-lập «Merdeka» đã thành công. Chủ trương của CHAI-

RIL ANWAR và nhóm Thi-sĩ tiên-phong 1945, như IDRUS, ASRUL SANI, FRAMUDYA ANANTA TUR, AOH K. HADIMADJA, ACHDIAT K. MIHARDJA, ROSIHAN ANWAR, là thoát ly hẳn ra ngoài khuôn khổ các lối thơ thịnh hành trước Đệ-nhị Thế-chiến, và áp dụng các loại sonnet mới. Hầu hết những Thi-sĩ này đều diễn tả tâm sự và các trạng thái mới của Thế-hệ thanh niên 1945, theo các thể thơ Âu-Mỹ.

Sau đây, xin đăng nguyên văn và dịch một bài thơ đặc sắc, tiêu biểu cho Thơ mới ở Nam-Dương hiện đại. Bài này nhan đề là «AKU» (TÔI), trích trong quyển «DERU TJAURPUR DEBU» (Hồn loạn của Tiếng ồn và bụi bặm) xuất-bản năm 1949 ở Djakarta.

Nguyễn-õn :

AKU

Kalau sampai waktuku
«Ku mau tak seorang» kan meraju
Tidak djuga kau
Aku ini binatang djalang
Dari kumpulannja terbuang
Biar peluru menembus kulitku
Aku tetap meradan menerdjang
Luka dan bisa kubawa berlari
Berlari
Hingga hilang pedih peri
Dan aku akan lebih tidak peduli
Aku mau hidup seribu tahun lagi

CHAIRIL ANWAR



Dịch :

TÔI

Khi tôi sẽ đến giờ tận số
Tôi không muốn ai thương nhớ
khóc tôi
Cả em nữa, em ơi !
Tôi không cần nghe tiếng làm-ly
nức-nở.
Tôi là con thú rừng lạc bầy
muôn thuở.
Dẫu có những viên đạn bắn
trúng vào tôi
Tôi cũng cứ chạy đi xa thôi
Mang theo vết thương và thuốc
độc của đời
Tôi chạy trốn
Để thoát khỏi cơn đau-dớn
Để không còn gì chạm vướng
vào tôi
Tôi muốn còn sống mãi muôn
đời.

(Bản dịch của N. V.)



MỐI TÌNH



★ NGUYỄN-KHẮC-THIỆU

gái sắp gặp nhau đối đáp nhau qua lời hát điệu ca (Cũng ra ná giống như hát đúm hát trống quân ở Bắc. Khác một điều là hát phường vải, vừa hát vừa làm việc, nên không cứ phải là lễ lượt hay tết nhứt mới tỏ chức hát).

Con gái đàn-bà trẻ trong một xóm đêm đêm họp nhau tại sân nhà nào đó, hoặc thấp đèn dầu, hoặc nhờ ánh trăng, đem bông vải ra kéo sợi. Vừa làm việc vừa hát. Công việc có vẻ nên thơ và nhàn

Nguyễn-Du

X U A ở vùng Nghệ-Tĩnh, vào những đêm tối trời thường thường có Hát Phường Vải. Đó là một dịp để trai tài

lên nên trai tơ xung quanh kéo đến vừa nghe hát vừa đề hát đối trao dồi tâm - tình với nhau. Con gái làng Trường - Lưu nổi tiếng đẹp hay chữ và thường có nhiều dịp hát Phường Vải nên trai tài đâu đâu cũng lần mò kéo đến. Nguyễn-Du ở làng Tiên-Điền, lúc trẻ vốn nổi tiếng hay chữ và da-

tình nên cách làng Trường - Lưu một con sông (có chuyển đồ Ngang ở bến Cãi) một cái trướng Hồng (trong núi Hồng lĩnh) mà cũng tìm đến thường - thức. Thế rồi, một đêm không hiểu Nguyễn-Du và một cô gái Trường - Lưu đã cảm nhau thế nào mà đến gần sáng Nguyễn-Du mới trở về Tiên-Điền được. Và từ đó Nguyễn-Du « quất ngựa truy - phong » không bao giờ quay về với cô gái Trường - Lưu phượng Vải nữa, khiến cô này ốm tương - tư và cũng bỏ luôn nghề kéo sợi vải.

Cụ Nghè Nguyễn Huy Quynh (1734 - 1785) ở làng Trường-Lưu thương tình cô gái bị phụ-bạc, làm giùm cho cô một bài thơ nôm để gửi Nguyễn - Du. Trong bài này Cụ dùng nhiều danh - từ chuyên - môn trong nghề vải cho đúng với cô gái phượng Vải. Vì tác-giả cảm-thông với tâm-sự cô gái nên lời thơ thật tự nhiên, và thiết-tha nồng - nàn, giọng hồn-trách thật cảm-dộng.

Nhận được bài thơ này Nguyễn Du mới làm bài thơ trả lời (lúc này Nguyễn Du vào khoảng 19, 21 tuổi). Nguyễn Du mượn lời phượng làm Nón đề đối lại bài thơ phượng Vải, Nguyễn Du cũng

dùng nhiều danh-từ chuyên-môn trong nghề nón (những danh - từ này chúng tôi in chữ đậm). Bài thơ của Nguyễn Du có tính cách « phân-trần » của « con bướm liệng vành mà chơi » nên tuy nghệ-thuật thật cao mà ý hời-hợt, gắng-gượng không thiết - tha và cảm-dộng như bài trên — Đúng là tâm - trạng của người « chơi hoa »...

Giai - thoại này giúp ta hiểu thêm cuộc đời của Nguyễn Du.

ĐIỀU KIỆN CỦA MỘT SỐ GÁI

**TRƯỜNG - LƯU GỬI
NGUYỄN - DU**

(tác - giả là Cụ Nghè Nguyễn Huy Quynh)

Tăng mai Hầu trở ra về,

*Hồn tương-tư vẫn còn mê giấc
nồng.*

Cột trầu chưa kịp tạc lòng,

*Tình ra cách đã non sông mấy
sơ!*

Trời làm chi cực bấy trời

*Cột trầu này đề còn mới được
ai.*

Tím gan đỏ hắt ra ngoài.

*Trông theo trướng Hồng dò Cãi
thấy dấu ?*

Khi lên đề rất cho nhau.

Khi về trút mội gánh sầu về ngay,
 Xưa buồn từ nấy đến nay,
 Nào ai mớ đến xa quay xin
 thề.
 Ngại ngần đường cưỡi đi về
 Chân ngừng dây đạp tay
 e soi chuyền.
 Lặng tai nghe tiếng ác truyền,
 Đượng sầu cuốn khúc, tấm
 phiến đồ hoa.
 Chệ duyên đành lại tháo ra,
 Gần nhau cách quàng gần xa
 mấy hồi.
 Liền bằng khổ một gò đôi,
 Liều như bóng đã bấn rồi bong
 bong.

2) BÀI THƠ NGUYỄN
DU TRẢ LỜI CÔ GÁI

Tiếp thay duyên Tân phận

Tân,

Chưa quen đã lạ, chưa gần đã
 xa.
 Chưa chi đông đã rụng ra,
 Đến giờ chỉ gặt con gà chết toi.
 Tìm gan cho cái sao mai,
 Tháo nào các búa chém trời
 cũng nên.

Về qua liếc mắt trông miên,
 Lờ quanh dậm để chứa yên
 dầm ngời.
 Trưa thêm tàn đước còn tươi,
 Bã trầu chưa quết nào người
 tình chung.
 Hồng-sơn cao ngất mấy trùng,
 Đò Cát mấy trượng thì lòng bấy
 nhiều.
 Làm chi các cô lắm điều,
 Một đêm hôm trước lại chiều
 hôm nay.
 Khi xa xa hơi thể này.
 Tiếng xa nghe vẫn rừ-rì bên tai.
 Quê nhà nắng sớm mưa mai,
 Đã buồn dở đến lập toi càng
 buồn.

Thờ-ơ đóng vọt bó sườn;
 Đã nhàm bệ mọc, lại hờn nham
 giang.

Trăng tà chênh chếch bóng
 vàng,
 Dừng chân thoạt nhớ đến đồng
 cửa truông.

Thần-thờ gốc chiếc màn suông,
 Rối lòng như sợi ai cuống
 cho xong.

Phiên nào chợ Vịnh ra trông.

Mong ba chẳng thấy lại hồng
mười ba.

Càng trông càng chẳng thấy ra,
Coi trầu quệt đã và vọt lẫn ôi.
Trường rằng nói thề mà chơi,
Song le đã động lòng người
lắm thay.

Trông trời các mảy từng mây,
Trông trăng trắng hẹ đến
ngày ba mươi,
Vô tình trắng cứ như người.
Một ta ta lại găm cười chuyện
ta.

(theo tài liệu của Hoàng xuân
Hân, Lê Thuộc, Đào duy Anh)



Chú - thích những danh từ
địa-phương :

Hầu : chức tước .

Trưởng Hồng : núi Hồng-Lĩnh
chỉ chỗ ở của Nguyễn-Du, là
đường đi trong núi Hồng Lĩnh,
từ Nghi Xuân lên Can lộc qua
Cộng Khánh.

Đò Cãi : Chuyến đò từ Tiên-

diên qua làng Trường-Lưu.

Đường cưỡi : Sương hay là
đường cưỡi đồ dùng của người kéo
vải.

Ác : con chim ác, chủ hành đồ
dùng để móc dây gổ.

chẹ : Cuộn chỉ ấy ở dùng ra.

Khở : dùng để chia chỉ dọc ra
hai lớp.

Bắn : lấy dây ghép, bắt bóng cho
rời ra.

Cánh quang vành ra : thứ
đồ dùng để cuốn chỉ.

Líp toí : lá làm nón.

Vọt : tre vót thành sợi dẹt.

Xạ quay : đồ dùng làm cho chỉ
cuốn vào sợi.

Bẹ móc : bẹ cây móc có sợi
dùng may nón;

Giang : thứ tre rừng rất bền
dùng làm lát.

Cuồng : ván dày

Coi trầu : khay trầu nhỏ

Trửa thềm : giữa thềm

Mong ba, mười ba : những
ngày có phiên chợ.



* CHÍCH THUỐC RỒI

Anh phát thơ vừa bước số cửa đề đưa thư, thì có con chó
bẹc-dẻ trong nhà nhảy xổ ra chụp anh. Anh tì la lên, thì có tiếng
bà chủ nhà từ trong buồng đứng định đi ra :

— Không sao đâu, anh đừng sợ. Con chó đã được chích
thuốc trừ bệnh dại rồi. Lỡ nó có cắn cũng không hề hại gì đâu !



NÀNG

Chuột Trắng

Ở THĂNG LONG

★ PHONG CẨM



HỒ
HUYỀN-
QUI

là một thơ
sinh phong

nhã từ núi Yên-Tử, đến trọ
học tại thành Thăng-Long. Nhà
đã nghèo, chỗ trọ cũng nghèo ;
một mái hiên thưa dulong làm
thor phòng và cũng là chỗ ngủ.
- Thường đêm, ngoài việc đọc
sách ngâm thơ ôn nhuần kinh-
sử, Hồ sinh thường dạo qua
đường phố nhìn người thiên hạ
để khuấy-khỏa nỗi nhớ nhà.

vách thành của dinh Thủ-tướng
Hồ-Quý-Ly, thỉnh linh nghe
tiếng sữa âm-ĩ, kể thấy con Chó
Vàng hung hăng đuổi bắt một
con chuột sắc lông trắng toát.
Chuột Trắng chạy trốn chết,
những tưởng phen này làm mối
cho loài cầy cáo, thời may nó
nhìn thấy dưới chân tường một
cái hang sâu liền chui vào ẩn trốn.

Thì ra cái hang này của một
đôi vợ chồng Chuột Cống, vào
lúc đó Chuột Cái mắc đi tìm mồi,
Chuột Đực ở hang một mình.
Chợt nghe tiếng động, Chuột
Đực ngẩng nhìn, thấy một nàng
Chuột Trắng treo đẹp-đẽ như
một nàng tiên thì lên tiếng hỏi :

— Nàng là ai đêm khuya

Nàng Chuột Trắng hây còn kinh-sợ run như cây sậy. Qua một giây trăn trĩnh, nàng khép nép trả lời :

— Thiếp ở nhờ trong nhà người thơ-sinh cũng gần đây. Đêm khuya thiếp dạo xóm kiếm ăn, chẳng may bị loài cây cáo đuổi bắt, túng cùng thiếp chạy vào đây, dám xin chẳng cho trú ẩn chốc lát, ơn này thiếp chẳng dám quên.

Chuột Đực gật gù ra vẻ khoái trá, ôn-tồn bảo :

— Tưởng chuyện gì hệ trọng, chớ nàng muốn lánh-nạn trong chốc lát thì chẳng hại gì, hà tất phải nói điều ân-nghĩa ? Giá nàng cứ ở đây trong đôi ba ngày cũng chẳng sao.

Chuột Đực trở mắt nhìn cái vẻ xinh đẹp mỹ-miệu của nàng Chuột Trắng, đoạn chép miệng nói :

— Ta xem nàng ra vẻ một tiểu thơ-khuê-các, sao không tìm nơi sang trọng, lại ở chi với người học trò nghèo cá thệ chẳng có no lòng, để phải kiếm ăn vất vả suốt phải thiệt thân vì loài cầu trệ. Ta nghĩ mà thương

xót cho nàng.

Như ta đây an-nhàn một cõi, nhà ở chơn tường chắc - chắc mười phần, lại được mỗi đụn ẩm cúng mãn năm. Trên thì nhờ quan Thủ tướng ngôi cao nhưt-phẩm, dinh cơ ngang dọc, một bên thì lầu Hoa tạ, bên cung Ngọc đường, dưới thì kẻ hầu người hạ xuê-xang. Thức ăn chất cao thành núi, sơn hào hải vị chẳng thiếu gì, ta tha hồ ăn uống khỏi phải vất-vả năm canh kiếm ăn đầu đường xó chợ như nàng. Nếu nàng gá nghĩa cùng ta thì được hưởng phú-quý một đời.

Nàng Chuột Trắng thẹn-thường đỏ mặt ấp-úng mãi mới ra lời :

— Người quân tử mà biết đoái hoài đến phận hèn thì quý-hoá vô cùng, nhưng thiếp là gái đã có chồng, từ ngày chồng thiếp qua đời, thiếp thề giữ tấm lòng son, nên dầu phải túng thiếu vất vả thiếp cũng cam chịu, le đầu vì sự sang giàu mà thiếp thường coi trịnh-tiết.

Chuột Đực cười tỉnh :

— Đem ngàn vàng cũng

không đổi được một thời xuân, rồi đây cái già xằng-xộc đến, như nàng dung-nhan mỹ-mạo, tuổi xuân đang độ, nếu không sớm tận hưởng lạc-thú ái-tình, bo-bo giữ lấy chữ trinh để cực-khổ điều-linh, lạnh-lùng đơn-chiếc thì phỏng có ích gì. Vậy nàng hãy ung ta đi.

Nàng Chuột Trắng lặng im. Chuột Đực cười nhẹ :

— Nàng đừng e thẹn, ở đây chỉ có ta với nàng, nếu nàng thuận tình thì mọi việc êm xuôi, bằng không ta quyết dùng sức mạnh vì ta đã yêu nàng.

Nàng Chuột Trắng nghe lời đe dọa của Chuột Đực thì nồn-nao sợ, nhưng cố làm ra vẻ bình tĩnh phân-trần :

— Tình yêu dolồng chân-thật mà có mới đẹp, mới bền, nếu dùng sức mạnh ép buộc thì còn gì thanh-cao, trong sạch, chàng mà ép uống thiếp thì thiếp sẽ hủy mình để giữ tròn trinh tiết.

Trước những lời lẽ ôn-tồn quả quyết của Nàng Chuột Trắng, chuột Đực không dám làm liều, lại muốn tán-tĩnh nữa, nhưng Chuột Trắng lắng nghe bên ngoài đã im tiếng chó liến

từ già ra về.

Vừa tới bên ngoài Chuột Trắng chợt thấy chuột Cái ở đầu xồng-xộc chạy về, Chuột Trắng tránh mặt rồi đi thẳng về hang.

Chuột Cái mặt giận hăm hăm day nghiêng Chuột Đực :

— Tôi biết mà, anh thừa lúc tôi đi vắng dất gái về đây tư tình, anh đừng hòng qua mặt gái già này. Tôi hỏi thật nếu anh mê nó thì cuốn quần cuốn áo đi theo nó đi, đồ đờn ông bạc tình bạc nghĩa.

Chuột Đực cười gằn :

— Mày đừng có ghen bóng ghen gió, nói càn nói bướng lỗ người ta nghe được người ta vả vào mặt bây giờ. Cái mặt của mày cũng không bằng gót chơn của người ta, vậy đừng có hăm hồ.

Chuột Cái thét lên :

— À, anh bênh vực con nặc nô đó phải không ? Được rồi, để tôi sang bên đó xé xác nó ra cho anh coi.

Nói rồi Chuột Cái hăm hăm ra cửa, chạy một mạch tới hang Chuột Trắng, đứng trước cửa chỗ miệng chui vào :

— Bớ con nặc nô cướp giựt chồng bà, có giới ra đây ngoái lỗ tai nghe bà hải tội.

Chuột Trắng vừa nằm yên, chợt nghe tiếng chửi của Chuột Cái thì giận lắm bước mau ra cửa gần hồi :

— Chị kia, chị chửi ai cướp giựt chồng chị ?

— Tao chửi mày vì mày quyến dụ chồng tao.

Chuột Cái vừa nói vừa xông tới làm dữ với Chuột Trắng. Chuột Trắng cả giận mắng rằng :

— Chị đừng có ăn nói hồ đồ, tôi quyến dụ chồng chị hồi nào mà tới đây sanh sự.

Chuột Cái càng to tiếng :

— Mày đừng có chối, chính tao thấy mày ra khỏi nhà tao trong lúc tao vừa về tới. Vậy lúc tao đi vắng mày đến nhà tao làm gì nếu không phải là để quyến dụ chồng tao.

Chuột Trắng cười dài :

— Có chồng chị dùng lời ong bướm toan quyến dụ tôi vào đường tình ái thì có, thấy tôi không thuận tình lại toan dọa hăm tôi thế thà chết chứ không

chịu thất tiết, chồng chị mới buông tha, như vậy chị còn đến đây làm dữ nổi gì ?

Chuột Cái vẫn hung hăng ngang ngược :

— Mày đừng có già làm, nếu không muốn quyến dụ chồng tao vậy giữa đêm khuya mày đến nhà tao làm gì phải nói cho ra lẽ.

Chuột Trắng thuật chuyện bị chó dữ đuổi nà, cùng đường phải chạy vào hang Chuột Đực ẩn núp chứ không có dạ tà tây.

Chuột Cái vẫn chưa tin cứ xun xoe bộ tịch nhiech - mắng Chuột Trắng đa tình lang-chạ. Chuột Trắng không nhịn nữa cãi lại, hai đảng đấu khẩu kịch liệt, rồi xông vào đánh nhau.

Thình-lình có tiếng gào trên mái ngói, kể một bóng đen có đôi mắt lóng-la, lóng-lánh chiếu thẳng vào hai nàng Chuột, đoạn quăng mình xuống đất thật lẹ làng vồ lấy Chuột Cái. Chuột Cái nhận ra chú Mèo Đen hung-ác từng sát hại không biết bao nhiêu mạng chuột, thì hoảng sợ thất thần, phóng mình chạy trốn.

Mèo Đen đuổi Theo bốn góc, Chuột Cái cắm đầu chạy, bắt đở

rơi tằm xuống ao, bị-bơm lội một hồi tưởng huyệt chân chết. Đuối giữa dòng, may nhờ vó được cành cây, lần vô bờ, thoát qua nạn lớn.



Từ nầy giờ Hồ-sinh theo-dõi rất chăm từ đầu tới cuối câu chuyện xảy ra dưới góc tường kia, chàng nhận thấy trong cái thế-giới loài vật cũng có những

điều yêu thương, ghen ghét và nghi cảm thương cho khách hồng nhan phận mỏng, lẻ-loi chiếc-bóng bị rũ ren vào đường trắng gió, nhưng khăng-khái một lòng giữ vẹn tiết-trinh. Hồ sinh bèn trở về thơ phòng thấp lèn ngọn nến thảo ra những vần thơ liêu hoàn ca-ngợi nàng Chuột Trắng ở thành Thăng-Long; nêu tấm-gương trinh-tiết ở thế gian.



★ NHÂN TẠO VÀ THIÊN TẠO

Một ông triệu-phủ, ít học, một hôm đi với vợ ra Long Hài tắm biển. Ông đề vợ tắm một mình, ông lái xe hơi Huê-kỳ và lấy cái áo tắm của ông bỏ quên ở khách sạn. Lúc trở ra, ông thấy một đám đông người lảng xăng chung-quanh một người đàn bà. Ông vội hỏi :

— Cái gì vậy, các anh ?

— Một bà suýt bị chết đuối ...

Ông triệu phủ chạy lại gần, la hoảng :

— Thôi, chết rồi ! Vợ tôi ! Trời ơi, vợ tôi ! Mà các anh đang làm gì bà đó ?

— Tại tôi đang làm phương-pháp thờ nhân-tạo cho bà.

Ông Triệu phủ càn : la rân lên :

— Thờ nhân-tạo hà ? Sao các anh không làm thờ thiên-tạo cho bà ? Cứ làm thờ thiên tạo đi, rồi tốn kém bao nhiêu tôi cũng trả mà !

Cả đám đông cười rồ lên, ông triệu-phủ không hiểu tại sao họ cười !

Ảnh

Màu

Hương

Sắc Trong

VAI TRÒ QUAN TRỌNG CỦA MÀU SẮC

Đời
Sống

Của
Ta

Một vật trong vũ trụ đều có một màu sắc. Trên thế giới này, màu sắc được sử dụng triệt để và một cách khoa học trong mọi ngành hoạt động và đã trở nên một yếu tố quan trọng, một phần của đời sống văn minh. Sự huy hoàng của màu sắc chúng ta có thể trông thấy trong các hàng tơ lụa, trong sách báo, trên màn ảnh và ban đêm, qua các bảng hiệu chói lọi với các thứ đèn neon muôn màu.

Hình như chúng ta ưa thích màu sắc là do một thứ bản năng thâm kín, một mối cảm xúc tự nhiên. Cái đẹp và niềm vui thích do màu sắc tạo ra, từ trẻ đến già, từ người văn minh đến những dân tộc man rợ, ai ai cũng có thể tận

hưởng. Không cần học hành hay luyện tập ai cũng biết cảm thấy vui thú trước vẻ đẹp huy hoàng của chiếc cầu vồng trên nền trời quang đãng sau một cơn mưa hay khi đứng trước những vẻ lộng lẫy của chân trời một buổi hoàng hôn.

TẠI SAO TA NHÌN

THẤY MÀU SẮC ?

Chúng ta thường quan niệm rằng khi ta nhìn một cánh hoa hồng chẳng hạn, màu đỏ của hoa hồng mà ta trông thấy là tự ở hoa mà ra, một thành phần không rời được của cánh hoa. Chúng ta cũng tưởng cánh cửa màu xanh là

ÁNH HUỐNG MÀU SẮC

vì màu xanh sẵn có trong chất sơn và dính liền với cánh cửa.

Nhưng theo khoa học, màu sắc là một đặc tính của ánh sáng. Nghĩa là màu sắc không phải là một cái gì riêng biệt với ánh sáng, màu sắc với ánh sáng chỉ là một.

Ta thường thấy ánh sáng của một ngọn đèn điện hay ánh sáng mặt trời màu trắng, nhưng nhờ nhà bác học ISAAC NEWTON và các cuộc thí nghiệm ánh sáng chiếu qua lăng kính (1) ta đã biết rằng trong ánh sáng màu trắng gồm đủ tất cả các màu của chiếc cầu vồng mà các sắc chính là đỏ, da cam, vàng, lục, xanh, chàm, tím. Thật ra các sắc này biến dần từ sắc này qua sắc khác; mắt chúng ta có thể phân biệt được độ 1.000 màu sắc và 1.000 sắc ấy lại có thể biến chế thành hai triệu vẻ tươi đậm khác nhau (bằng cách pha trộn lẫn nhau hay pha thêm nhiều hoặc ít màu đen và màu trắng).

Ngoài ra, ánh sáng di chuyển thành luồng sóng cùng loại với những luồng sóng vô tuyến điện, quang tuyến X, điện khí, nhiệt độ v.v... Các luồng sóng này đều có những chiều dài khác nhau, và

được gọi chung là năng lượng bức xạ. (2)

Riêng về các luồng sóng của ánh sáng, mỗi màu sắc có mỗi luồng sóng dài ngắn khác nhau. Ánh sáng màu trắng của mặt trời là sự hỗn hợp của tất cả các luồng sóng các màu, khi ánh sáng mặt trời chiếu qua lăng kính (cuộc thí nghiệm của Newton nói ở trên) thì luồng sóng của mỗi màu vì có những chiều dài khác nhau nên gãy theo những góc khác nhau, luồng sóng màu đỏ dài nhất (1/13.000 phân tây) gãy ít nhất, luồng sóng màu tím, ngắn nhất (1/26.500 phân tây) gãy nhiều nhất.

Chúng ta nhìn thấy cảnh vật dưới hình thức màu sắc là vì có những tia ánh sáng phản chiếu từ những vật chúng ta trông thấy đến mắt chúng ta. Mỗi thể vật chung quanh ta tùy theo cách cấu tạo hóa vật của nó, hấp thụ những luồng sóng của màu này và phản chiếu những luồng sóng của màu khác. Bởi vậy, khi ánh sáng mặt trời chiếu vào hoa hồng nói ở đoạn trên, hoa hồng ấy hấp thụ tất cả những luồng sóng của các màu

(1) xem chú thích ở cuối bài.

(2) *énergie rayonnante*.

ẢNH HƯỞNG MÀU SẮC

khác trong ánh sáng mặt trời và phản chiếu đến mắt ta luồng sáng của sắc đỏ nhờ vậy ta thấy hoa hồng dưới màu đỏ.

Những thê chất ta thấy dưới màu trắng là vì vật ấy không hấp thụ luồng sáng của màu nào cả và phản chiếu lại tất cả các luồng sáng của các màu trong ánh sáng mặt trời.

Trái lại các sắc tố màu đen hấp thụ tất cả luồng sáng của mọi màu.

Mãi đến ngày nay khoa học cũng chưa khám phá ra được nhiều đề giải thích một cách chính xác tại sao mắt ta nhìn thấy màu sắc khi các luồng sáng đập vào cương-mô của đôi mắt (rét ne). Cương-mô là một thứ mền của mắt rất nhạy đối với ánh sáng. Thấu kính trong mắt (lentilles) tạo thành hình mọi vật trên cương mô và cương mô cũng có công dụng như phim trong máy ảnh. Có lẽ khi ánh sáng đập vào mắt, chất lỏng bao bọc phía ngoài cương mô bị một sự biến đổi hóa vật. Chất lỏng ấy kích thích thần kinh và thần kinh báo tin cho óc liết. Hình như các giấy thần kinh ở cương mô có nhiều loại và mỗi loại có nhiệm vụ phản ứng riêng

đối với một thứ màu. Những giấy thần kinh phản ứng với màu trắng ở phía ngoài, những giấy ở phía trong phản ứng với các màu sắc khác. Ta có thể thí nghiệm điều này bằng cách trộn lẫn nhau những miếng giấy nhỏ nhiều màu khác nhau rồi nhìn thẳng ra đằng trước, lấy may rủi một miếng đưa từ sau gáy (et) ra trước mặt. Nếu đề ý chúng ta sẽ nhận thấy rằng mắt ta nhìn thấy miếng giấy trước vài giây rồi mới phân biệt được miếng giấy ấy màu gì.

ẢNH HƯỞNG VÀ CÔNG DỤNG CỦA MÀU SẮC.

Màu sắc có nhiều ảnh hưởng đối với thê xác và tâm hồn con người. Nhằm mục đích nghiên cứu và áp dụng những ảnh hưởng ấy, một môn học mới được đặt ra trong những năm sau này gọi là « Tác dụng màu sắc » (Couleur fonctionnelle) và không phải những nghệ sĩ mà những nhà bác học chuyên môn nghiên cứu về tác dụng của màu sắc đối với thị giác, cảm tình của con người, năng suất làm việc v.v... và họ đã phát minh nhiều phương pháp mới lạ để áp dụng màu sắc một cách hữu ích trong mọi ngành hoạt động.

Ảnh hưởng màu sắc là do tác động trực tiếp của ánh sáng đối với các giây thần kinh ở mắt. Màu đậm kích thích thần kinh, làm tăng huyết áp, tim đập mau, màu nhạt làm êm dịu, giảm huyết áp làm cho tim đập chậm lại.

Màu sắc có thể làm cho ta bồn chồn hay oải hay hăng hái mạnh dạn, vui hay buồn, bức rức khó chịu hay khoan khoái.

Màu sắc có thể làm cho một vật ở xa hình như được xếp lại gần ta, một vật ở gần hình như lùi xa ra. Cũng một vật sơn những màu đậm trông thấy hình như nặng hơn là sơn màu nhạt. Cùng một căn nhà, sơn những màu khác nhau có thể làm cho ta có những cảm tưởng nóng hay mát.

Mỗi màu có một tác dụng, tượng trưng cho một ý nghĩa riêng. Màu vàng đậm tượng trưng cho ánh sáng mặt trời và sự chói lọi vinh quang. Màu đỏ là màu của sự hăng hái, hoạt động, cảm hờn. Màu xanh là màu lặng lẽ, màu trầm trang nghiêm và phong phú. Màu trắng tượng trưng cho sự thanh nhàn, mềm dẻo và lòng trong sạch. Màu xanh lá cây gợi sự dịu dàng êm ái.

Người ta thường chia màu sắc

thành hai loại. Những màu nóng như màu đỏ, da cam, vàng và những màu mát như màu xanh, tím, xanh lá cây.

Những vật sơn màu nóng dịch lại gần ta, bàn ghế sơn màu nóng hình như xếp lại gần nhau một cách ấm cúng. Trái lại, màu mát làm cho mọi vật tách xa nhau. Bởi vậy chúng ta có thể làm cho một căn buồng quá hẹp có vẻ rộng bằng cách sơn các bức tường với một màu mát và bằng cách ấy ta cũng có thể làm cho một bức trần thấp quá cao lên. Một căn phòng quá dài và hẹp bề ngang có thể dùng màu sắc để trở nên cân đối: dùng màu nóng sơn hai bức tường ở hai đầu bề ngang làm cho chúng có vẻ gần nhau hơn. Những sắc pha nhạt của các màu nóng hoặc mát đều đem lại những cảm giác khoáng khoáng, rộng rãi.

Khi bước vào nhà một người bạn, ta có cảm tưởng ngay không khí trong phòng ấm cúng hay tẻ nhạt, nhiều khi không phải do sự tiếp xúc nóng hay lạnh của người bạn mà do ở cách áp dụng màu sắc trong phòng.

Sự mát hay nóng của màu sắc làm cho ta có những phản ứng tự

ẢNH HƯỞNG MÀU SẮC

nhiên. Ở những thành phố đông đúc chật chội, ở các vùng nhiệt đới, trên các bãi sa mạc người ta thường dùng những màu êm dịu mát mẻ. Ở xứ lạnh, nhà cửa thường được sơn bằng những màu sẫm đậm để làm bớt cảm giác rét mướt.

Nhà cửa thường được trang trí bằng những màu sắc thích hợp với bản tính và hoàn cảnh của chủ nhân cùng những hoạt động thường xuyên trong gia đình. Đàn ông ưa những màu đậm, những sắc nóng nghiêm nghị, đàn bà ưa những vẻ tươi pha lợt của màu ưa thích của họ. Bạn trẻ ưa những màu sắc sặc sỡ vui tươi, những màu thuần túy không pha trộn. Lớn lên họ thay đổi dần dần và ưa những sắc xám hờn hợt pha trộn phức tạp tế nhị hơn.

Những sắc tươi làm bớt buồn tẻ có thể dùng để sơn nhà bếp, phòng ăn tạo một bầu không khí vui vẻ thích lợi cho sự tiêu hóa.

Ảnh hưởng của màu sắc cũng thường được áp dụng trong các bệnh viện ngày nay. Phòng của những bệnh nhân gần bình phục thường được sơn màu xám. Màu hồng phấn phớt, màu trắng ngà

làm cho người bệnh vui tươi và thích chóng hồi phục. Những bệnh nhân cần nằm lâu ngày ở nhà thương thường được đặt trong một phòng có những bức tường sơn màu xanh lá cây lợt, màu xanh lục hay xám-xám xanh. Các màu này làm cho họ thấy dễ chịu và kiên nhẫn.

Trong các học đường ngày nay, những sắc vui tươi đã dần dần thay thế cho màu vàng lợt lẽ mờ và màu nâu buồn tẻ cổ truyền. Những vẻ tươi lợt phản chiếu nhiều ánh sáng hơn và làm cho mắt học sinh phải cố gắng nhiều. Sự điều hòa ánh sáng cùng màu sắc một cách khoa học làm cho học sinh lâu mệt trí óc và giữ gìn được sức khỏe của học sinh.

Sự điều hòa màu sắc cho thích hợp cũng đã được áp dụng trong việc xây cất và trang trí các văn phòng và xưởng máy. Những máy móc trước kia sơn đen ngày nay ở nhiều nơi đã được thay thế bằng màu xám lợt sáng sủa hơn. Nhiều bộ phận máy móc được sơn màu trắng ngà để có thể phân biệt với các bộ phận khác.

QUI TẮC VỀ VIỆC XỬ DỤNG MÀU SẮC

Với mục đích bảo vệ an ninh, một qui tắc về việc dùng màu được áp dụng trong các nhà máy. Màu vàng, màu đỏ để trông thấy nhất được dùng để đánh dấu những nơi có thể va chạm hoặc sĩa chân nguy hiểm đến tánh mạng như những sà ngang quá thấp, những miệng hố trong các nhà máy.

Màu da cam để báo hiệu những sự hiểm nghèo cấp tính như những nơi có thể bị điện giật hay bị phỏng vì các ống hơi nóng, những nơi gần lưới cửa, bánh xe răng cửa, máy ép, máy dát v.v..., có thể gây thành thương tích ghê rợn.

Màu đỏ thường dùng để đánh dấu nơi dễ bình chữa lửa nhằm mục đích khi cần có thể tìm thấy ngay. Màu xanh lá cây chỉ nơi dễ dụng cụ cứu thương, y xá, y cụ, mặt nạ phòng hơi ngạt. Màu xanh dùng để sơn các đòn chỉ huy (levier de commande), chỗ đặt ngắt điện (interrupteur) để nhắc nhở công nhân phải để phòng cẩn thận.

Màu đỏ thẫm (pourpre) ngày

nay được dùng để đánh dấu những mối nguy hiểm của chất phóng xạ nguyên tử.

Trong việc giao thông trong các đô thị lớn, màu đỏ, xanh, vàng được dùng để chỉ huy sự giao thông ở các ngã tư. Những kẻ trắng và vàng trên mặt đường đánh dấu những khu vực dành riêng cho người đi bộ.

Màu sắc ngày nay còn được dùng trong việc cải cách phương pháp lưu trữ hồ sơ, làm nhãn hiệu các loại dược phẩm (ví dụ màu đỏ dùng ở các nhãn hiệu các chất thuốc độc chỉ để dùng ngoài da) cùng trong bao nhiêu việc khác nữa.

Ý NGHĨA MÀU SẮC TRONG HUY CHƯƠNG, PHÙ HIỆU

Trong các huy chương, phù hiệu, quốc kỳ màu sắc thường có những ý nghĩa sau đây :

Vàng, kim sắc : Danh dự, lòng trung thành.

Bạc hay trắng : Tin tưởng, trong sạch.

Đỏ : Can đảm, dũng mãnh.

Xanh : Kính cẩn, chân thật.

Đen : Buồn, hối tiếc.

Xanh lá cây : Tuổi trẻ, hy vọng.

Đỏ thắm : Vương vị, sự cao quý.

Đa cam : Biểu hiệu sức mạnh.

Trong các cuộc thi có giải thưởng ở Âu Mỹ thì giải nhất dùng bằng màu xanh lá, giải nhì màu đỏ, ba vàng, tư trắng. Màu đỏ thắm dùng trong giải thưởng tổng quát, màu xanh lá cây dùng cho giải thưởng đặc biệt.

SỰ CẤU TẠO MÀU SẮC

Màu sắc trong vũ trụ được cấu tạo bởi nhiều cách khác nhau. Phần nhiều màu sắc ta thấy hàng ngày là do các sắc tố hoặc thuốc nhuộm.

Sắc tố làm ra màu nâu, vàng là do chất ấy ở đất sét.

Sắc tố của màu trắng làm bằng phấn, vôi, đất sét trắng.

Nhiều màu khác được chế tạo bằng các thứ kim khí như sắc, chì, đồng v.v... Nhiều màu nữa được chế tạo bằng thảo mộc như gấc, nghệ, củ nâu, lá mạ, lá gai v.v...

Có những màu xuất xứ từ súc vật. Có một loại côn trùng phơi khô tán nhỏ ra thành sắc tố màu đỏ. Gỗ đốt cháy hoặc máu bò dùng làm sắc tố màu xanh. Màu đen nguyên chất tốt hơn cả là do ngà voi, răng và xương thú vật đốt thành than.

Ngày nay phần nhiều màu đều

được chế tạo trong các nhà máy tối tân dùng toàn những hóa phẩm. Do sự phát minh của một học giả người Anh, nhiều màu khác nhau được chế tạo bởi chất dầu hắc.

Có những màu sắc không do sắc tố tạo ra chẳng hạn như màu xanh của nền trời là do ột hiện tượng gọi là sự tán-sắc của ánh sáng (dispersion de la lumière). Hơi ẩm của không khí làm cho những tia sáng màu xanh ăn mặc nhiều hơn những tia sáng màu đỏ.

Màu sắc của chiếc cầu vồng xinh đẹp trên nền trời sau một cơn mưa là do những giọt nước li ti trong khí trời tạo ra. Những giọt nước ấy như những lăng - kính tí hon và phân tán ánh sáng mặt trời thành một đám sáng có đủ màu.

Những vầng mỏng của nhiều chất lỏng cũng tạo ra ngũ sắc như trên quả bong bóng xà phòng, trên vũng nước co lại một lớp dầu v.v...

Những màu ngũ sắc trên cánh nhiều loài côn trùng như cánh con chuồn chuồn chẳng hạn, trên lông chim, trên xa cừ đều không phải do sắc tố nhưng do sự phân tán ánh sáng bởi các đường lồi lõm hấp-thụ ánh sáng mặt trời và phản chiếu lại thành nhiều màu.

Gần đây người ta mới sáng chế những hóa chất gọi là huỳnh quang (fluorescent) có thể làm cho những

luồng ánh sáng không trông thấy được biến thành những màu sắc chói lọi trong đêm tối. Các hóa chất ấy dùng rất nhiều ở các biển quảng cáo.

Có những hóa phẩm khác tích trữ ánh sáng ban ngày để phản chiếu lại khi đêm đến. Có những hóa phẩm tự tạo ra ánh sáng như chất dùng để ghi số giờ trên mặt đồng hồ. Có nhiều thứ khác phản chiếu ánh sáng màu khi bị ánh đèn chiếu vào ban đêm và thường dùng ở các bảng chỉ dẫn đường, để quảng cáo hoặc dán ở các loại xe.

NHỮNG ẢO TƯỢNG KỲ DIỆU VỀ MÀU SẮC

Sự nhìn màu sắc có nhiều phản ứng kỳ lạ gọi là ảo tượng (illusions d'optique). Sau đây là một vài thí dụ.

Cuộc diễn hành của màu sắc (volée de couleurs) :

Nhìn chăm chú trong 30 giây một bóng đèn điện (loại bóng mờ) rồi nhắm mắt lại, các bạn sẽ thấy một chấm tròn biến từ màu này sang màu khác.

Ảnh hình (arrière-image) :

Vẽ một hình vuông mỗi bề 2 phân trên một tờ giấy, đặt tờ giấy

dưới một ngọn đèn thật sáng, nhìn vào hình vuông 30 giây rồi nhìn qua một tờ giấy trắng khác. Các bạn sẽ thấy trên tờ giấy trắng một hình vuông giống hệt hình vuông đã vẽ ở tờ kia nhưng màu khác.

Nếu hình vuông bạn vẽ màu đỏ thì bạn sẽ thấy màu xanh lục, nếu bạn vẽ màu xanh lá cây thì bạn sẽ thấy màu đỏ, và nếu bạn đã nhìn màu vàng thì bạn sẽ thấy màu xanh v.v... Sở dĩ có ảo tượng ấy là vì sự phản ứng của các giây thần kinh ở mắt. Khi bạn nhìn màu đỏ quá lâu, giây thần kinh bị mệt vì cảm giác của màu này nên tự động cho thay vào cảm giác của màu có thể trung hòa lại cảm giác màu kia, tức là của một màu phụ (couleur supplémentaire) của màu kia.

Những tấm giấy sắc tươi trông hình như to hơn những tấm cùng một kích thước nhưng màu xám hơn vì sự tươi sáng kích thích thần kinh nhiều hơn. Khi một hình sáng đập vào thần kinh của mắt, hình ấy loang rộng ra như một giọt mưa trên tờ giấy thấm.

Màu lợt trở thành lợt hơn trên nền xám và những sắc xám lại xám hơn trên một nền lợt. Một mũi tên xám trên nền trắng trông hình như xám hơn khi vẽ trên một nền đen.



CON ĐÒ MÀ

Giữa đêm 30-Tết

★ TRẦN-ĐỨC-LẠP

(Gửi các con tôi, những đứa con chưa được nghe những câu chuyện Xuân ở Quê - Hương miền Bắc).

GÌÔNG SÔNG MÃ Ngăn đôi 2 Huyện Đông-Sơn và Hoàng-Hóa thuộc Tỉnh Thanh-Hóa. Phát nguyên từ bên Tây-Tạng Trung-Hoa, sông Mã kéo từ Trung-Quốc qua Thượng-Lào rồi Hòa-Bình về Thanh-Hóa rồi đổ ra biển. Lòng sông rất rộng và sâu. Muốn qua sông phải đi bằng thuyền.

Bên này sông là làng Nam-Ngạn, bên kia sông là làng Nguyệt-Viên, đất vẫn vật có nhiều nhà nho nổi tiếng.

Gia đình Lão Bạng sanh sống về nghề chống dò ngang qua sông Mã. Về những ngày giáp Tết, Lão Bạng chuyên tay chống dò từ sáng mờ đất cho đến tối mịt vẫn còn đông khách quá giang.

Mỗi buổi sáng mùa Đông, trên lòng sông rộng, ngọn gió Đông Ken rít lên từng hồi ghê rợn lạnh buốt đến da thịt. Lão Bạng và người con gái dậy từ hồi canh ba nấu cơm ăn để chống dò. Trời còn tối đất những bận hàng chợ đã lác đác đến bên sông. Người Phủ Hoàng qua Phủ

Đông bán hàng, người Phủ Đông qua Phủ Hoàng mua mía tấp nập từ sáng sớm tinh mơ. Lão Bạng quen với cảnh sông nước rồi nên khi gà vừa mới gáy sang canh hai, Lão Bạng đã đánh thức cô con gái Lão dậy thổi cơm. Lão tung chiếu ngồi dậy. Gió ngoài sông thổi vô lòng thuyền như xoáy lên da thịt Lão buốt thấu xương. Hai hàm răng Lão Bạng đánh vào nhau run cầm cập. Lão lẩm bẩm nói một mình :

— Hôm nay Đông-Chí có khác. Trời rét quá.

Lão Bạng quay mình lấy cái điều cây mà Lão gác ở mạn thuyền ra nhồi viên thuốc Lào. Lão dặt ở kê tai từ đêm hôm qua vào nỏ điều rồi lè dần đến bên cạnh bếp chầm lửa đốt thuốc hút. Khói thuốc Lào như ngấm vô gan ruột Lão làm cho mắt Lão lim dim. Lão say thuốc Lào. Nước giải trong miệng Lão nhễ nhại giỏ xuống. Tay Lão run run, Lão sờ soạng víu mũi thuyền để giữ thăng bằng cho khỏi ngã. Mỗi buổi sáng Lão Bạng phải hút một điều thuốc Lào say sưa như thế đó, Lão mới thấy thích thú.

Người con gái Lão thấy Lão lại say thuốc vội đỡ lấy Lão và cau mặt nói :

— Sáng mô Thầy cũng say thuốc mà Thầy vẫn hút cho được.

Tai Lão nghe rõ mồn một tiếng con Lão nói nhưng miệng Lão cứng lại rồi. Lão run run lết dần đến ổ rơm nằm gục xuống. Lão đắp vội manh chiếu lên người Lão rồi Lão gục đầu xuống gần ngực Lão để cho ấm và để Lão tận hưởng cái thú say sưa của thuốc Lào. Người Lão toát mồ hôi mướt dầu trời bên ngoài rét lắm. Đó là Lão say thuốc Lào nên mới toát mồ hôi. Nằm một lúc, Lão Bạng thấy tỉnh dần. Nếu không có người con gái Lão lại đánh thức Lão dậy ăn cơm để ra chống dò thì có lẽ Lão còn đánh được một giấc đến sáng cho thú.

Trời cuối tháng chạp, các bạn hàng đi chợ Tết nên người nào cũng muốn đi sớm để tranh chỗ ngồi. Phiên Chợ Tỉnh Thanh một tháng 6 phiên. Mồng 7 phiên Chính, mồng 2 phiên xép. Hôm ấy là ngày 27 tháng chạp, phiên chợ Chính giáp Tết nên gà mới

gáy sang canh Ba, trên bờ sông đã nhốn nháo những người đi chợ. Chỉ còn một phiên 27 này nữa là Tết nên nhà nào chưa đi sắm Tết trong những phiên chợ trước thì phiên chợ 27 này phải thu xếp tiền nong mà mua sắm Tết. Nhà giàu cũng đi phiên chợ cuối năm này để sắm thêm ít đồ vật còn thiếu.

Lão Bạng và con gái thay phiên nhau chèo chở chuyển đồ giáp Tết này nữa vì ngày 30 Tết sắp đến Lão đã phải đem thuyền đi chở các hồn Ma về ăn Tết rồi.

Chở đồ suốt năm Lão không thấy chán nhưng Lão chán nhứt là đồ chiều 30 Tết, chuyển đồ chở toàn vong hồn người chết từ Phủ Hoàng qua Phủ Đông và từ Phủ Đông qua Phủ Hoàng để ăn Tết.

Sáng sớm ngày 30 Tết Lão vẫn chở thuyền như thường lệ nhưng vào khoảng 4 giờ trở đi Lão không chở người nữa. Lão Bạng bắt đầu thấp nhang cắm lên đầu thuyền, Lão bận áo dài đen, lưng thắt giây lưng nhiều điều, chiếc khăn lượt để chống đồ.

Lão người Phủ Đông nên

thuyền Lão cũng bắt đầu qua sông từ mạn Phủ Đông chở sang mạn Phủ Hoàng. Lão đứng trên mạn thuyền và hô lớn :

— Các vong hồn bên Phủ Đông qua Phủ Hoàng ăn Tết hãy xuống thuyền mau.

Lão Bạng cảm sào đợi khách. Con dò tuy không trông thấy người nhưng mỗi lúc như nặng hơn lên và chìm dần xuống. Nước mấp mé khắp thuyền. Lão Bạng la lớn :

— Xuống ít rứa. Chở nặng quá thuyền đắm thì rãng. Đi mô mà vội. Từ chừ đến đêm còn nhiều chuyển lăm mà. Lên đi một ít người.

Hình như có tiếng động, con dò nổi dần lên, Lão Bạng mới bắt đầu chống sào đẩy dò rời khỏi bến. Lão quơ tay chèo đều đều. Lão vừa chèo vừa hát giọng thầy Cúng. Tiếng hát của lão Bạng văng vẳng lẫn trên mặt nước. Tiếng gió đẩy nước vỗ bên mạn thuyền nghe như tiếng gõ nhịp hò khoan, Đồ chòng - chềnh, lão Bạng vội hét : ॐ

— Ngồi yên, vội đi đâu mà chen lăm rứa. Gần đến bờ đàng mô cũng lên mà.

Con đò lại thặng bằng. Lão Bạng chèo đều đều. Đò ghé bên Phủ-Hoàng. Lão Bạng cảm sào sào khách. Lão cất tiếng dục :

— Các vong hồn bên Phủ-Hoàng sang bên Phủ-Đông ăn Tết mau mau xuống đò.

Tiếng gọi của Lão Bạng nghe lạnh lạnh. Trên sông không còn bóng một con thuyền nào qua lại. Trên bến đò cũng vắng lặng. Ngoài tiếng sóng nước lao xao, tiếng gió rét vi vút thổi không còn có một tiếng, một bóng người qua lại. Lão Bạng cảm sào sào khách quá giang. Cũng như bên đò Phủ-Đông, con đò Lão Bạng chìm dần xuống như chử nặng. Lão Bạng lại hét lớn : — Lên bót trên bờ đi. Đò chử nặng quá sức mỗ chèo cho nổi.

Như có tiếng chân người bước lên bờ. Con đò lại từ từ nổi và Lão Bạng lại rút sào đẩy đò rời bến qua sang bên kia Phủ-Đông.

Lão Bạng chử đều đều như thế mỗi giờ Lão chử được gần 10 chuyến qua sông. Mỗi chiều 30 Tết năm nào cũng vậy, Lão Bạng chử những vong linh hồn người Phủ-Hoàng chết bên Phủ

Đông về bên Phủ-Hoàng ăn Tết với gia đình và người Phủ-Đông chết bên Phủ-Hoàng về Phủ-Đông ăn Tết.

Chuyến đò qua sông lúc gần 6 giờ chiều, từ bên Phủ-Đông qua bên Phủ-Hoàng, Lão bạng hỏi vợ :

— Vợ chồng chú Tân đã về chuyến nì chưa ?

Rồi Lão Bạng nhìn dưới khoang thuyền như Lão biết Chú Tân nào đó của Lão đã xuống đò rồi, Lão mới hỏi : — Năm nay về ăn Tết bên nhà đó, vợ chồng Chú có mang theo đàn phách thì hát lên vài câu mà nghe cho vui.

Vừa nói Lão Bạng vừa đẩy sào cho đò rời bến qua sông. Cái lạnh mùa Đông chiều 30 Tết như siết lên da mặt Lão Bạng. Lão kéo cái khăn lượt của Lão xuống che hai cái tai. Kinh nghiệm đã cho Lão biết rét nhứt là hai lỗ tai. Bịt được hai lỗ tai bốt rét rất nhiều. Sương mờ-mờ xuống khi một làn khói huyền-ảo phủ trên mặt sông. Xa xa tiếng pháo đón Tổ-tiên của dân Nguyệt-Viên vẫn thi nhau nổ. Gió vẫn thổi, sóng nước vẫn vỗ bên mạn đò. Bốn bề vắng lặng

không một bóng đèn, không một con thuyền xuôi ngược. Thuyền bến nào đã cắm sào bến ấy để ăn Tết. Chiều nay, trên giòng sông Mã chỉ còn một con Đò ngang qua sông của Lão Bạng vẫn theo tục lệ cũ chở vong-hồn qua sông ăn Tết.

Bỗng từ mạn đầu thuyền có tiếng đồn, tiếng sênh phách nổi lên như huyền-ảo mơ-màng. Tiếng hát Ả đào giọng trầm, giọng bổng nhịp khoan theo tiếng phách tiếng đồn. Tiếng hát của người Đào hát nghe lâng-lâng trầm-bổng như mơ-màng, huyền ảo. Tiếng đồn của người kếp như réo-rát ai-oán. Nghe tiếng đồn, tiếng hát, Lão Bạng bật tiếng thở dài.

Mỗi năm cứ đến chuyển đò mớ tối 30 Tết, Lão Bạng lại được nghe tiếng đồn, tiếng hát của vợ chồng chú Tân từ Phủ-Đông quá giang đò Lão Bạng sang Phủ Hoàng ăn Tết. Trên sông lờ-mờ bóng đêm bao phủ, tiếng đồn và tiếng hát văng-vãng từ mạn đò Lão Bạng đưa ra. Lão Bạng còn nhớ mãi cái đêm 30 Tết năm Mậu-tý cách năm nay là 6 năm, Lão chở xong chuyển đò cuối

cùng để đưa những hồn Ma qua sông ăn Tết. Lão chở Đò từ bến Nguyệt-Viên bên Phủ Hoàng qua bến Nam Ngạn bên Phủ-Đông để cắm sào, Lão định sang thuyền Lão để cúng ông bà ông Vãi nhà Lão thì bỗng văng vẳng cổ tiếng gọi tên Lão. Lão giục mình nhìn trước nhìn sau chỉ thấy bóng đêm giầy đặc. Cũng như mọi đêm 30 Tết, trời lốm đốm những mảnh sao thưa không đủ ánh sáng soi rọi bóng đêm giầy đặc, Lão ngờ là Lão nghe lầm tiếng gió rì rào rét buốt. Nhưng không, tiếng gọi lại văng vẳng nổi lên. Lão đánh bạo hỏi : — Ai, muốn qua sông không gọi sớm, gần giao thừa rồi ai còn qua sông nữa mà gọi.

Lão Bạng cắm sào nhứt định không chở. Lão Bạng lên bờ định qua thuyền của Lão đậu cách đò Lão cùng mười bước chân thì có tiếng người đàn bà nói như van lơn :

— Ông giúp cho vợ chồng cháu qua sông với. Chúng cháu người bên Phủ Hoàng vì phải đi hát Châu dưới đền quan Tướng ở Ngã Tư nên về chậm xin Ông chở giúp cho vợ chồng cháu qua sông cho kịp về giao

thừa kéo các Quan bàn giao về không được.

Lão ngừng chân vì Lão Bạng biết hễ các Quan năm cũ bàn giao cho các quan năm mới giữa đêm giao thừa là các vong hồn không thể về được. Và lại tiếng người van lơn Lão biết là ai rồi vì hàng năm cứ đến ngày 30 Tết vợ chồng vong hồn này vẫn qua sông bằng chuyến đò chở ma của Lão.

Lão liền hỏi : — Vợ chồng chú Tân đó phải không ? Răng kỳ ni vợ chồng về muộn rứa.

Lão Bạng vừa nói vừa bước chân xuống đò nhỏ sào. Hình như Lão biết vong hồn vợ chồng Tân đã xuống vì Lão nghe có tiếng trả lời của người đàn ông :

— Hôm nay Quan Tướng ở đền Ngã Tư cho gọi vợ chồng cháu đến hát chầu nên về muộn ông ạ !

Đến Ngã Tư Thị Xã Thanh-Hóa thường được gọi là hai Voi vì trước cửa đền 2 con voi to nằm phủ phục. Đền này do quan Tổng-Đốc Vương-Duy-Trinh làm ra và thờ Ngài. Hồi còn sinh tiền hằng năm cứ chiều ngày 30 Tết, quan Tổng-Đốc

Vương-duy-Trinh thường cho gọi Á Đào vô tư dinh Ngài để hát mừng chúc thọ. Lệ ấy thành quen. Người Á Đào danh tiếng ở đất Thanh là cô Thanh và chồng là anh kép đồn tên Tân hằng năm cứ đến chiều 30 Tết vô dinh cụ Thượng hát chúc thọ.

Thanh là một Á Đào thanh sắc vẹn toàn. Nàng ca kỹ này vốn giồng giỏi trâm anh, con một vị Khoa Mục nổi danh đất Thanh Mộc. Thuở nhỏ, Nàng được theo đòi nghiên bút. Nàng rất thông minh nên học đâu, nhớ đó, chữ viết rất tốt, văn bài, thi phú rất hay, sĩ tử bốn phương đến tập ở trường quan Bạng Phụng Đình đều phục tài Nàng Thanh con gái út của Quan Bạng Nhớn. Trong số các môn đệ đến tập văn bài ở trường cụ Bạng có nho sinh Nguyễn-văn-Tân là người ưu tú xuất sắc nhất. Văn bài của Nguyễn-văn-Tân thường được đem bình trong những kỳ khảo ở trường Huyện.

Nguyễn - văn - Tân chẳng những văn hay chữ tốt mà cầm kỳ, họa chàng lại càng nổi danh một vùng. Nhưng chỉ tiếc rằng

3 năm một kỳ nhập trường Nguyễn - văn - Tân chỉ phạm Trường Quy mà đành hồng quýt. Cụ Bảng thương Văn-Tân số phận hẩm hiu nên cho gọi gả Nàng Thanh cho Văn-Tân. Vợ chồng Văn-Tân ở riêng trong một căn nhà gianh ở bên đình làng Phượng. Chàng đọc sách, nàng quay tơ, dệt cử. Cuộc đời của chàng Nho-sĩ vô cùng êm đẹp để đợi ngày vinh cảnh Quê. Rồi những đêm trăng thanh gió mát, Chàng gảy đàn đáy, vợ ngâm những khúc hát yêu đương. Nhưng năm sau cũng thế, vào lọt Tam Trường Văn-Tân vẫn phạm Trường Quy mà hồng quýt.

Cụ Bảng thất lộ. Cảnh nhà ngày càng sa sút. Văn-Tân phải mở trường dạy thêm năm ba đứa trẻ trong làng để dựng đỡ thêm tiền cho vợ hàng rau cháo nuôi nhau.

Giặc giả nổi lên bốn phương. Loạn Văn-Thân ngày càng dữ. Những Thầy Đồ, Thầy Khóa, ông Tú, ông Cử bắt mãi hạn đồ, buồn vì thi cử lại nhục nhã vì nạn nước mất, nhà tan kết hợp với nhau nổi lên chống

đối. Loạn Văn-Thân nên bọn Giặc Nước càng oán ghét bọn sĩ tử. Chúng tìm mọi cách để diệt dứt bọn học trò chữ Hán. Tuy không đốt sách, giết học trò như Tần Thủy-Hoàng Bạo Chúa nhưng hễ là học trò, là Thầy Đồ, Thầy Khóa, là dễ bị tình nghi chém giết, lưu đầy.

Văn Thân đốt phá nơi nào, học trò nơi ấy càng bị bắt nhiều. Địa phương của vợ chồng Văn-Tân cũng không thoát nổi cái nạn cháy thành vạ lây ấy.

Thế rồi khói lửa lan tràn đến Phủ Hoằng-Hóa, thôn Phượng. Đình cũng bị ách đắng cay của tai trời, ách nước. Vợ chồng Văn-Tân phải thu xếp hành trang chạy lên Tỉnh lánh nạn. Từ vùng thôn dã, vợ chồng Thầy Khóa Tân bơ vơ giữa chốn thị thành. Chồng học trò dài lưng tốn vải ăn no lại nằm lưng vốn nghề nghiệp chỉ có Chi Hồ già đã nhưng nghề Thầy lúc ấy là nghề tai họa. Nhà Nước-Đại Pháp ra lệnh bãi bỏ kỳ thi chữ Hán sau khóa thi năm Mão để diệt cái nghề học trò chữ Hán. Mộng Ngựa Anh đi Trước Vong Nàng theo sau của vợ

chồng Thầy khóa Văn-Tân đành tan vỡ. Chốn thị thành không phải là nơi dung thân của kẻ Sĩ và Nàng Thơ.

Thú vui chơi tao nhã của bọn Quan Lại, bọn nhà giàu lúc bấy giờ là đồn ca, khổ sòng, nhịp phách. Chỉ có thú cầm ca bọn nhà giàu mới ném tiền qua cửa sổ.

Rồi thì những nhà ca kỹ mọc lên như nấm. Cống-Hậu, Cầu-Chanh, Quán-Giò là ba khu Thanh Lâu của đất Hạc Thành. Cái thú cầm ca tao nhã khi xưa của vợ chồng Thầy Khóa Văn-Tân là để cùng nhau vui thú khi trăng thanh, gió mát chông đồn, vợ ca giải muộn bây giờ đành đem ra để làm nghề sênh phách kiếm ăn.

Lần hồi trong chốn Thanh Lâu ca kỹ, vợ chồng Thầy Khóa Văn-Tân tưởng được yên thân đem nghề mọn đổi lấy miếng ăn lần hồi cho qua ngày đoạn tháng.

Nhưng tiếng đồn của Thầy Khóa Văn và tiếng hát của cô Khóa Thanh đã làm cho bao kẻ say mê. Tiếng hát của nàng Thanh cao vút, tiếng đồn của

Thầy Khóa ăm ăm hăng ăm ăm mua vui cho lũ người thừa tiền, dư bạc, cho đám Quan Trường sau một ngày mệt nhọc bên đồng công văn của Triều Đình đồn đến tai Ba Quan Lớn Tỉnh.

Thế là mỗi khi trong Dinh Quan Tỉnh có tiệc tùng khoản đãi là vợ chồng Thầy Khóa Văn lại được vời vào để mua vui cho các Quan đầu Tỉnh. Đau xót vì tiếng đồn, ngậm ngùi vì câu hát, vợ chồng Thầy Khóa Văn cố cắn răng chịu đựng, dồn lại ít tiền để kiếm nghề buôn bán, dứt bỏ cái cảnh bán hơi ca, tiếng đồn cho người ô trọc.

Sự đời vạn cảnh éo le, trong số khách Giang-Châu Tư Mã có viên Tri-Phủ Thọ Xuân vốn giòng Hoàng Tộc mê tiếng ca của Nàng Thanh nên định tung tiền để rở Thúy, chia Uyên. Nhưng Nàng Thanh khăng thủ tiết với chồng. Nàng thà chịu đói để được sánh bên tình chàng Hàn sĩ còn hơn ngồi trên đồng vàng bên kẻ ô trọc.

Lạ gì tình đời, kẻ sĩ tình là người có quyền thế thì mưu mô hăm hại phải quỷ quyết hơn ai, viên Tri-Phủ Thọ-Xuân tìm đủ

mọi cách chia lìa vợ chồng Thầy Khóa Tân.

Một buổi chiều đám vân cầu dựng lên nhiều hình quái đản, Thầy Khóa Tân bị bắt về tội kết liên với loạn Văn-Thân. Chỗn Ngục Trung, Thầy Khóa chịu bao cảnh tra tấn não nề đánh mướn sợi giây oan nghiệt để kết liễu cuộc đời oan khiên. Nàng Thanh đau sót thương chồng. Vành khăn tang quấn vội lên đầu người thiếu phụ son trẻ. Nàng ca kỹ lừng danh đất Hạc chua xót mang mối hận sâu. Rồi những đêm cất tiếng hát náo nùng mua vui cho Thiên Hạ, Nàng Thanh ôm gối lẻ loi khóc người Bạn cũ. Tiếng ca còn đây nhưng tiếng đàn đâu tá. Khổ sòng chắc dịp, tiếng phách dăng sâu, Nàng Thanh gắng gượng sống để vạch nỗi oan cho chồng.

Dịp may đưa đến, quan Tổng-Đốc Vương - Duy - Trinh vừa được lệnh của Triều-Đình về trấn miền Thang Mộc, Nàng đội đơn khiêu oan. Họ Vương minh xét vạch nỗi oan tình cho Thầy Đồ Tân để thầy được ngậm cười nơi chín suối. Viên Tri Phủ Thọ Xuân bị cất chức về Kinh-

sái tảo lục bộ. Nàng Thanh vô tợn Quan Tổng đốc rồi nàng về ma chay cho chồng cho phải tình chồng vợ. Đêm thứ bảy, tuần chay vừa hết, Nàng Thanh ôm mặt khóc lóc thâm-thương.

Và cũng đêm ấy, chiếc khăn tang còn quấn chặt trên đầu người hiền phụ, sợi dây oan-nghiệt đưa Nàng Ca kỹ nổi danh đi tìm chồng ở bên kia cõi Thê.

Tiếng phách, tiếng đàn lại gặp nhau trong cõi hư vô, đêm đêm thanh vắng tiếng hát của nàng Thanh và tiếng đàn của thầy Khóa vẫn văng vẳng trên cây Gạo đầu xóm Quán Giò.

Rồi hằng năm vẫn như khi còn sống, vợ chồng thầy Khóa Tân qua bến đò Hàm Rồng từ Phủ Đông sang Phủ Hoàng ăn Tết vào buổi xế chiều 30 Tết.

Lão Bạng chờ đò ngang ở bến Hàm Rồng hằng năm đã quen với vợ chồng thầy Khóa Tân từ bến Cầu Chanh về Phụng-Đình ăn Tết vẫn thường qua sông bằng đò Lão Bạng.

Nhưng đã mấy năm qua, vợ chồng người khách quá giang ấy không còn nữa, Lão Bạng hằng năm vẫn nhắc đến vợ chồng

thầy Khóa Tân.

Theo tục lệ cứ đến chiều 30 Tết, Lão Bạng chở con đồ Ma rước các linh-hồn từ Phủ Đông qua Phủ Hoàng và từ Phủ Hoàng qua Phủ Đông ăn Tết.

Lão Bạng đã quen với cảnh chiều Đông mờ ảo, khói lam chiều bao phủ nóc nhà ai và khi tiếng pháo bên sông nổ rền, mặt sông mờ mờ bóng sương chiều, sóng vỗ bọt bùng khe khẽ là thời gian Lão Bạng cất tiếng hát nào-nùng đưa hồn người chết qua sông.

Đêm 30 Tết năm Mậu tý, con đồ Ma của Lão Bạng đã cấm sào thời vong hồn vợ chồng Thầy Khóa Tân đến gọi đồ qua sông cho kịp về trước giờ Giao thừa của các Quan Âm Phủ.

Lão Bạng tiếc thương vợ chồng người khách cũ nên Lão lại nhổ sào chở vong hồn vợ chồng Thầy Khóa Tân sang sông ăn Tết. Con đồ mập mờ lướt sóng. Cảnh u tịch cả một đêm đông rét buốt với một con đồ trôi ngang giòng sông lạnh giữa đêm Trừ - Tịch làm Lão Bạng càng ghê rợn lạnh lùng. Lão cất tiếng hát triệu vong như

báo cho Thủy-Thần biết vẫn còn khách qua sông trên con đồ Ma giữa đêm Trừ-Tịch.

Và mãi mãi, Lão Bạng đã dặn trước vợ chồng Thầy Khóa Tân mỗi năm cứ vào khoảng chập choạng tối thì về để Lão đưa qua sông thông thả.

Cho đến nay, chuyện con Đồ Ma giữa đêm Trừ Tịch đã chìm sâu trong dĩ vãng của người dân Thánh-Hóa. Chuyện đồ Ma đưa những vong hồn qua sông ăn Tết cũng không còn nữa vì Lão Bạng đã chết từ lâu, người con gái Lão đã đi lấy chồng, không theo nghề cũ của cha Nàng để lại. Chiếc cầu Hàm Rồng đã bắc qua con sông Mã, khách quá giang không cần phải dùng Đồ. Con đồ chở khách ở bến Hàm Rồng đã gác sào mà chìm trong quên lãng.

Và mỗi năm cứ đến chiều Ba Mươi Tết bên đồng lửa nấu bánh Chưng Cự Già ôm đũa châu vào lòng ngồi kể chuyện con Đồ Ma giữa đêm trừ tịch để nhớ lại cái cảnh xa xưa êm ả trong một thuở Thanh-Bình pháo nổ mừng Xuân để không bao giờ được nghe tiếng súng rền rã nổ thay tiếng pháo vui tai tung xác đồ hồng dưới cây mai trắng hoặc bụi hồng đào nở nụ đón Xuân sang.



Chớm mộng



Đang mùa xuân mới chớm :
Nắng ngệp sáng trời mây,
Ngàn Hoa tươi hương dượm,
Nghe rộn nỗi niềm say.

Em nhớ mữa mùa xuân
Trong quăng đời thơ ấu,
Cùng bạn nhảy trong sân
Tìm nhịp nhàng nhạc lẫn.

Rồi năm nay xuân đến,
Em đã lớn khôn rồi.
Nụ cười vương xao xuyến,
Tóc chảy mượt bờ vai

Em không còn nhẩy múa

Đốt | hủo đồ luôn tay.

Không cười van | ợt nữa

Trong vườn chim bướm bay.

Lòng bỗng thấy mênh mang,

Gió lên sầu man mác;

Thơ thần nhật tợ vàng,

Của nắng chiều tan tác.

Hồn đôi thay kỳ lạ

Em đến bên Mẹ trình :

« Sao con buồn bã quá ! »

Mẹ mỉm cười lặng thinh.

Họ hàng em đến đông

Hỏi em : « Này chị cả

Hôm nay uống rượu hồng ? »

Em đỏ bừng đôi má.

Mọi người trêu em mãi,

Thẹn thùng em bước đi.

Em biết mình thôi dại,

Bởi chưng đã dậy thì.

Em trở nên mơ mộng

Tiền Gian đẹp bao nhiêu !

Tim hồng nghe rạo rạo động

Dâng rạo rạo tình yêu.

THANH-NHUNG

(NhàTrang)



ĐÔI NÉT VỀ

HÀN-MẶC-TỬ

(Tiếp theo P. T. 26)

RỒI, sống mãi trong niềm đau nỗi khổ, Từ cũng quen lẫn lộn. Và lẫn lộn Từ trở nên chịu đựng. Lại thêm Từ tìm được nguồn an-ủi trong nguồn Đạo. Nhờ thế tâm hồn Từ lấy lại được bình-tĩnh, thơ Từ trở nên tươi sáng và chứa đựng nhiều ý-tưởng thanh-khiết cao-siêu, như :
Điềm lạ, Ra đời, Xuân đầu tiên.
Đêm xuân cầu nguyện, Nguồn thơm, vân vân... Xin trích dẫn đôi đoạn trong đôi bài.

Đây bài « ĐIỀM LẠ » :

Đức tin thơm như ngọc,
Thơ bay rồi thơ bay...
Mau gò giat âm lại.
Sốt bột nghĩa đương say.

★ QUÁCH-TÂN

Nguyệt không-gian rất mát,
Chim thanh tước ra đời..
Nêu cao hơn tiếng nhạc,
Mùa hát sẽ xanh tươi.

.....
Đây một đoạn trong bài
« RA ĐỜI » :

.....
Cả trời bỗng nổi lên muôn điệu
nhạc,

Rất trọng vọng, rất thơm tho,
man-mác,

Rất phương-phi, trên hết cả
anh hoa.

Xuân ra đời ...

Điềm ngọc ấm như ngà.

*Thơ có tuổi và chiêm bao có
lịch.*

Và tâm tư có một điều rất thích,

Không nói ra vì sợ bớt say sưa.

— *Chàng ơi ! Chàng ơi ! sợ lạ
hôm qua,*

*Mùa xuân tới mà không ai biết
cả...*

Bài «Thánh Nữ Đồng-Trinh Maria» cũng làm trong thời kỳ tâm hồn Tử đã bớt dày-vò vì bệnh-tật.

Bài này đã được nhiều nhạc-sỹ tài ba phổ vào nhạc và đã được nhiều người thuộc lòng.

Vì sự phổ-biến sâu rộng của bài thơ, nên xin mạn phép ra ngoài phạm-vi bài này, trong giây lát.

Trong bài «Thánh Nữ Đồng-Trinh Maria» có đôi chỗ mà nhiều người giải thích không đúng với ý của tác-giả. Như :

« Song lộc triều nguyên »
và

« Phụng-Trì »

« Song lộc triều nguyên » không phải là « hai con hươu châu nguồn suối » mà là « Ngôi Hai và Ngôi Ba châu ngôi thứ Nhất ».

« Như Song Lộc triều Nguyên :

ơn phước cả » là ý Tử nói « Ông đức Thánh Nữ Đồng-Trinh ban xuống cho Tử cũng cao cả như ơn phước của Ba Ngôi ban xuống cho Thế-gian ».

Còn « Phụng-Trì », thì trước kia tôi không hiểu sở xuất viết thư ra hỏi Tử. Tử đáp :

— Đạo vốn có một. Người đời hiểu sai lạc rồi phân chia ra đạo này đạo nọ. Cho nên tôi nghiệm Đức Mẹ chỉ có một, nhưng vì óc phân rẽ kia, nên bên đạo Phật gọi là « Quan-Âm bồ-tát », bên đạo Tiên gọi là « Tây-Vương-mẫu », bên đạo Thiêng-Chúa gọi là « Thánh-nữ Đồng-Trinh Maria ». Tên tuy khác nhưng theo tôi, chỉ là một đấng. Mà Tây-Vương-Mẫu ở Phụng-Trì nên tôi dùng chữ « Phụng-Trì » để chỉ nơi Thánh-Nữ ngự.

Lúc ấy nghe tin bệnh Tử đã thuyên, tôi ra thăm, nhân bảo cùng Tử rằng nơi Tây-Vương-Mẫu ở là Giao-Trì chứ không phải Phụng-Trì. Tử cười và sửa lại. Nhưng trầm ngâm hồi lâu, lại nói :

— Không được. Chữ « Giao-Trì » không nói lên được gì cả

Chữ «Phượng-Trì» tiếng ngân đã dài lại ăm.

Đúng vậy. Âm hưởng chữ «Phượng-Trì» thật hơn chữ «Giao Trì». Tử lại nói thêm :

— Sắc lông con chim phượng vàng ánh, thật kêu-gọi quá !

Câu nói của Tử gọi ngay trong trí tôi cảnh huy - hoàng của nơi Thánh-nữ ngự. Và khi nghe Tử cao giọng ngâm :

*Phượng - Trì ! Phượng - Trì !
Phượng - Trì ! Phượng - Trì !
Thơ tôi bay suốt một đời chưa
thấu.*

*Hồn tôi bay đến bao giờ mới
đậu
Trên Triều-thiên ngò - chói vạn
hào-quang.*

thì tôi có cảm giác là thơ Tử và hồn Tử sẽ xo đôi cánh, nhip nh ng bay vào trong nơi sáng-lạn mênh-mông...

Vì thế chữ «Phượng-Trì» thành vĩnh-viễn trong Thơ, và các bạn quen thân đều khen là «thần tự».

Sự-tích của chữ «Phượng-Trì» là thế.

Và xem thể chúng ta thấy rằng Hàn-Mặc-Tử rất chú-trọng

âm-nhạc và màu-sắc. Đó là vì tâm-hồn Tử có những trạng - thái cá biệt, nhiều khi rất bí-ẩn, u- huyền. Để diễn tả, Tử phải dùng màu-sắc, hình-ảnh, âm-nhạc, nhất là âm-nhạc. Vì chỉ có âm-nhạc mới diễn tả nổi những cái sâu-xa, thăm kín, tế-nhị của tâm - giới. Nhiều khi Tử phải bỏ nghĩa thông-thường của chữ, bỏ cả văn-phạm của câu, để cho âm-thanh tiết-tấu phù-hợp cùng những biến-chuyển, rung-động, xao - xuyến của tâm-hồn, một tâm-hồn mênh-mông và xa-lạ... mà văn - từ chính - xác nhiều khi không thể diễn đạt.

Nhưng đó thuộc về «Nghệ-thuật» của Tử, không thuộc phạm vi bài này. Vậy tôi không dám dài dòng và xin trở lại cùng câu chuyện «Đời Thơ của Tử».



Về «Đời Thơ của Tử», khi này chúng ta đã đi đến giai-đoạn Tử tìm được nguồn-yên-ái trong Đạo. Đó là vào khoảng giữa năm 1938. Từ ấy Tử thường đề-tâm-thần tiêu-diêu ra ngoài thực - tế cho đến cuối năm 1939.

Từ khi bệnh Tử phát - hiện rõ rệt cho đến cuối năm 1939, bệnh

tình của Tử mỗi ngày mỗi tăng, nhưng tâm - trạng của Tử mỗi ngày mỗi bớt ray-rức rồi đi đến chỗ bình-tĩnh. Thơ Tử cũng theo tâm-trạng Tử mà thay đổi tánh-chất, hình-thái.

Những thơ Tử sáng-tác trong khoảng thời-gian này chia làm ba tập : *Đau-Thương* (sau đổi là *Thơ Điên*), *Xuân - Như - Ý* và *Thượng-Thanh-Khí*.

Thơ trong *Đau-Thương* thiên về lối Tượng-Trung. Phần nhiều chứa đựng những niềm đau - khổ, rối loạn..., phát ra những khúc nhạc buồn thương, và tỏa ra một bầu không-khí âm-đạm.

Từ *Xuân-Như-Ý* đến *Thượng-Thanh-Khí*, thơ Tử đi lần lần từ địa-hạt Tượng-Trung đến địa-hạt siêu - thực. Lời thơ tươi sáng, nhưng tứ thơ nhiều khi vượt ra ngoài thực-tế xa quá, khiến người đọc khó lãnh - hội thấu - đáo. Có nhiều bài đọc thấy hay, nhưng cái hay ấy chỉ ý hội mà không thể ngôn truyền.

Mà dù khó hiểu hay dễ hiểu, âm-đạm hay tươi-sáng ... lúc nào thơ Tử cũng có tánh cách vương-già (noble) và giàu âm-nhạc, giàu hình-ảnh. Nhờ vậy mà thơ Tử,

mặc dù khó hiểu, đã được nhiều người thuộc lòng. Nhiều người đọc như đọc kệ, thích-thú và say-sưa.

Do đó mà thơ trong *ĐAU-THƯƠNG*, *XUÂN-NHƯ-Ý* và *THƯỢNG-THANH-KHÍ* được phổ biến, mặc dù chưa xuất bản được bao lăm.



Qua năm 1940, Tử gặp một nguồn thi-cảm mới :

THƯƠNG THƯƠNG

Mà Tử gọi là « nguồn thơ bất tuyệt », « nguồn thơ vĩnh-viễn ».

Thương-Thương là tên một cô học-sinh 12 tuổi ở Huế. Hai người bạn Trần-thanh-Địch, chú ruột *Thương-Thương*, và Trần-thái-Phùng, anh ruột *Thương-Thương*, vì muốn yên-ủi Tử trong lúc cô-liêu, đã mượn cái tên kiêu-diễm ấy mà giới-thiệu cùng Tử rằng là một giai-nhân rất yêu quý thơ Tử. Thình-thoảng Tử có tiếp được thư ký tên *Thương-Thương*, lời đoan-chính nhưng thân-mật.

Chỉ nghe cái tên đẹp-dẽ và kêu-gọi, chỉ đọc những lời giới-thiệu của bạn và đôi bức thư « của *Thương-Thương* », mà Tử đem lòng yêu tha-thiết, yêu đến

nỗi quên cả Mộng-Cầm.

Trước kia nếu Mai-Đĩnh dừng cho Tử thấy dung-nhan, dừng cho Tử biết thân-thể, chỉ ở xa mà yêu, thì biết đâu Tử lại chẳng yêu tha thiết như đối với Thương-Thương.

Vì thi-nhân là người đi tìm cái ĐẸP trong mơ trong mộng nhiều hơn trong thực-ế. Cho nên chỉ say-sưa với những gì xa-xôi, những gì không với được . . . những gì khai triển trí tưởng-tượng càng nhiều càng say-sưa.

Tâm-trạng ấy Tử đã bày tỏ trong bài « TỐI TÂN HÔN ».

.....

Nhưng cái gì thơm đã đến kề,
Tốt e tình-lữ bớt say mê,

Không còn ý-nghị ban đầu nữa,
Sẽ chán-chường và sẽ chán-chê.

Cho nên tôi tưởng tốt tân-hôn
Chưa tốt còn xa để được buồn.

Đề sống trong niềm thương
nhớ đã,

Đề còn mừng-tượng đến giai-
nhân.

Cho nên Tử không cần biết rõ
Thương Thương như thế nào.
Tử chỉ « mừng-tượng... ».

Tử tưởng-tượng Thương-
Thương là một nàng tiên đẹp

tuyệt vời và lòng không vọn mây-
may trần cấu, một người đẹp
hoàn toàn và cũng yêu chàng vô
hạn. . . Càng tưởng-tượng càng
yêu, yêu say-sưa yêu đắm-đuối.
Lắm lúc Tử cũng biết yêu như
vậy là « vô duyên ». Nhưng vẫn
cứ yêu, vẫn cứ thương cứ nhớ.
Tình hương-yêu nhớ-tưởng tràn
ngập cả tâm-hồn và tuôn ra thành
những vần thơ tuyệt-mỹ.

Những thơ Tử làm ra trong
lúc này thật là thanh-tạo nhiều
khi siêu thoát.

Tử đã gộp lại thành tập :

1 tập thơ nhan là CẦM-
CHÂU-DUYÊN.

2 tập kịch thơ : ĐUYÊN-KỖ-
NGỘ và QUẦN TIÊN HỘI.

Đây là một bài trong « Cầm -
Châu Duyên » nhan đề là :

NỖI BUỒN VÔ DUYÊN

Sầu lên cho tới ngàn khơi,

Ai đâu ráo rệ, chưa lời nói ra !

Chiều nay tàn tạ hồn hoa,

Nhớ Thương-Thương quá xót
xa tâm bào !

Tiếng buồn đem trộn tiêu-tao,

Bóng em chồn-chợ trong bao
nhiều màu !

*Nghe ai xé lụa mà đau,
Gió than niềm gió biết đâu hẹn hò!*

*Đừng ai nói đề thương cớ...
Lỡ ra lộn nhut đèn bù sao cam.
Chiều nay chẳng có mero dăm,
Mình sao nước mắt lại đẫm đìa tuôn ?!*

*Ờ ra lụy ngọc nồn nồn,
Có bao giờ hết nổi buồn vô duyên!*

Thơ trong Cầm-Châu-Duyên nhẹ nhàng và trong sáng. Tình trong Cầm-Châu-Duyên là tình thơ mộng hưng được-đà.

Còn Duyên-Kỳ-Ngộ và Quần-Tiên-Hội là hai kịch ngắn bằng thơ. Đó là hai giấc mộng tình mà nhân vật là tác-giả và Thương-Thương.

Cốt truyện Duyên-Kỳ-Ngộ đại khái như thế này:

Hàn-Mặc-Tử đi tìm nguồn thơ, lạc vào một nơi tiên cảnh. Suối cất tiếng chào, chim đưa lời đón và tiếng tiêu thanh thoát theo hầu.

Đương lúc thi-nhân say sưa cùng những lời ca ngợi vừa kiêu-điểm vừa thanh cao của cảnh vật, thì một tiên nga trong trắng và

ngây thơ xuất hiện : nàng Thương-Thương.

Hai bên gặp nhau, tình t'ay h, ý th'ân trao đổi dưới một trời châu gấm, đây nhạc đây hương, đây lời chim tiếng suối phụ hợp.

Nhưng rồi thi nhân sợ nhớ đến hoàn cảnh của mình, lén từ-biệt tiên-nga, ra đi với tấm lòng khô héo và tiếng tiêu nào nùng quẩn quít bên thân.

Cốt chuyện thanh thú, lời thơ thanh tao.

Đây, lời suối reo :

*Ồ sự lạ ! Đã muôn đời thế-kỷ,
Dất linh-sơn in dấu vết phò-m-nhân !*

*Ta reo lên với đờn thông rú-tỉ,
Cho lay-bay tình ý ở xa-xăm...
Xin mời chàng tài-huà thí-sĩ đồ
Ngồi xuống đá bên thân ngọc vườn châu.*

*Hai tay chàng thử vốc vào nước ngọc,
Mát tê đi như đ'á thật nặng đầu.*

Đây, lời chim hát :

*Ồ ! Chàng kia thực ra chừ
phong-vận,
Hãy nghe ta cao hát khúc bình-an.*

Này mặt nhật tròn - vô đương
sáng láng.

Gió đương lên, đương quện
tiếng lòng ngân.

Thi-sĩ đáp lại lời chim suối :
Nắng càng cao lòng ta càng
hùng-hực,
Thơ lên rồi, bay quá giải nhàn
vần.

Mùi hương đầu trong lời ca
sức-nức,
Giọng hư-vô, rung động cả phong
trần.

Và đây là lời của Thương-
Thương, ngơ-ngác, tự-hỏi :
Mây bay theo với mây bay,
Mình sao ra nước non này mà
chơi?

Sáo ơi, diu-dặt khơt-ơi,
Buông mau âm - điệu aề rời
nhân-gian.

Nắng cao ý muốn lan-tràn,
Ở đây vắng-vẻ, cây ngàn suối
reo...

Uống vào thật « ngọt lịm cả
hàm răng ».

Quần-Tiên-Hội, là một giấc
mộng tiếp theo giấc mộng Duyên-
Kỳ-Ngộ. Đại ý rằng :

Thương - Thương vốn là một
nàng tiên tên là Quỳnh-Tiên, cùng
các tiên-nữ Hoa-Khôi, Nguyệt-
Tiên, Thiềm - Tiên, v.v... lập
Quần-Tiên-Hội.

Hàn-Mặ-Tử không chịu nổi
cảnh chia - biệt cùng Thương-
Thương, bèn đi tu. Chàng thành
tiên liền cải trang làm tiên - nữ,
lấy tên là Huyền-Tiên, xin gia-
nhập Quần-Tiên-Hội.

Chư tiên mở hội Bàn - Đào có
bầy vượn dâng rượu Xuất-Thần-
tửu. Rượu say chư tiên xuống
tắm nơi hồ sen thơm mát. Huyền-
Tiên lấy cớ say quá, không tắm,
đứng trên bờ ngắm-nghía Quỳnh-
Tiên.

Quỳnh-Tiên có dáng điệu mê
hồn. Chẳng những Huyền - Tiên
ngây-ngất mà cả đoàn tiên - nữ
cũng say-sưa ! Chư tiên vừa nô-
dùa cùng Quỳnh - Tiên vừa hát
những khúc hát của niềm yêu-dấu.

Huyền-Tiên đứng tần - ngần
như mê như dại, đôi mắt khi thì
sáng - rực lên khi thì mờ đi vì
khoái-lạc. Chim anh - vô và chim
họa-mi nhìn thấy sanh nghi, cùng
nhau bàn tán...

Bóng trắng ngà lộ mọc. Chư
tiên lên bờ mặc áo. Màu áo xiêm

tươi mát làm tăng thêm vẻ kiều diễm của những pho tượng thiên-nhiên. Huyền-Tiên thêm sống-sốt...

Trang-sức xong, chư tiên bày cuộc khêu-vũ. Huyền - Tiên lại chỗi từ nữa. Chư tiên sanh nghi... Quỳnh - Tiên vốn đã biết rõ Huyền - Tiên là người tri - kỷ cái trang, bèn đến mời... Huyền-Tiên hội ý, ra khêu - vũ cùng Quỳnh - Tiên. Rồi từng cặp, từng cặp tiên ôm nhau mà múa trong những khúc nhạc xanh, nhạc vàng, nhạc điều. Chim họa-my, chim anh-vô cũng cất tiếng họa theo thành những điệu mê-ly huyền-ảo.

Quỳnh-Tiên và Huyền-tiên vừa múa vừa trao đổi tâm-tình. Sung-sướng quá thành mê-man, ôm nhau hôn đắm-đuối... Thế là vô tình dè lộ chân-tướng của Huyền-Tiên. ...

Viết đến đó thì vì một chuyện riêng, tác-giả không tiếp tục.

Văn-chương trong tập này cũng thanh - lệ như trong Duyên-Kỳ-Ngộ, mà khung-cảnh lại có phần diễm-ảo hơn.

Hai tập kịch này cùng tập Cầm-Châu-Duyên là ba áng văn-

chương có giá-trị cao quý.



Những tập Quần - Tiên - Hội, Duyên - Kỳ - Ngộ, Cầm-Châu-Duyên, Thượng - Thanh - Khí, Xuân-Như - Ý, Đau - Thương, Gái-Quê, Đường-Luật, là những tập thơ. Từ còn có nhiều bài văn xuôi rất hay mà một số đã in thành sách dưới nhan-dề "Chơi giữa mùa trăng".

Đó là những bài thơ bằng văn xuôi.

Lời văn thì êm-ái nhịp-nhàng, ý thì đầy thơ và mộng. Vì thế nhiều người đã thuộc lòng đôi bài, nhiều đoạn... Những bức thư của Tử viết cho bạn cũng là những áng văn có giá-trị. Những quan-niệm về thơ, về văn, về cuộc đời... của Tử, thường bộc lộ trong những bức thư.

Lại có nhiều bức thư trong đó có vài ba câu thơ, hoặc một bài thơ mà chỉ có người nhận thơ may lắm vài ba người bạn thân của người nhận thơ, được đọc. Ví dụ trong bức thư gửi cho Trần-Thái-Phùng có bài :

Hôm nay vui quá, anh Phùng ơi !

Buồn xa không đến lệ không rơi,

Buồn không thất rượu, nên không lại.

Cười nói làm sao cho hả hơi?

Người Trung-Hoa nói rằng :
« Tô-Đông-Pha khi giận khi cười
cũng vẫn thảnh thơi ». Chúng ta
cũng có thể tự hào rằng : « Hàn-
Mặc-Tử hề đặt bút xuống là có
thơ ».

Nghĩa là lúc nào Hàn-Mặc-Tử
cũng làm thơ.

Và làm thơ cho đến lúc bệnh
đã quá nặng, phải đưa Tử vào
nhà thương Qui-Hòa, Tử mới
nghỉ.

✱

Tử vào nhà thương Qui-Hòa—
ở cách Qui-Nhon chừng 7, 8 cây
số — ngày 20 tháng 9 năm 1940.

Trước khi đi, Tử cho mời đôi
bạn chí thân đến ký - thác sự
nghiệp văn chương. Tử nói :

— Vào Qui-Hòa, nếu tôi
khỏi bệnh tôi sẽ đối tập Thơ
Điền như tôi đã nguyện. Bằng
vào đó mà chết đi thì các anh nên
thận trọng trong việc cho xuất-bản.
Những bài nào không nên cho
ra đời, những bài nào chưa nên

cho ra đời, các anh đã biết rõ...
(vân... vân...),

Rồi một buổi mai sương lạnh,
Tử bình tĩnh lên xe vào Qui-Hòa.
Và không đầy hai tháng sau thì
Tử mất.

Tử mất ngày 11 tháng 11
năm 1940. Gia-đình ở xa, bạn bè
ở xa ! Bên giường chỉ có một bà
phước và một người bạn đồng-
bệnh : anh Nguyễn-văn-Xê !

Chính anh Nguyễn-văn-Xê là
người đứng gọi tin buồn cho
những người thân của Tử theo
địa chỉ Tử để lại.

Thì-hì Tử không thể đem về
được, phải chôn tạm tại nghĩa-địa
nhà thương Qui-Hòa.

Ngót hai mươi năm nay Tử
nằm trong nơi hiu quạnh !

Mới đây — hôm mừng 6 tháng
Giêng năm Kỷ-Hợi, tức ngày 13
tháng 2 năm 1959 — Gia-đình
Tử đã hốt cốt Tử đem cải táng
tại Gành-Ráng Qui-Nhon.

Mộ Tử xây nơi một khoảng
đất rộng và bằng phẳng trên nong
gò cao. Phía trong có núi, phía
trước có biển. Xa xa thành phố
Qui-Nhon chạy dài theo lối cát
vàng ở giữa khung cảnh non
xanh nước biếc. Thật là một nơi

ân nghĩ rất thích hợp với hồn Thơ.

Từ thình phĩ Qui Nhơn lại có đường xe hơi chạy t'ăng đến Gònh-Ráng. Và từ đường cái lên đến mộ Tử lại có những bậc cấp ngờii xra đá đắp sẵn. ở đây các bạn yêu thơ Tử, m'ăn tại Tử, có hề đến viếng mộ Tử được tự do vì dễ-dàng.

Các bạn có đến, hãy nhớ lời tựa Xuân-Như-Ý :

« Hã, cảm ơn Thi nhân đã đỡ hết bao nhiêu nguồn máu lệ, đã từng uống mật đắng cay, trong

khí miệng vẫn tươi cười s'ốt sáng...
Hãy cầu nguyện bằng trăm
kính mấy giờ,

Hãy dâng cho một tràng chuỗi
trắng sao...

Hồn « Thi-nhân sẽ vừa say-sưa, vừa điên-cuồng, ọc ra từng búng thơ sáng lạn, phương - phi như một mùa XUÂN - NHƯ-Ý (1)

Viết tại Nha Trang, ngày rằm
tháng Giêng năm Kỷ-Hợi,
(22 Frévrier 1959)

(1) Tựa Xuân-Như-Ý —



* TIẾT KIỆM LỜI NÓI

Bác sĩ John Abernethy, người xứ Ê-Cốt, có tiếng là rất tiết
nết. Vết bệnh nhân cũng vậy, ông chỉ nói một vạt tiếng thôi.
Một hôm ông gặp một bà bệnh nhân. Ông hỏi :

— Bị ph'ng đau ?

Nữ bệnh nhân đáp :

— Trắc.

— Băng bó.

Hôm sau, bệnh nhân lại đến. Ông hỏi :

— Bớt ?

— Đau.

— Băng bó nữa.

Hai hôm sau, nữ bệnh nhân lại đến. Ông hỏi :

— Bớt ?

— Khá. Bao nhiêu tiền ?

— Không lấy tiền.

— Tại sao ?

Bác sĩ John phì cười :

— Từ hồi tôi làm đốc-tơ tới giờ, tôi mới gặp bà là người
thần chỉ đâu tiên biết tiết kiệm lời nói, nên tôi không lấy tiền.

— Cảm ơn.



CHÍN KHÚC RỒNG VÀNG

★ NGUYỄN-THÀNH-CUNG

« Nỗi đồng thì úp xuống đồng
« Con gái xứ Bắc lấy chồng
Đồng-Nai »

Ô. Nguyễn-Thành-Cung. Tổng-Thư Ký Tổng-Thống-Phủ, vừa là một nhà Văn, là người quê-quán ở miền Nam, cho nên ông biết rất nhiều về miền này. Bài « Chín Khúc Rồng Vàng » là trích trong bản thuyết-trình « Hương Sắc Miền Nam » mà ông có nhã-ý gởi tặng Phò-Thống.

Đây cũng như một cuộc du-lịch mà ông Nguyễn-Thành-Cung đưa các bạn đi chơi trong mấy ngày Xuân, khắp « xứ Đồng-Nai Lục-Tỉnh ». Phò-Thống xin thành thật cảm-ơn Nguyễn Tiên Sinh.

P. T.

NGƯỜI ta thường nói: « Xứ đẹp nhất không phải là thiên đàng. Xứ đẹp nhất trên thế giới là xứ của ta, là nước của ta ».

Tôi vẫn nghe câu nói đó lúc còn nhỏ, nhưng ít khi để ý đến ý-nghĩa của câu ấy. Cho đến năm 1954, tôi có dịp đi ngoại-quốc lần thứ nhất, khi tôi trở về miền Nam, lúc phi-cơ bay vào địa phận nước ta, cô chiêu đãi viên

trên phi-cơ bảo tôi : « Đến đây là vào địa phận Nam-Việt rồi ».

Phần đông quý vị đều có dịp xem Miền NAM trên phi-cơ, và đã thấy rõ tổng quát phần nào vị-trí miền này, những con sông hùng-vĩ, những cánh đồng ruộng bao la bát ngát, những đồn điền tịch-mịch.

Xem bản đồ khổng lồ ấy của Miền NAM, sau khi lia xú gần năm tháng, tôi cảm thấy trong tâm hồn một sự thỏa mãn chưa từng có. Đó là miền NAM của chúng ta, có cả TIỀN GIANG, HẬU GIANG, cùng sông VÀM CỎ, ĐỒNG NAI, các đồng lúa mênh mông, các vườn cao-su suông sẽ như ai đã cầm thước mà gạch, luôn cả các hòn núi lôm chôm ở trên dòm xuống như bao nhiêu bộ hồn non mà các cụ già thường chơi ! Cảnh tượng ấy, ta có thể thấy rõ, khi có dịp đi tàu bay thăm đảo Phú Quốc, hay hải biển Vũng-Tàu.

Chúng ta có thể thấy rõ, nhứt là vào mùa nước « đổ » hai con sông TIỀN GIANG và HẬU GIANG cuộn cuộn chảy từ biên giới CAO-MIỀN đến khoảng gọi là VÀM - NAO, nơi duy

nhứt mà hai con sông to nhứt miền Nam « bắt tay » nhau rồi lại chia tay nhau nữa, để tiếp tục mạnh ai nấy chảy ra biển NAM-HẢI.

Qua đến Miền Đông, nghĩa là vùng sông Vàm-Cỏ, Đồng-Nai, thì cảnh tượng khác hẳn. Nhứt là khi sông Đồng-Nai trở ra biển, trông không khác gì những con rắn khổng lồ, lớn có, nhỏ có, quanh co uốn khúc.

Đây là vùng Rừng Sát, nơi mà cách đây bốn năm, quân đội quốc-gia đã tìm được sào huyệt và tiêu diệt bọn phiến loạn Bình Xuyên.

Theo các nhà địa dư học, thì ở đây, cách mấy chục ngàn năm về trước, chỉ là bãi biển. Song, phước đức cho dân-tộc ta, nhờ có Hậu Giang, Tiền Giang và Đồng-Nai chảy ra đó, nên lần hồi đã bồi thành miền Nam ngày nay. Thêm nữa, bây giờ mỗi năm, đến mùa nước lớn, Tiền Giang và Hậu Giang chảy tràn lên đồng ruộng. Khi nước rút, thì tôm cá vẫn ở lại, sanh sản trong các địa bào. Đó là chưa kể mỗi năm nước ngập, đồng ruộng của miền Nam được

hưởng thêm đất bồi.

Ở trên không dòm xuống, chúng ta không khỏi sửng sốt mà nghĩ rằng : trong một khu vực diện tích ước lượng không dưới hai triệu nẫu ruộng, không có một khoảnh nào, dầu nhỏ, dầu lớn, mà không có tay đồng bào ta vun xới, trồng trọt, cấy hái.

Người ngoại-quốc cho rằng địa hình của nước Việt-Nam ta thật là đặc biệt, có một không hai trên thế giới.

Diện tích tổng quát của Việt-Nam ta là 300.000 cây số vuông. Nhưng thật ra, tổng số đồng bào ta chỉ ở trong 80.000 cây số vuông. Nghĩa là chỉ ở trong vùng Trung nguyên HỒNG-HÀ, TIỀN GIANG và HẬU GIANG. Càng lạ lùng hơn nữa là Việt-Nam không có bờ ngang mặt dầu miền duyên hải có hơn 1.000 cây số dài.

Thật ra, Miền NAM là gì, nếu không phải, vào kỷ-nguyên đệ tứ (ère quaternaire), là một vịnh lớn, dưới có một nền tảng (socle) không ở sâu lắm? Do đó, nhờ Tiền Giang và Hậu Giang

bồi mãi đến nay chúng ta mới có « chũn đứng » nơi đây.

Hơn nữa, theo bạn Thái Văn Kiểm độ, thì trong hai ba trăm năm nữa, Miền Nam sẽ được bồi lên đến tận TÂN GIA BA !

Rất tiếc là trong hai ba trăm năm nữa, trong chúng ta không có ai còn sống được để sang chơi bên Tân Gia Ba bằng đường bộ ! Nhưng chắc chắn rằng tên của bạn THÁI VĂN KIỂM sẽ được nhắc-nhớ vì đã tiên-tri việc ấy !

Miền NAM « sống » là nhờ hai tay của Sông Cửu-Long. Tất cả hệ-thống sông ngòi ở Miền Tây Nam Nam-phần, đều do Sông này chi phối. Sông không phải Cửu-Long giữ độc-quyền. Còn những sông, đứng vào bậc « đàn em » nữa. Đó là Sông Đồng-Nai mà chúng ta đã thấy. Tuy là bậc đàn em, sông Đồng-Nai cũng kinh chống với đàn anh bằng cách chia ra hai nhánh, có hai tên khác nhau : Sông Biên-Hòa và Sông Saigon và cũng có nhiều em út phụ lực : Rạch-Tre, Rạch-Cát, v.v...

Về NÚI NON, Miền Nam không có chi đặc sắc vì Miền

Trung chiếm độc quyền trọn giải Hoành - Sơn. Khúc dưới giải Hoành-Sơn lại nằm trọn trên lãnh thổ CAO-MIÊN. Vì vậy Miên Nam rất khiêm tốn. Núi cao nhất là Núi Điện Bà được non 900 thước, một khi núi cao nhất ở Việt-Nam là núi FAN-SI-PAN được gần 3.200 thước.

Hai hòn núi, gần SAIGON nhứt là núi BỬU-LONG tục gọi là núi LÒ-GẠCH, tên thật núi ấy là núi LONG-ÂN, trên núi có ngôi chùa xưa, chùa LONG-SƠN-THẠCH. Bề cao núi này không quá 50 thước,

Và một hòn núi nữa, hiện đang giúp đá để làm xa-lô SÀI-GÒN — BIÊN-HÒA là núi CHÂU-THỚI (cao 60 thước).

Và ở Bà-Rịa, quý vị đều biết có núi CHỨA-CHAN cao 803 thước.

VỀ THẢO MỘC, thiết tưởng chúng ta cũng nên nhớ rằng một số cây ăn trái ở Miên Nam, trừ cây xoài, cây chuối, cây ổi, một phần đều do các nhà truyền giáo mang trồng, vào cách đây chỉ hơn một trăm năm. Chính Đức Cha Bá-Đa-Lộc đã đem giống

cây « MĂNG CỤT » từ Nam-Dương qua, cũng như phần nhiều trái cây mà đồng bào Lái-Thieu sản xuất và cung cấp cho MIÊN NAM, như trái LÔM CHÔM (ramboustan) và trái SẦU-RIÊNG.

Trái MĂNG CẦU XIÊM (corrossol) do L.M. MICHE mang trồng từ NAM-MỸ, cũng như trái SAPOTILLE, do L.M. GERNOT trồng. Còn hai thứ cây nữa, cũng được nhập cảng từ ngoại quốc. Một cây rất có ích, vì đã làm cho tỉnh LONG-KHÁNH có nhiều huê-lợi, là cây CAO-SU (hévéa). Chính Ông RAOUL, được-sư thủy quân, đã mang từ MÃ - LAI vào năm 1897. Còn giống thứ hai, nên nói ngay rằng rất vô ích, là cây cỏ « LỤC BÌNH ». Miên Hậu-Giang, hễ mùa nước đổ, thì thứ cỏ này trôi đầy sông, đầy rạch, có khi rạch nhỏ bị bế - tắc không đi lại được. Cỏ này vô ích đến nỗi xắt lá cho heo ăn, heo cũng chê. Một thứ cỏ vô ích như vậy, tại sao lại được nhập cảng xứ này?

Có người nói : « Thủ phạm » là một viên Toàn - quyền cách

dây mấy chục năm, đã xin một cây từ Nhứt-Bổn để thả trong vườn Bách - Thảo Hà - Nội. Nhưng cũng có người nói : « Thủ phạm » là trận bão Năm Thìn 1904. Cỏ này từ Phi Luật Tân trôi qua xứ ta !

★ MIỀN NAM SỐNG

« *Giang-san ba tỉnh hấu còn đây* » !

Trong khung cảnh đó, ông bà chúng ta và chúng ta đã sanh sống từng mấy thế-kỷ nay.

Trong trường - hợp nào và trong điều - kiện nào, tổ - tiên chúng ta được vào lập nghiệp tại Miền này ? Việc ấy, các sử-gia đã tìm tòi, rất đầy đủ và công phu. Trong số, có bạn Thái-Văn Kiểm và bạn Phạm Đình Khiêm, khi hai bạn và tôi đã có nói chuyện về BỐN HÒN NGỌC MIỀN NAM.

Hôm nay, chúng ta chỉ nên nhớ rằng : lúc NGUYỄN, TRỊNH phân tranh, đồng bào muốn tránh việc « lộn xộn » ngoài TRUNG, và lại miền TRUNG đất hẹp người đông, rủ nhau tản cư vào NAM lập nghiệp cho yên thân.

Và nhờ Công chúa NGỌC-

VẠN, vợ của Vua Cao-Miên CHAY-CHETTA II, ông bà ta được Vua Cao-Miên cho phép thành lập một doanh điền tại MOI-XUI (tức là MÔ-XOÀI gần Baria — Phước Lễ ngày nay).

Việc can thiệp chánh thức đầu tiên xảy ra vào năm 1658, nghĩa là cách đây 300 năm.

Can thiệp về việc chi ? Chính cũng vì tại Cao-Miên (nghĩa là Miền Nam ngày nay) có xảy ra việc lộn xộn. Vua Cao-Miên yêu cầu quân ta đến giúp để giữ trật tự.

Trật tự được tái lập xong, Vua Cao-Miên nhận xin triều cống Vua ta và thuận nhượng vùng BIÊN-HÒA cho nước ta.

Đến năm 1708, thì toàn thể đất Thủy Chân Lạp, (tức Miền Nam hiện giờ) đều được đồng bào ta khai thác, kể là Sáu tỉnh :

1. BIÊN-HÒA
2. GIA-ĐỊNH
3. ĐỊNH-TƯỜNG
4. VĨNH-LONG
5. AN-GIANG
- và 6. HÀ-TIÊN.

Công việc này chỉ đòi hỏi một thế-kỷ rưỡi (150) thôi.

★ LỤC TỈNH /

Vì là người sanh trưởng ở miền đồng ruộng sông ngòi, nên tôi thường để ý thấy các ghe thuyền miền Nam đều mang số đăng bộ có kèm theo số 1, 2, 3, v. v. đứng đầu, cho đến số 20 là đủ số hai chục tỉnh Miền Nam. Tỉnh Long-Xuyên là nguyên quán của tôi được số 8. Tỉnh kế cận Châu-Đốc, là số 2. Sadeo được số 6. Rạch-Giá số 4. « Đền đồ » là tỉnh Bạc-Liêu, số 20 — « Đền mũi » Số 1 là tỉnh Gia-Định.

Tôi thường hỏi các anh trong xã thôn. Nhưng các anh ấy thay vì trả lời ngay, lại đọc cho tôi nghe các câu sau này :

GIA CHÂU HÀ
RẠCH TRÀ SA BẾN
LONG TÂN SÓC
THỦ TÂY BIÊN
MỸ BÀ CHỢ VĨNH
GÒ CẦN BẠC.

Và họ bảo : Cứ nhớ mấy câu ấy, thì nhớ đủ tên các tỉnh miền NAM !

Đến bây giờ, tôi cũng chưa rõ các nhà cai-trị Pháp hồi trước vin vào đâu để đặt ra hệ-thống thứ tự của các tỉnh miền NAM.

GIA-ĐỊNH được số 1, có phải là vì ở gần nhứt Thủ-Đô Saigon chăng ? nhưng sao lại đi một vọt đến tỉnh rất xa Saigon mà cho số 2 là CHÂU-ĐỐC ?

Thuở còn đi học, một năm, chúng tôi dự một kỳ thi có gặp đầu đề này :

« Anh đi ô-tô từ Vũng-Tàu đến Cà-Mau. Anh trải qua tỉnh nào, tỉnh-ly nào, vùng nào ? Hãy kể ra tình hình kinh-tế của các vùng ấy ».

Đối với sự học hỏi của chúng tôi, thật là một đầu đề « diếc con rái ».

Bây giờ không còn thi nữa, nên chúng tôi chẳng những muốn đi từ Vũng-Tàu đến Cà-Mau, mà lại muốn đi luôn từ Cà-Mau lên Rạch-Giá—Hà-Tiên nữa. Như vậy, chúng ta sẽ biết qua phần nhiều các tỉnh.

Thật vậy, nếu có thì giờ, chúng ta cũng nên đi một vòng lớn, qua tất cả các tỉnh Miền NAM để ghi lại những nét đẹp thiên nhiên hay những dấu vết lịch-sử của từng tỉnh một. Sau đây, bạn Thái-văn-Kiểm sẽ kể lại cho quý vị những chuyện còn lý-thú hơn. Tôi chỉ xin quý vị cho

phép tôi kể sơ các nhận xét riêng của tôi về một vài tỉnh mà tôi được biết ít nhiều.

Riêng về LONG-XUYỀN, là nguyên quán của tôi, người ta thường nói « LONG-XUYỀN CHÂU-ĐỐC thiếu gì cá tôm ».

Có lẽ vì câu đó, mà ngày nay hai tỉnh này đã được sáp nhập làm một, gọi là tỉnh AN-GIANG mà Long - Xuyên là tỉnh - lỵ. Long-Xuyên, Châu-Đốc là vùng có nhiều cá. Có người nói : « Ở Long-Xuyên, giữa tay ra, lấy một ly nước đổ vào, trong bàn tay cũng có cá ! ». Vì vậy Long-Xuyên — Châu-Đốc sản xuất một món ăn mà hầu hết các tỉnh đều thích, nhưng người ngoại quốc không thích : mắm.

KIẾN-GIANG, trước kia là Rạch-Giá, nổi tiếng là làm bánh khéo. Nghĩa là đàn bà, con gái Rạch-Giá rất khéo tay, làm bánh không chỗ nào chê được. Không phải chỉ bánh đám cưới đám giỗ, đến bánh bán ngoài chợ, bà nào khó tính đến đâu, cũng phải khen bánh Rạch-Giá.

Trở về Sa-Đéc (bây giờ là Quận lỵ và thuộc về tỉnh Vĩnh-Long), vùng này nổi tiếng đặc

biệt là con gái đẹp. Song về phương diện này, danh tiếng không được đồng nhứt : Có người nói tại Sa-Đéc, nhưng là vùng NHA-MÂN một trung tâm nhỏ trên đường Vĩnh-Long Sa-Đéc. Có người lại nói : chính vùng CAO LÃNH.

Dầu Nha-Mân hay Cao-Lãnh, Sa-Đéc vẫn giữ tiếng là con gái đẹp. Vì lý do nào ? Có người bảo tôi rằng : thuở xưa, các quan lại phạm lỗi thường bị đày đi trấn ở Sa-Đéc. Mà các quan lại thời xưa, quý vị cũng biết, không phải một ông một bà như ngày nay. Các ngài đày vào đây thì không quên mang hết bà hai, bà ba, bà tư, v.v... vào. Và đến Sa-Đéc, nhứt là sau khi bị lỗi, các quan còn làm gì, ngoài việc « sản xuất con cái » ?

Ngoài ra CAO LÃNH, hiện giờ là tỉnh lỵ tỉnh Kiến-Phong, cũng có tiếng có giống gà nòi « trăm trận trăm thắng ». Các tay đá gà đều tìm đến mua gà CAO LÃNH, vì danh từ « gà Cao-Lãnh » có nghĩa là « đá đến chết chứ không chịu thua ».

HÀ-TIỀN, tuy bây giờ đã trở thành một quận lỵ, cũng

giữ tiếng là danh lam thắng cảnh miền Tây Nam. Đặc biệt của HÀ TIÊN là có nhiều tên *lót*. Đến bến đò cũng có một tên rất nên thơ : đò Tô-Châu. Qua đò là đến HÀ TIÊN. Tôi còn nhớ một đồng bào miền Đông đến viếng HÀ TIÊN lần thứ nhất. Qua đò Tô-Châu xong, ông đến chợ, hỏi : « Thưa ông, từ đây đi Hà-Tiên có xa không? »

Nhưng ở Hà-Tiên, lại có những tên rất nôm na, như Bãi-Ớt, Bãi Trầu, Hòn Trẹm, mặc dầu, thuở xưa Mạc Cửu và con là Mạc Thiện Tích, hai người Trung-Hoa có công khai phá xứ này, có mời nhiều văn sĩ Trung-Hoa sang Hà-Tiên để uống rượu làm thơ.

Xa nữa là Bạc-Liêu. Bạc-Liêu được tiếng là vừa lúa và vừa muối của Miền NAM, nghĩa là đất đai của các nhà triệu-phủ, của các bậc « công-tử » đã « đi Tây ». Nhưng không hiểu tại sao lại có câu hát này :

« Bạc-Liêu là xứ quê mùa »
« Dưới sông cá chớt, trên bờ
Triều-châu »

Có đúng chớ, họa may là về sau. Trước kia, Hoa-kiều ở

Bạc-Liêu thật đông. Mà Hoa-kiều này nguyên quán ở Triều-Châu, một giống dân chịu cực rất dễ và hay làm những chuyện nặng nhọc, như giúp việc trong các lò rượu, các kho lúa, kho muối. Một người Triều-Châu có thể gánh các sản phẩm bằng hai hay ba người Việt-Nam. Họ vào ở tỉnh Bạc-Liêu rất lâu đời và do đó, những tập quán, hay cách xưng hô của họ, lần lần đã lan tràn đến người Việt-Nam.

Đồng bào ta ở Bạc-Liêu gọi nhau bằng « *hĩa* » (anh), « *số* » (thiếu), « *củ* » (cô) cũng như Hoa-kiều Triều châu.

Ở Bạc-Liêu có nhiều cá chớt chớ ?

Nếu quả có thật, thật là một việc trời cho. Vì người Triều-châu có tiếng là rất cần kiệm, không thích ăn cá lớn, e tốn tiền, chỉ ưa ăn cá nhỏ như cá chớt.

Đã biết qua một vài tính chất quan trọng của một ít tỉnh miền Nam, giờ đây tôi xin trình-bày cùng quý vị một ít nhận xét riêng của tôi về tính tình và văn-hóa miền Nam, qua những nét đại-cương và sau rốt tôi cũng xin nói qua thân thế và công nghiệp

của một vài danh nhơn miền Nam.

Trước hết là tỉnh tỉnh đồng-bào miền Nam so với đồng bào Miền Bắc và Miền Trung.

Nếu đồng bào miền Bắc có tiếng là nhẫn nại, chịu khó, và đồng bào Miền Trung chậm rãi, thích an nhàn nhưng hay suy-nghĩ, thì đồng bào Miền Nam, theo sự nhận xét của tôi, tánh nóng nảy, nhưng rất thành thật, dễ-dãi và hay trêu đùa: Điều đặc-biệt là truyền thống dân-chủ đã có ở miền Nam từ lâu. Có lẽ vì lý do địa lý: ở xa triều-đình nhà Vua, và lý do sử ký (đã bị Pháp thôn tính từ năm 1886), cho nên đồng bào miền Nam ăn nói không dùng những câu văn hoa bóng bẩy.

Tôi còn nhớ vào lối năm 1930-31, ở Saigon có đem bán hình **ÔNG BAO - ĐẠI và BÀ NAM - PHƯƠNG**. Trẻ nhỏ vừa bán hình vừa rao: « *Mại dô! Hai vợ chồng Ông Vua... 2 cái đây. Mại dô!* »

Người Nam lại có tánh trêu đùa. Tôi còn nhớ: cách đây ba chục năm, đàn ông để tóc bới cũng còn nhiều, ở các tỉnh-lỵ cũng

vậy. Các ông già bà cả thường kêu gọi các người đã hót tóc, cho rằng đó là « *cạo đầu khố* »!

Vào lối năm 1922-1923, lúc còn phải bắt thăm đi lính (ở Nam gọi là lính tập = *tirailleurs co. chinchinois*) trong số lính tập, người để tóc bới cũng còn nhiều. Và lúc nhập ngũ, trong trại lính thường tổ-chức những cuộc đá banh có công chúng vào xem, nhứt là khi Pháp ăn lễ 14 Juillet, ở Nam gọi là lễ « *Chánh chung* » (trẻ con gọi là *lễ chén chung*). Người ta nói trong một cuộc đá banh như thế, giữa một đội lính tập và một đội thường dân, trọng tài thường ngưng đá, vì thỉnh thoảng có anh lính tập rút lòng nhím, phải tìm vì tóc xổ, không đá được !!!

* VĂN HỌC MIỀN NAM

« *Đồng-Nai có bốn Rồng Vàng* »

« *Lộc họa, Lễ phú, Sang đàn, Nghĩa thi* »

Điều-kiện lịch - sử và kinh-tế Miền Nam đã tạo một hoàn cảnh đặc biệt thích hợp cho nền văn học bình dân truyền khẩu dựng lên, trung thành với bản chất, nguyện vọng của dân quê miền

CHÍN KHÚC RỒNG VÀNG

Đồng-Tháp và Cà-Mau.

Song song với các bộ môn văn học truyền khẩu, như tục ngữ, vè, tiểu lâm, câu đố, v.v. thì ca dao sanh hoạt gần gũi nhứt với dân - tộc, thăng trầm theo vận mạng của dân-tộc.

Đồng-bào NAM thích đặt những bài vè. Bộ môn này là thuần-túy miền NAM, thường có giọng tư thán, ngạo nghệ hay biếm nhê.

Tối sáng trăng, hay không có trăng cũng vậy, trẻ em thường xúm nhau ngoài sân chơi giỡn. Chúng ca hát, hay đọc các bài vè.

Đây là một bài vè. CÁC LOẠI CÁ.

No lòng phỉ dạ là con cá cơm
Không ướp mà thơm là con cá ngát

Luyện bay thấp thoáng là con cá chim

Hạt căng chết chìm là con cá đuối

Lớn năm nhiều tuổi là cá bạc đầu

Đỏ chủ xứng đầu là con cá dổi

Nờ mặt tàn tĩt, là con cá voi

Trắng muốt bẹ da, là cá út thít

Dài lưng hẹp kích, là cá lòng long

Ốm yếu hình dong, là con cá nhái

Thiệt như lời vói là con cá linh.

Sau đây là những câu đố các anh lính tập thuở xưa học tiếng Pháp. Xong rồi các anh dạy lại con nít trong làng :

Con gà thì nói « bu-tê »

« Ca-na » con vịt, heo là « cô-son »

Bồ câu thì thiệt « bi-rông »

Con tôm « cò-vết », cha là « pa-pa »

Trát thơm thì nói « na-na »

Ồi thì « gồ-dáp », chuối là « ba-nan »

« Măn-dê » thì nói là ăn

« Boa-lô » uống nước, đi nằm « cu-xê ».

Song lý-thú nhứt, ngây-thơ nhứt, theo tôi, là hát huê tình, hát đối.

Chúng ta nghe hai bên trai gái đối đáp nhau :

« Thùng thùng » 1 Đó nói một câu

Đấy anh chầu nửa chực

CHÍN KHÚC RỒNG VÀNG

Hề là gọn đục thì phải lóng
trong,
E cho miệng chẳng tn lòng
Chớ thuyên quyền mà sánh
với anh hùng mới xuê !

Đáp :

« Chàng đừng có lóng trong
gọn đục
Thiếp giao tình bằng thẳng
như cưa
Giữ cho tròn nghĩa sáu xưa,
Cũng như anh thợ mộc liệu
vừa rập khuôn ! »

Ca-dao là những bài hát ngắn
lưu hành trong dân gian thường
tả tính tình, phong tục, tập quán,
sinh hoạt, văn vãn... Ngoài ra,
ca-dao bình dân còn là tiếng nói
chân thành nhút nhát của dân
miền Nam trải qua bao thế hệ.

Miền Nam vạt sống thanh
bình

Đồng quê tươi đẹp dân tình
ấm no.

Thật vậy, giải Trường-Sơn
chấm dứt ở Bình.Thuận rồi tỏa
ra thành một vùng bình nguyên
mênh mông bát ngát về phía cực
Nam nước Việt.

Miền Nam đã nổi tiếng là cái
vựa lúa khổng lồ với hai cánh
đồng bao la là Đồng Tháp

Mười và Đồng Cà-Mau mà còn
có Thủ-đô hoa lệ đầy ánh sáng
mà dân quê miền Nam đã hát :

Chợ Saigon, đèn xanh đèn
đỏ

Anh coi không rõ, anh ngơ
đèn tàu

và

Đường Saigon cây to bóng
mát

Đường Chợ-lớn hạt cát nhỏ
để đi.

Hai cánh đồng ấy là đề tài
phong phú cho những câu ca-dao
bình dân, đã nổi lên được sự
hùng vĩ, thịnh vượng của nước
nhà :

Đồng Tháp Mười cò bay
thăng cánh

Nước Tháp Mười lấp lánh
cá lôm

hay là :

Bấp nào to cho bằng bắp
Hồng-Ngự

« Cá nào bự cho bằng cá
Cờ-Đen.

Rồi họ rủ nhau :

Hồ ơ... .

Ngó lên trời thấy cặp chim
đang đá

Ngó dưới nước thấy cặp cá
đang đua

Chúng ta quyết chí cày bừa
Cả vùng Đồng Tháp... đã mở
mùa tái canh
Cứu long nước chảy đôi dòng
Sông tiền sông hậu trời đồng
ruộng xanh
Em về Đồng Tháp cùng anh
Mỹ-an, Mịch-hóa tái canh đất
màu.

Đồng Tháp Mười, lúa nhiều
cá lấm và nước đọng quanh năm
suốt tháng.

Trời xanh, kính đỏ, đất xanh
Đĩa bu, muối cần làm anh nhớ
nàng.

Tuy nhiên, ở ven Đồng Tháp
Mười như những thị trấn Cao-
lãnh, Tân-châu, đã làm cho miền
Nam nổi tiếng tầm tang tơ lụa,
gái đẹp, gà hay.

Gà nào hay cho bằng gà Cao-
lãnh

Gái nào bảnh cho bằng gái
Tân-châu

Anh thương em chẳng ngại sang
giàu

Mút hồng đôi lượng trà tàu
đôi cần.

Cũng như Đồng Tháp Mười,
Đồng Cà-mau, rừng U-minh
hoang vu vơ, sợ, nào đĩa, nào
cá sấu và nào... ma, với những

cánh rừng tràm vô tận.

Chèo ghe sợ sâu cần cừn

Xuống bưng sợ đĩa lên rừng
sợ ma.

Có lẽ vì thấy đời sống cơ cực
ở đây, nên dân rừng U-minh
thường so sánh.

Xứ Cần-thơ, nam thanh nữ
tử

Xứ Rạch-giá, vợ nư hú chim
kêu.

Đồng bào miền Nam tuy có
tiếng là nóng tính nhưng rất
trung hậu, thật thà, không khách
sáo, hay trêu ghẹo.

Tánh hồn nhiên, chơn thật và
chất phác của đồng bào miền
Nam đã diễn tả mỗi tình đầu của
đôi mái đầu xanh như sau:

Đi ngang nhà má

Cái tay tôi xá

Cái cẳng tôi quỳ

Lòng thương con má xá gì
thần tôi



Em đương dệt chiếu hời vắn

Nghe anh có vợ, em quăng con
chuột.



Em đương bắc nước xối xối

CHÍN KHÚC RỒNG VÀNG

Nghe anh có vợ, quăng nôi
đá oung



Em đương vút nếp xôi xôi
Nghe anh có vợ thúng trôi
nếp chìm

Rồi cũng có những lối hò bốn
cột, trêu đùa giữa đôi trai gái :
Ước gì anh hóa được con kiến
vàng
Bò lên cò bậu dạo đường lê
viên.



Ước gì em hóa được con kiến
hôi
Bò lên đất xuống cho trôi kiến
vàng.

Trai gái nhút trí đồng tâm
chống xâm lăng. Họ hy-sinh tất
cả sanh mạng và tài sản thì còn
quần gì mối dây tình cảm vương
mang.

Giặc Tây đánh Cần-giờ
Biều dưng thương nhớ, đợi
chờ ường công.

Thậm chí, khi lãnh thổ bị tạm
chiếm một phần, họ cũng không
thối chí, ngã lòng, họ đã ra tay
đập đập ngăn sông để phong tỏa
quân địch, hy-vọng ngày nào
thắng trận rồi sẽ đoàn viên :

« Chê tre bện sáo cho dầy »
« Ngăn ngang sông Mỹ (Mỹ-tho)
có ngày gặp nhau ».

Dưới trào Pháp thuộc, khi
bất thãm, phải đi lính, thì phải

buộc lòng ra đi, nhưng các chị em
yếm khổ mềm yếu cũng không
kém can đảm, giúp lòng trai làng
tang bồng bằng câu :

Anh đi em ở lại nhà
Hai vai gánh vác mẹ già con
thơ

Anh ơi, phải lính thì đi
Cửa nhà đơn chiếc đã thì có
tôi.



Ngoài ra, miền Nam còn có
lối « hò » rất thông dụng. Tuy
nhiên, giọng hát cổ sai chạy từ
vùng này sang vùng nọ ; nên có
lối hò Tân-An, hò Mỹ-tho, hò
Bến-tre, hò Cần-thơ, hò Sa-đéc,
hò Đồng-tháp, hò Cà-mau và
hò Vũng-liêm.

Hò hơ... ơ... cũ tre để nấu
Chồng xấu để xài hò hơ... ơ...
Ở chớ đừng có ham bóng sắc ở..
Ở đừng có ham bóng sắc chớ nó
hành nài ở... ơ lẩn thân hơ l..
... Và «Hò lơ» một lối hò mới

sáng tác trong vòng mười năm
nay, cũng rất thông dụng tại
vùng quê :

Hò lơ hó lơ
Lắng tai nghe hò lơ hó lơ
Xương ta, ta bắc nên cầu
Ai đi hò lơ !

Đề cho con cháu
Ai đi hò lơ
Lên lầu tự do

Hò lơ, hó lơ
Lắng tai nghe chúng tôi hò lơ.



Huyền-Trần Xuân dạ sầu

Ta tiễn mùa đông một buổi chiều,
 Bên trời Chiêm-quốc gió hoang liêu.
 Mai đây lặng-lẽ nhìn Xuân đến,
 Mất hướng quê nhà dạ hắt-hiu.



Chân bước ra đi, hận trữa lòng,
 Nhưng vì nợ nước phải dền xong.
 Giang sơn cách trở bao sầu lụy!
 Tan tác mấy chiều, ôi nhớ mong!



Ta vẫn mang theo một mối tình
 Âm thầm ấp ủ tận tâm-linh.
 Tiếng tơ chưa dứt lời lưu luyến,
 Ôm hận nghìn thu một bóng hình.



Xuân đến Trường-An ngập nắng hồng,
 Đáy trời Chiêm-quốc lịm sâu dòng!
 Ngục nga cung điện vàng son chói
 Phải nắm mồ chôn kiếp biệt vong?!

BẠCH-YÊN



SƯ'U TÂM

HOÀNG-CAO-KHẢI





O A N G - Cao
Khải, người làng
Đông-Thái, tỉnh
Hà-tĩnh là một
nơi ph á t xuất
chân tài; không ai
lạ gì con người

Nghệ-an, Hà-tĩnh đã khét tiếng
trong văn học sử mà những câu
thơ sau đây còn truyền tụng :
Hồng-linh sơn cao

Sông ngư hải khoáng

Nhược chí minh thời

Anh hùng tú phát.

Hoàng cao - Khải không hổ
danh đã sinh sống nơi miền
người xưa đã sống. Thuở nhỏ
Hoàng thường kết bạn chơi thân
với Phan Đình-Phùng. Nhưng
về sau mỗi người một chí-
hướng, Phan ngư - sử kháng-
chiến cần vương trong núi rừng
nước Việt khi Hoàng ra phò tá
chính phủ bảo - hộ. Mỗi người
đều có tâm-sự kín đáo của mình.
Hoàng cao - Khải giúp việc cho
Pháp, việc đó xin nhường sự
phán-đoán của những nhà sử,
nhà chính-trị. Đây, chúng tôi chỉ
muốn nói qua cuộc đời văn-
chương của họ Hoàng mà thôi.

Hoàng cao Khải đỗ cử - nhân
vào giữa lúc tình hình Trung-
Bắc khởi cuộc, Hoàng sống

trong một gia-đình trung - lưu,
nhưng có một hoài-báo lớn lao,
có đôi mắt tinh đời, hiểu rõ thế-
sự, biết rằng nơi đất Bắc có thể
rộng bước dựng vô lập khoa
danh cho nên Khải lần về Hà-Nội
làm mại - khách cho NGUYỄN

HỮU-ĐỘ, kinh - lược sứ Bắc-
kỳ. Những ngày gần gũi với
Nguyễn hữu-Độ, Khải đã biểu lộ
tài ba của mình nên sau đó được
Độ tiến dần đến chính phủ Bảo
lộ và được bổ dụng Tri - huyện
Thọ-Xương đem binh tảo trừ
những nghĩa binh nổi lên ở đất
Bắc, trong đám nghĩa binh có
nhà chí-sĩ Phan đình Phùng.

Thực ra, Hoàng không có tài
điều binh khiển tướng gì nhưng
về mưu-lược thì có thể gọi là bậc
" đa mưu túc kế ". Nhờ vận đỏ,
nên Hoàng luôn gặp dịp may
đưa đẩy đến bước công-danh. Có
những lúc Hoàng bị nghĩa binh
đột-kích, chạy báo sống bán chết
trên mình voi mà rút cuộc trận
nào Hoàng cũng dẹp xong hoặc
dùng tài hùng-biện mà chiêu-dụ
qui hàng một số chiến - sĩ. Từ
chức Tổng - đốc, về trào làm
Thượng-thư, tước Duyên-Mậu
Quận-công sung Kinh-lược Bắc-
kỳ rồi thì đến hàm Thái - tử

Thái-phó Văn-minh Đại học-sĩ.

Căn cứ vào sử-liệu, chúng ta có thể nói rằng cuộc đời chánh-trị của Hoàng kết - thúc là sự khởi đầu cho bước đường văn-chương.

Hoàng cao - Khải đã hiển hách một thời làm quan, càng hiển hách bao nhiêu thì càng gây oán hận trong dân chúng bấy nhiêu. Nhất là Hoàng còn viết thư dụ hàng nhà ái-quốc Phan đình Phùng làm cho máu căm-thù của nghĩa quân Văn - Thân càng sôi lên sùng-sục.

Vì thế nên sau khi trí-sĩ hưu-quan, Hoàng không dám trở về quê cũ là làng Đông-Thái mà lại tạm trú ở ấp Thái hà, một thôn mà Hoàng đã có công tạo nên. Tại đây biệt-thự của Hoàng ngự trị thật là tráng - lệ, nguy nga. Nơi cổng ngoài có khắc câu liên bằng chữ Hán :

*« Thập niên dư xu phủ hoạn
trừ phát bạch tập đơn, ưu - ái
bất vong thiên-hạ kẻ. »*

*Thiên ly ngoại hữu đình tạt
trúc, Nhĩ ỗn; Tân bích, giang
san trùng hỉ, chủ nhơn quy. »*

Đào-Trình-Nất đã dịch như sau đây :

*« Trên 10 năm gánh vác
triều-đình, tóc học, lòng son,
lo nghĩ chỉ vì thiên hạ cả. »*

*Ngoài ngàn dặm tạm lưu
tấp ấp Nhĩ hồng Tân bích non
sông mừng được chủ-nhân về. »*

Đọc câu đối trên kia, hải nội chư quân-tử có nghĩ đến cái khí phách ngang-tàng tự cao tự đại của Hoàng cao Khải ?

Họ Hoàng cho rằng Nhĩ-hà và Tân-viên là non sông của mình, mình là chủ nhơn của con sông ấy cho nên ngày nay thấy mình hưu quan trở về mà nó vui mừng. Họ Hoàng ngấm nuôi cái chí vẫy-vùng muốn lợi-dụng thời cơ nắm toàn cuộc diện mà xoay trở để làm vua một cõi Bắc đê rồi «riêng một triều đình, dọc ngang nào biết trên đầu có ai » kiểu Ngô tam-Quẻ ở Văn-Nam hồi Mãn-Thanh mới vào chiếm cứ Trung - quốc hay kiểu một Nguyễn hữu-Chính ở Việt Nam thời Tây - Sơn vậy. Thế mà người Pháp lúc đó lại tặng cho Hoàng biệt danh là « Bắc-kỳ Phó vương (Vice-Roi du Tonkin). »

Ngày về ấp Thái - hà, Hoàng sống cuộc đời già thanh nhàn,

sớm ngày làm bạn với sách vở, mài miệt với văn - chương thi phú. Phong - trào tân - học của Lương-khải-Siêu và Khang hữu-Vi bên Tàu bùng - bột nổi lên trong ý-chí các nhà nho nước ta và lần lần cảm hóa được lòng họ. Rồi có cả một phong - trào nghiên-cứu về tân thơ tân học rần-rộ nhưng toàn khảo - biên bằng chữ Hán, chữ quốc - ngữ chưa được thông dụng lắm.

Trừ những bài vở đăng ở « Đại-việt Tân - báo », khúc thi cảm-khí của Đông-kinh Nghĩa-Thực và những bài Diễn văn của ông Nguyễn văn-Vinh được diễn tả bằng chữ quốc - ngữ, ngoài ra chữ Quốc-Ngữ vẫn ít người học.

Hoàng cao-Khải cũng thường cặm-cui ngâm-thơ viết sách, soạn tuồng, chép sử bằng quốc - văn.

Tác phẩm của Hoàng bằng chữ quốc-ngữ kể ra cũng ít song đối với thời-đại đó, với số tác phẩm như thế cũng đã khá nhiều ! Về tuồng hát thì có tuồng « Tây Nam đíc bằng », diễn lại giai-đoạn lịch sử lúc Gia - long nhờ cố-đạo Bá-đà - Lộc viện binh

Pháp đánh Tây-Sơn giúp mình, « Tượng - kỳ kỳ ca ». Sách giáo khoa có « Gương sử Nam » ghi chép công-nghiệp khí-tiết của các danh - nhân nước nhà xưa nay, tập « Làm con phát-hiếu », tập « Đàn-bà nước Nam »; còn sử ký thì có bộ « Bồ quốc sử » viết theo lối vừa ký sự vừa phê-bình. Ngoài ra, về sử học ta còn có thể kể : « Việt-Nam sử yếu », « Việt-Nam Nhân thân-giám », « Việt-sử lược », các tác phẩm này viết bằng Hán-văn rồi tự ông dịch ra quốc-văn để phổ-dụng. Những tác phẩm của Hoàng cao-Khải đều phản ảnh được khí-tiết hào hùng và nếp sống cổ-truyền của dân-tộc Việt Nam. Về phương diện văn-chương những tác phẩm của Hoàng cao-Khải không phải là không đáng kể vậy.

Họ Hoàng có một lối viết văn hệ-thống và qui-củ - hóa nhất là lối văn viết sử của ông ta chứng tỏ ông ta có óc khoa học. Dưới tầm mắt quan sát của ông, ta đều thấy một viễn-kính khoa-học rất tinh-vi. Thường thường dưới mỗi sự tích có một bài tổng vịnh nhân vật hoặc đối-tượng mà bài

nào cũng có vận điệu hùng-hồn. Người đọc có thể rung động mà cảm-khải đồng điệu với ông ta nhất là ông ta mượn tích trong sử để gởi gắm tâm-tình ý chí của mình. Ví dụ như vịnh sự tích Mỹ-châu Trọng-thần, những câu sau đây ta hiểu thế nào về dụng ý của tác giả họ Hoàng?

Hòa thân trót đã lăm hai chữ
An oán gây ra đủ mọi điều
hay

Ái ôi thời thế xem cho kỹ
Thành-tên bao nhiêu đổi bấy
nhiên.

Xem thế ta cũng đủ hiểu một phần con người của Hoàng, Hoàng có khí-phách thực vậy. Nhưng xét kỹ ra cái « ân » và cái « oán » của Hoàng đã gây ra đó, chúng ta khó có thể dung hòa để ước lượng giá-trị của Hoàng được. Một lần nữa, chúng ta hiểu Hoàng qua giá-trị của văn chương và nhất nhất chỉ về phương diện ấy mà thôi.

Về sự tích vua Trần gả Huyền Trân công chúa cho vua Chiêm-Thành để lấy thêm hai châu Ô và Lý, đến khi vua được đất

rồi bày mưu bắt Công-Chúa lại, Hoàng-cao-Khải có tức cảnh đề thi mà hai câu kết như sau :

Châu đi châu lại châu về đó,
Ngơ ngẩn trông nhau một lũ
Hồi !

Khải mà nước non Chiêm-Thành bị lấy đất đai mà dân Chiêm lại ngơ ngẩn nhìn nhau không một lời trông có đáng buồn thương không ?

Sau đây chúng tôi xin trích lục một ít văn thơ khác của Hoàng-Cao-Khải, để làm tài-liệu văn-học-sử.

VỊNH TRƯNG - VƯƠNG

Tượng đá trời Nam giải tuyết
sương

Nghìn năm Công - đức nhỏ
Trưng Vương

Tham-tàn trách bởi quân gây
biến

Oanh - liệt khen cho gái di-
thương

Liều ớt non sông hai má phàn
Giành nhau nòi giống một da
oàng

Cột đồng Đông - Hán tìm đâu
thấy

Chỉ thấy Tây - hồ bóng nước
gương

(Vịnh Nam sử)

Và đây, một đoạn văn nói về Trần-quốc-Tuấn mà Hoàng đã viết trong « Gương sử Nam » :

... « Ông Trần-quốc-Tuấn là quan tôn-thất nhà Trần, tư chất thông minh, có tài-trí, có can-đảm. Cha ông là Yên-sinh vương, trước cùng vua Thái-Tôn có hiềm khích; khi ông ấy đã làm quan, châu hầu vua Thái Tôn, tay cầm cái gậy gỗ có mũi nhọn, at nấy cũng ngờ, nên chỉ ông ấy lại phải bỏ cái mũi nhọn mà cầm cái gậy không; ấy là hay lấy chữ hiếu mà làm chữ trung vậy... »

... « Ông ấy thường nói rằng « chim hồng hộc bay cao cũng nhờ chưng sáu cánh »

... « Vua Thánh-Tôn có câu rằng : « xã tắc lương hồi lao thạch mã. Sơn hà thiên cò điện kim ô » (dịch là : xã tắc hai phen chồn ngựa đá. Non sông nghìn thuở vững âu vàng).

Dưới đây là ý-kiến của Hoàng xét về việc quan lại người Tàu cai-trị dân ta trong những hồi Bắc thuộc :

... « Xem như đời nhà Hán tham bạo có ông Tô Định thời nước ta phản đối lại có Trưng-

Vương; đời nhà Lương tham tàn có ông Tiêu-tư thì nước ta phản đối lại có vua Lý-Bý; đời nhà Đường tham bạo như ông Lưu Diên-Hựu ông Cao chính Bình thì nước ta phản đối lại có ông Đinh-Kiến, ông Phùng-Hưng.

Về chính sách bạo-ngược tham-tàn của nhà Minh, ông viết : »...

« Chẳng những thế mà thôi, mà lại buông lầy lòng tham-lam, như bắt dân đi khai mỏ để lấy vàng bạc, bắt dân mò xuống bể để lấy hạt trai ; chẳng qua là tham của mà cầu sự ích riêng mà không nghĩ đến nỗi thiệt hại cho dân sự... »

Vào khoảng năm 1915 - 1916 (dưới triều vua Thành-Thái). Hoàng Cao-Khải mở ra một cuộc đấu xảo các hoa thơm gọi là « Long biên ái hoa hội » và lấy ngay tên ấy làm đầu đề đấu thi. Danh nhân thi sĩ cũng có những văn thơ hay nhưng không tuyệt và không ai có tài thích thực ra cảnh « Long biên ái hoa hội » cho bằng Hoàng-cao-Khải nhất là hai câu thơ này :

Vun sợi nhành Lê và gốc Lý
Đua nhau màu trắng lẫn màu
vàng.

Long biên là kinh đô nhà Lý,
nhà Trần, nhà Lê ngày xưa.
Cầu dưới vừa tả được sắc hoa
chen chúc đượm mùi hương của
vườn vừa khơi được thể sự bây
giờ.



* DẠY TOÁN

Bé Liên 6 tuổi, học một năm rồi mà làm toán cộng không được.
Một hôm cô giáo hỏi :

— Nè em, thí dụ như em là cô bán hàng tạp hóa, chị là người
mua hàng. Chị biếu em bán cho chị 1 đồng bạc muối, 5 đồng bạc
xà phòng, 11 đồng bạc một hộp sữa, thế là chị phải trả em tất cả
bao nhiêu ?

Bé Liên đứng tần ngần một lúc tính mãi không ra, liền bảo :

— Thôi, em biếu hết cho cô đó, em không lấy tiền đâu.

MỸ-HỒNG-CÚC

* CHUYỆN XÁC XÁC

Một ông già A Rạp già con gái lấy chồng. Về nhà chồng được 8 ngày,
cô con gái trở về nhà cha mẹ, vừa khóc, vừa mết :

— Chồng con đánh con.

Nghे nói, tức giận, ông bố đánh cô con gái hai tát tai, rồi bảo :

— Mày về bảo với chồng mày là nó đánh con gái tao thì tao đánh vợ
mày, cho nó lớn !

Hoàng - cao - Khải sinh năm
1850 và mất năm 1933 hưởng
thọ 83 tuổi.

Còng thời gian đã xóa nhòa
và lòng đất đã ôm chặt nắm
xương Hoàng-cao-Khải.

Các nhà sử gia phê phán ông
như thế nào, đó là vấn đề khác
chúng tôi không muốn bàn tới
trong bài này.

Vạn tuế CỐT - ĐỘT

Chuyện vui đầu năm của VƯƠNG - HỒNG - SẼN

Kính tặng hương hồn Cậu Hai

Em. P.

Tặng bạn thân Cậu Ba El. P.

V. H. S



Ố T-Đột I và II,
(I) gốc người Sóc
trăng, vốn anh em
sanh đôi.

Giống nhau như
khuôn đúc, giống
cả giọng nói tiếng
cười, lớn lên vóc

giạc y nhau, thói quen như
nhau, chơi túc-cầu rất hay, đánh
bi-da tài-dách, cả hai đều hảo
ngọt có tiếng, và rắn mắt tri-
trộm không ai bì.

Khi còn trong nôi, chính mẹ
ruột cũng khó phân biệt đứa nào
với đứa nào; muốn cho gọn
chuyện, bà xô tai đứa nhỏ, bắt
đeo khoen vàng. Lớn lên chàng
ta tự tháo bỏ chiếc vòng ấy đi,
báo hại lớn càng thêm lớn.
Hằng ngày trong hàng bạn thân,
nếu vắng gặp hai anh em ít lâu
ắt khó tránh chuyện ngộ-nhận
và những trò cười tự mình
không muốn có thường xảy ra
như cơm bữa : bắt tay anh đỡ
tâm-sự em ra nói, hoặc thân
mặt gọi tên em rồi khui chuyện
hùn-hạp ăn hút với anh ra bàn-
tán lơ-ngờ...

Có một chị sồn-sồn ở chợ Sóc-
trăng quen nghề buộc mai cột
mối. Ngày nọ chị tưởng trúng võ
to vì được cậu hai đề ý nhờ

*I.— Xin đọc « Cốt - Đột đề
nhút » và « Cốt - Đột đề nhĩ ».*

trao lời hẹn với â-tân-thời mới đến tá-túc nhà chị vài ngày rằng đề rồi rảnh - rang cậu sẽ bước qua đăm-đạo cho phỉ-tinh. Bỗng vừa chênh chênh, thấy dạng một người chắc da chắc thịt như cậu cỡi xe đạp chạy cà-rịch cà-tang trước nhà.

Chị chủ ra đứng cửa cái tay ngoắc tay chỉ : « Có côn ở trong buồng ! » Người đi xe đạp không nói không rằng, ghé xe, dựng kỹ-càng thêm ngoài, bước vào trong, nửa giờ trở ra, liếc mắt cười thỏa mãn, lòi xe ra đường cái tung-dung đạp-đạp như không xảy ra việc gì...

Chị chủ rất thân-nhiên cũng không đòi không hỏi chi thêm, tự nhủ đây là một thỏa-hiệp-vước tay ba, theo lệ tiền trao cháo múc, sông-phẳng thì thôi. ai dại gì sồn-sác đòi bắt tử, rui cậu hai nời giận đánh bẻ đầu mang xấu mà chờ.

Cơm tối dọn lên chưa kịp ăn, đồng-hồ chưa gõ sáu giờ, lơn-xon có một cậu ngừng xe : cũng Alcyon bánh bự, cũng xe sơn đen không khác. « Hừ ! đồ cổ ăn ! quần cường-đạo ! Mới nãy đây nay đã nửa nữa ! » Còn rửa làm vậy, còn chị chủ, ở ngoài này và lạnh tri hơn, chỉ biết kêu trời thăm-thăm : « Thôi đã bị thằng kia trút lộp đi rồi ! »

Giận mà không dám hé răng. Nói ra cậu hai biết được thì

thêm mất mặt, mất luôn số tiền lãnh trước ịch gì ?

Cốt-Đột II điểm quá : biết chừng anh mình có tánh ưa dặt lộp vào chiều, nên sớm sớm đến hưởng nước tiên, không chờ chàng-vàng.



Việc đương dăm ăm, bon-bon như xe Alcyon bánh confort chạy trên đường tráng nhựa, hạnh-phúc dồi-dào tưởng không bao giờ tận, dùng một cái, quân đội Nhựt tràn qua Đông-Dương, kèn tò-le báo động, có lệnh nhập ngũ cấp-tốc đòi cả hai anh em trả nợ dân Tây. Thôi rồi còn gì là thời-kỳ ngồi không tọa hưởng của phụ - ăm : làm chủ-diễn, tới mùa đi thâu lúa ruộng, ngày ngày thọc bi-da, b: tiệm nước đánh dóc, và đồ lộp vằn xoay :

— Anh, Cốt-Đột I, nhập thành IIème R.I.C. chức đơ-dèm củi bắp (tiếng Pháp là « soldat de deuxième classe, caserne de l'Infanterie Coloniale, Onzième Régiment) ;

— Em, Cốt-Đột II, cũng nhập, thành sơn-đà như anh, cũng lính tay trơn hạng nhì, cũng thuộc bộ-binh thuộc-địa.

Ba mươi ngày đầu rất khó chịu : phải thức theo kèn, tập-la-mác, vác súng canh gác như ai, mang giày cộp-cộp mất gấu

(élégant), gắp bánh mì liêng chó chó bẻ đầu, húp xúp lỏng phèo, nhai bit-tét cao - su treo - treo, Thét rồi cũng quen lần...

Đầu tháng sau, được cho xột-ti gê-nê-ranh : sương quá bèn nắm tay nhau đề-huê ghé xả hơi nhà người em rề ở đường Bồ-rét.

Hai bộ đồ nhà binh, được thay ra cho tờ nhà giặt-ủi sạch-sẽ.

Cốt-Đột I, sẵn tóc dài giữa ngáy khó chịu, bèn mượn của em rề một bộ đồ bà - bà phục-nhục, tra vào, thối lên xe kéo, day đưa thẳng ra tiệm hớt tóc cho thợ o-bế cái đầu lại cho dễ coi. Xong đầu vào đó, nhảy lên xe kéo kéo một mạch về nhà em gái, nằm chổng cẳng trên ghế xích-đu xem báo : cỡi trần, đóng khố, chờ cơm.

Cốt-Đột II, — tờ báo duy nhứt anh đã giành rồi, — không biết làm gì, xờ rờ giấy lát rồi sẵn áo sẵn quần của anh vừa thay ra, sẵn tánh quen làm giống như anh, Cốt-Đột II bèn tra vào, ra cửa hối xa-phu cừ đưa đến một tiệm hớt tóc, tiệm nào cũng được. Anh xe dạ rần, nắm càng phóng nước đại đưa Cốt-Đột II lại ngay nhà ban nãy. Thợ vừa hớt xong cho khách, đang phui tóc vụn phấn thừa vương vãi trên ghế trên bàn, vừa day mặt qua

bên giữ mạnh khăn choàn, day lại thì chưa chi đã thấy lù-lù một thẳng chêm-chệ ngồi sẵn hời nào trên ghế cho một đồng. Thợ giật mình, tim đập thình-thịch, chưa choàn khăn vội, mắt liếc len-lén vào kính :

— Cơ khổ ! người này mình mới hớt rồi ban nãy kia mà ?

Mà sao râu tóc ở đầu mọc lạ quá làm vậy ? Thợ lăm-la lăm-lét vừa nói nho nhỏ đủ nghe. Thôi dich-thị hẩn đây rồi ! Nếu không phải hẩn, chớ sao cũng lại cái áo bà-bà ngắn có hai túi xệ xệ thế này ? Trời đất ơi ! Phải rồi ! áo này nơi vai hữu cũng thì một miếng mạng lớn không thể làm, vì đường mạng rất khéo gần như đan bằng máy, mình đã nhìn rồi khi nãy còn nhờ ràng-ràng. Chết rồi ! đôi guốc nữa ! Cũng thì đôi guốc quai vỏ lốp xe hơi, đế mòn xây-xây nửa sọc. Mẽ ! Hay là mình gặp ma đây ? Thợ tần-ngần suy nghĩ, bụng ngán và buồn tênh mọi nỗi, cầm kéo cầm lược đứng xa-xa thủ thế, nhấp nhấp cho qua tang-lẽ. Cốt-Đột II móc túi lấy thuốc ra hút. Đàng này thợ run lên như thần-lần đứt đuôi vì nhìn được dich thị bao thuốc Bastos còn nửa gói của ban nãy. Thợ vừa hớt, mắt thì ngó chừng ra cửa định có bề nào thì biết đường tháo lui. Trong khi ấy, Cốt-Đột II không nói không rằng, ung-dung hút thuốc, vừa phì-

phà, vừa trừng vừa liếc vào kính.

Tóc hót xong, đến phiên cạo lông mặt. Thợ cạo tình thần mạnh tay thì thấy rõ ràng người khách nhăn mặt nhịu mày và nhúc-nhích gân cổ gân trán tỏ bộ biết đau. Thợ mừng thầm bụng vững thêm chút ít vì nếu quả là ma thì đâu có những cử chỉ ấy. Thợ cho dao chạy rà dưới cằm lại nghe rõ ràng tiếng sột-sạt của thứ râu rẽ tre, cứng và khó cạo. Vừa mừng kể đâm lo khan khi bỗng nhớ lại ban nãy cũng thứ râu này. Hơi rồi, mừng quá, khách trả tiền ra cửa, thợ tiến ra tận đường cái thấy khách leo lên xe kéo. Thợ nửa mừng nửa dăm chiêu. Người hay ma đây? Mà ma gì dám hiện giữa ban ngày, biết hút thuốc, hót tóc, ngồi tự đắc vinh-vào treo mẫy véch đốc trên xe ngờ ngờ dạo châu thành? Thợ ngồi xuống cố tìm bóng xe và bóng người, nhưng xe chạy đã xa, không còn phân biệt được gì gì. Anh thử phi trở về nhà, nhếch mép tự nhủ: « Á mà thôi! Người hay ma trời kìa, miễn đã trả tiền cho mình rồi là xong chuyện. Á! duy tội nghiệp cho thằng xe kéo! Đề coi mai này nếu ma hay không phải ma, các nhà báo sẽ đăng tin thì mình biết rõ chờ gì!

✱

Nước sông Sài-gòn vẫn chảy

qua cầu... Lật bật được trót năm chầy mà không hay. Cu kêu và lúa chín ngoài đồng... Cốt-Đột II viện cớ còn ruộng nương dưới tỉnh không ai coi sóc, nên được đặc-lệ về nhà góp lúa.

Tội nghiệp cho Cốt-Đột I, thuở nay ăn to xài lớn đã phá sản từ lâu, không viện ra cớ gì dành ở lại mắc trong chân quân chân lính.

Ba bốn tháng trôi qua rất lẹ. Bất ngờ tin đầu sét đánh bên tai. Có ai dè một anh chàng mập mạp mạnh khỏe như Cốt-Đột I, tuổi chưa đầy bốn mươi, thầy cạo ăn không hết, thể mà vội đi châu trời không kịp trời. Ô hô! Cốt-Đột I chết, chết trong sắc-phục sơn-đá đơ-dềm cùi-bắp, sau một trận ban cua lưỡi trắng trên giường bệnh đường-đường Grall...

Một mặt cho quảng thầy tại nhà xác, có bốn anh lính da đen tình nguyện canh gác suốt đêm: cũng hòm kiệu tây coi âm-cúng đến!

Một mặt tư điền-tin về xử báo hung-tin cho bà con thân quyến và Cốt-Đột II hay.

Thuở ấy tuy ét-xăng rất hiếm, nhưng xe đồ chạy rất đúng giờ. Chuyến xe khởi hành bảy giờ tối tại Sóc-trăng chạy đến bến Sài-gòn vừa một giờ khuya. Nóng lòng anh mất không kịp thấy mặt, Cốt-Đột II không về

nhà em rề, hỡi xe kéo chạy một mạch vào đường - đường Grall. Giấy tờ hợp lệ, vào được cửa trong, mình mặc bộ đồ kaki vàng, tay xách chiếc va - li nhỏ, anh bước thẳng vào nhà xác.

Bốn anh Tây đen, đưa ngủ gà đưa lim-dim, thoát nghe tiếng động, tám con mắt trông trắng trắng đã ngó lên : mặt hết đen, trông thêm trắng. Bỗng nghe súng chào cái rột rồi nghe súng hạ xuống như bốn cái máy.

Cốt-Đột II thúc-thích bước tới, đứng ngay quan-tài người anh sụp lạy hai lạy theo nghi - lễ Việt-Nam, lạy rồi rút khăn mù-xoa hỷ mũi.

Hoàn hồn, xếp đen đánh bạo hỏi :

— Tôi được hân-hạnh chào ai đây ?

— Et. P., em ruột người quá vắng. Anh tôi mất, tôi vừa hay tin, lật đặt lên xe, xe vừa tới, kể tôi vô đây.

— Hủ hồn cho đó ! Thành thật chia buồn. Tưởng đầu mới vừa liệm nó hơi sáng, nay nó muốn nhát bọn này !



Nay Cốt-Đột I đã nằm yên một giấc dài trong nghĩa-địa Đô-thành đường Phan-thanh-Giản.

Cốt-Đột II vẫn mạnh, tuy tang-thương lắm điều.

Dòng-dối Cốt-Đột còn nhiều.

Cốt-Đột Vạn-tuế !

VƯƠNG-HỒNG-SẼN



10 PHÚT TRANG ĐIỂM

Ông Giáo-sư kể chuyện với ông Trọng-sư :

— Anh biết không, hôm qua tôi với vợ tôi định lấy xe đi Thủ-Đức chơi. Trong 10 phút vợ tôi trang-diềm xong là chúng tôi lên xe. Xe chạy đến Bà Chiều thì vợ tôi sực nhớ là quên đem con chó Kiki đi theo. Ai dè xe đến Thủ-Đức, chúng tôi vào chợ ăn nem thì thấy con Kiki chạy theo cũng tới nơi, vầy đuôi mừng...

Ông Trọng-sư lăn ra cười. Ông giáo hỏi :

— Sao anh cười ? Anh không tin câu chuyện tôi vừa kể đó hả ?

Ông Trọng-sư lại cười :

— Tôi tin hết những chuyện anh vừa kể đó, chỉ có chuyện vợ anh trang-diềm trong 10 phút là tôi không làm sao tin được cả !

Mình ơi!

..... Con Chuột !

..... Con Chuột !



BA TÚ đang đứng dưới đất, bỗng - dưng ho ả ng - hốt nhảy vọt lên thật lẹ trên ghế, đứng dẫm hai chân lia-lịa :

— Con Chuột ! Mình ơi !
Con Chuột ! Con Chuột !

Bà trở đôi mắt sợ-hãi, một ngón tay run-run chỉ xuống giường :

— Nó mới chun xuống gầm giường đó ! Đuổi nó ra mau lên, Minh ! Em sợ quá, Minh ơi !

Ông Tú đang nằm võng xem sách, thấy bộ-tịch bà Tú sợ chuột, ông tức cười quá, ôm sách vào bụng, cười lăn cười lóc.

Bà Tú đang đứng gọt dứa để làm mứt, không biết bà trông thấy con chuột lúc nào mà bà sợ điếng người, nhảy thót lên

đứng trên ghế, còn lẹ hơn con chuột nữa. Bà cứ đứng đấy, chỉ tay xuống gầm giường, la tuồng lên :

— Minh ơi ! Làm sao đuổi con chuột ra ngoài đi ! Mau lên cho em ! Mau lên, Minh !

Ông Tú cứ nằm vờng cười mãi, bà Tú tức mình, oà ra khóc.

Ông ngồi dậy. Thay vì đi kiếm bắt con chuột, ông đến ghé òm lấy hai chum bà, nưng bà lên, rồi đặt bà ngồi xuống giường. Ông ngồi bên cạnh, choàng tay vào cổ bà, vừa âu yếm vừa đùa bỡn, hỏi :

— Cái gì mà Nàng Thơ yêu quý của anh sợ con chuột dữ vậy ?

Nàng Thơ nhõng - nhéo vùng-vằng :

— Em không biết. Minh đuổi nó ra ngoài đường, chớ em không chịu nó ở trong nhà đâu.

— Nó trốn mất rồi.

— Nó ở dưới gầm giường ấy ! Minh lấy cây đuổi nó ra mau đi !

Muốn chịu vợ, ông Tú rút một cây gọng giường, rồi ngồi chồm-hồm xuống đất, ông cúi đầu dòm vào gầm, lấy cây quơ-quơ vài ba cái, miệng kêu lên : « Chuột !

Chuột ! Mày đi ra, không thì tao hoanh mày chết nhần răng, nghe hôn ? »

Nhưng con Chuột đã biến mất tiêu. Không thấy bóng dáng nó đâu cả.

Ông Tú đứng dậy, cười ngó vợ :

— Đấy, anh đã bảo là nó cú mắt đằng nào rồi.

Ông cầm cây gọng giường vào chỗ cũ, rồi ngồi xuống cạnh bà Tú :

— Minh biết, cái giống nó lạnh lắm, bởi thế cho nên nó mới đứng đầu 12 con giáp.

— 12 con giáp là gì, hả Minh ?

— Này nhé : TÝ, là con Chuột, rồi đến SỬU con Trâu, DẦN con Cọp, MÊO con Mèo, THÌN con Rồng, TỶ con Rắn, NGỌ con Ngựa, MÙI con Dê, THÂN con Khỉ, DẬU con Gà, TUẤT con Chó, HỢI con Heo. Minh biết tại sao trong 12 con ấy, con Cọp là dữ hơn hết, con Rồng là linh hơn hết, thế mà không được đứng trước, còn con Chuột thì bé loét-choát, mà lại đứng đầu ?

— Sao thế hả Minh ?

— Theo trong sách tử-vi Tàu thì hồi xưa hồi xưa, xưa thật là xưa, Ngọc-Hoàng Thượng - đế khai thiên lập địa, rồi chia năm, chia tháng, chia ngày, chia giờ, thì mỗi ngày là 12 giờ, mỗi năm 12 tháng, 12 năm gọi là đúng một giáp, Ngọc-Hoàng mới kêu các con vật tới để đặt tên cho 12 con giáp, gọi là đến « lãnh tuổi ». Vừa nghe Ngọc - Hoàng truyền lệnh ra, thì con CHUỘT lãnh lẽ hơn hết, chạy tới trước nhất, cho nên được Ngọc-Hoàng lấy tên nó là TÝ cho nó đứng đầu số tuổi. Kế là con TRÂU, (SỬU) nhờ tính siêng-năng nên tới thứ nhì, rồi mới đến con CỌP (DẦN), nhẩy phốc tới thứ ba, con MÈO (MỆO), thấy vậy nhẩy theo, v.v..., con HEO (HỢI) thì ụt-ịt tới sau cùng.

— Mình à, thế sao con Voi, con Nai, con Bò, con Thỏ, v.v... lại không được « lãnh tuổi » của Ngọc-Hoàng ?

— Tại vì khi mấy con đó tới nơi thì đã trễ rồi. Ngọc-Hoàng đã khóa sổ. Đây cũng như cuộc Thi chỉ lấy có 12 người đỗ. Con Voi thì chậm - chạp quá, đứng đĩnh nện từng bước, con Nai thì ngờ-ngác, sợ - sệt, con

Bò thì ưỡ-oãi, con Thỏ thì lo dớn với bóng Trăng. Chỉ có con TÝ là số dách.

Trời sanh nó ra bé tí-teo hơn hết thì lại được lợi hơn cả và đa mưu, để đền-bù vào sự thiệt-hại kia, và như thế nó mới sống được, nếu không nhanh-nhẹn và nhiều mưu-kế thì bị Mèo vồ hết còn gì.

— Mình ơi Mình, có phải tại nó đứng đầu 12 con giáp cho nên người ta bảo là con Chuột linh - thiêng lắm, phải không Minh ?

— Chúng ta không thể mê-tín như thế được. Sách vở hồi xưa để lại cũng không bao giờ nói là con chuột linh-thiên. Cứ theo như thần-thoại Tàu, và cả thần thoại Hy Lạp, La-Mã, thì có một số thú-vật được hóa ra Thần-thánh, như con Khỉ, con Heo, con Ngựa, con Cá, con Rùa, con Cọp, con Rắn, v. v... Nhưng con Chuột thì lí-lạt quá, ranh-mảnh quá, khó mà tu được cho thoát khỏi lột chuột. Trong văn-học-sử, nó chỉ đóng vai trò phá-phách. Thí dụ như chuyện TÔ-ĐÔNG-PHA, một nhà Học-già có danh-tiếng vừa là một thi-sĩ Tàu rất thâm-thúy

ở đời nhà TÔNG.

— Mình kể chuyện đó cho em nghe đi !

— Hồi còn đi học, họ Tô thường bị bệnh đau bụng, nên hay bỏ củ gừng trong túi để phòng khi đau bụng thì lấy gừng ra ăn cho đỡ đau. Nhưng đêm đêm Chuột cứ bò ra gặm hết gừng của ông, đến khi ông đau bụng, thò tay vào túi lấy gừng thì không còn. CON CHUỘT của TÔ-ĐÔNG-PHA chuyên mòn ăn gừng, nên sử-sách còn ghi chép lại. Đã phá-phách lại còn lẩn mưu-mô.

TÔ-ĐÔNG-PHA còn chép lại chuyện một con chuột như sau đây. Một đêm ông đang ngồi đọc sách, bỗng nghe tiếng Chuột gặm. Ông vỗ giường dọa cho nó thôi. Thôi được một lát nó lại gặm. Ông sai đưa ở cầm đèn đi soi xem con Chuột gặm ở đâu.

Đưa ở thưa rằng con Chuột gặm trong cái rương. Tô-Đông-Pha ngạc-nhiên hết sức vì cái rương đóng kín, làm sao Chuột vô được ? Ông biểu thằng nhỏ mở rương ra coi thì không có gì. Sau cầm nến soi kỹ thì thấy một con Chuột nằm chết chèo-queo.

Thi-sĩ Tô-Đông-Pha lấy làm lạ, nói :

« Rõ-ràng mình vừa nghe nó cắn cọt-két mà bây giờ nó đã chết rồi ư ? Hay là tiếng ma ? » Ông lấy que gắp con Chuột chết vút ra ngoài, rồi đóng rương lại, để xem còn có tiếng Chuột gặm nữa không. Té ra con Chuột vừa được vút ra ngoài thì nó chạy liền, cút thẳng vào xó nhà, Tô-Đông-Pha lanh chẹn chạy theo chụp cũng không kịp. Thì ra, lúc bị mở rương, Chuột không biết làm sao trốn thoát, nên làm bộ nằm chết ngay đó để được lượm vút ra ngoài. Ra ngoài được rồi là nó chạy thoát luôn. Do đó, nhà Học-giả TÔ-ĐÔNG-PHA viết một đoạn văn sau đây về

« TRIẾT-LÝ CON CHUỘT » :

Lạ thay, cái khôn của con Chuột ! Bị nhốt trong rương kín, không có gì ăn và không thể khoét ra được, nhưng cứ gặm, dù rằng nhỏ gặm không được cốt lủy tiếng kêu khiến người đề ý, đề người ta mở rương. Không chết mà làm ra chết, giả vờ đề được người lượm vút ra ngoài, đề rồi chạy thoát ! Ta nghe phàm các vật sống, con người khôn hơn tất

cả cá loát. Thế mà nay ta thấy rõ ràng con Chuột lại còn khôn hơn người ! Ta mắc lừa mưu kế của nó !

Thà ra ta học nhiều, nhớ được nhiều, nhưng ta vẫn chưa nhận được cái đạo ở đời. Con Chuột ư chuyên-nhất một việc thoát thân nên nó đã thoát thân được, còn ta không chuyên-nhất về việc bắt Chuột nên ta không bắt được Chuột vậy ! Ta cứ xuống mà cười thảm, ngửa lên mà tỉnh ngộ, sai tiêu-dồng cầm bút đề ta đọc cho ghi bài này đề lại cho hậu-thế vậy.

Bà Tú phì cười về chuyện con Chuột của Tô-Đông-Pha :

— Con Chuột khôn quá, há Minh ! Mà Tô-Đông-Pha ở thời nào Minh nhỉ ?

— Đời nhà Tống bên Tàu, tức là đương thời vua Lý Anh-Vũ bên ta, vào khoảng năm 1100.

— Hay quá nhỉ ! Chuyện con chuột của Tô-Đông-Pha xảy ra đã 860 năm, nay năm Tý chúng ta còn nghe lại bài triết-học của nhà Thi-hào họ Tô, cũng hưởng-thụ được một bài học kinh nghiệm về triết-lý và xã-hội thật là quý-báu.

— Với một Đại Thi-nhân

như Tô-Đông-Pha, chuyện một con Chuột-lát cũng là một bài học triết-lý cho nghìn đời. Ở trong hoàn-cảnh nguy nan đến đâu, Chuột vẫn lạc-quan, tập-trung ý chí vào việc cứu thoát cho mình, cho nên Chuột thành-công. Còn người thì nghĩ vô-vấn, lo chuyện đầu-đầu, không tập-trung tư-trường vào việc bắt Chuột nên Chuột mới lợi-dụng được khuyết-điểm đó mà thoát nạn và người đã bị mắc lừa. Phải lạc-quan và bình-tĩnh mặc dầu nguy hiểm, tranh-đấu bằng mọi phương-pháp, khai-thác mọi khả-năng của thông-minh để thành-công lớn-lao đó là TRIẾT-LÝ của CON CHUỘT của nhà Văn-hào TÔ-ĐÔNG-PHA, và đó cũng phải là triết-lý nhân-sinh của chúng ta ngày nay vậy. Minh có chịu như vậy là đúng, không ?

— Em chịu lắm. Đúng lắm.

— Trong sách LÃ - THỊ XUÂN - THU của Tàu có kể chuyện nước TỀ có người thạo nghề xem tướng Chó. Một người bạn nhờ ông ta mua giùm một con Chó giỏi bắt Chuột, vì nhà người ấy nhiều Chuột quá. Một năm trời, ông ta

mới mua được chó và bảo bạn :
« Con chó này giỏi nghề săn
lắm ». Người bạn nuôi con chó
mấy năm mà không thấy nó bắt
được con chuột nào, liền hỏi ông.

Ông bảo : « Con chó này tốt lắm.
Nhưng cái *chí* của nó là bất
hươu, bất nai, chó không muốn
bắt chuột. Bây giờ muốn cho nó
bắt chuột thì phải cùm chân sau
nó lại ». Người bạn nghe theo
lời, cùm hai chân sau của chó.
Quả nhiên sau đó chó hay bắt
chuột ». Đó là chuyện trong sách.
Mình hiểu cái triết-lý của nó
không ?

— Mình giảng cho em nghe
đi.

— Đây là cái triết-lý của kẻ
đại-tài mà bị bắt buộc phải làm
việc tiểu-sự. Người tài-giỏi, nếu
gặp thời-thế thích-hợp với chí
khí của mình, thì có thể làm
được nhiều việc đại - sự. Ruổi
sống nhằm lúc chánh-trị chuyên
chế, kèm hãm tự-do phát - triển
tài-năng, bị « cùm » chân « cùm »
tay, thì cũng chỉ làm được việc
bắt chuột mà thôi !

— Người đời xưa để lại
nhiều chuyện triết-lý hay quá,
Mình nhỉ,

— Chuyện một con chuột,

hay một con chó, cũng chứa
đựng bài học xử-thế thâm - thúy
cho loài người. Vì vậy mà
người đời nay thích đọc sách
của người đời xưa.

— Mình kể chuyện chuột nữa
cho em nghe đi.

— Trong Văn-học Âu-Tây,
thời cổ-diễn có HORACE, Thi-
sĩ La-Mã, bạn thân của Thi-sĩ
Virgile, 65-8 trước J.C. có nói
đến con Chuột trong tập thơ
« Nghệ-thuật Thi-Ca » :

*Parturiunt montes, nascetur
ridiculus mus.*

Câu thơ La - tinh này, sang
Thế-kỷ XVII, nhà thơ LA
FONTAINE của Pháp dịch ra
và làm đầu-đề cho một bài thơ
ngụ ngôn của ông : *La Monta-
gne qui accouche d'une souris*
(Hòn núi đẻ ra con chuột), để
chế-nhạo những kẻ hứa hẹn cao
xa như hòn núi mà rốt cuộc thì
chỉ làm được chuyện lỗ-bịch cón
con như con chuột.

Cũng LA FONTAINE, trong
bài ngụ ngôn « *La Chauve-
Souris et les deux Belettes* », có
hai câu thơ bất-hủ :

*Je suis oiseau : Voyez mes ailes.
Je suis souris : Vivent les rats !*

Nói về con dơi :

Tôi là loài chim : này, hai
cánh của tôi !

Tôi là loài chuột : giống chuột
vạn tuế !

Đề ám - chỉ những kẻ làm
chính-trị, hay thay đổi màu sắc,
phất cờ theo gió, cũng như bên
ta có bao « ông lớn » hồi Pháp-
thuộc thì hô to : Đại-Pháp vạn
tuế !, rồi hồi Nhật-thuộc cũng :
Đại-Nhật-Bản muôn năm ! Qua
đời Việt-minh, thì Hồ-chủ-tịch
muôn năm ! Đến đời Bảo-Đại,
thì Bảo-Đại vạn tuế !

Đó là hạng chánh-khách CON
ĐÔI, với chim thì họ là chim,
với chuột thì họ cũng là chuột
được vậy !

— Hạng đó, thời nào mà chả
có, Minh nhỉ.

— Ủ, hiếm gì.

— Ngoài ra, còn Văn-thơ nào
về con chuột nữa không, hử
Minh ?

— Trong văn-chương Âu-
Tây, kim-cổ, không còn ai nhắc
đến con chuột nữa. Đó cũng là
một điều lạ.

Suốt mấy thế-kỷ văn-học, các
con thú-vật khác được các thi-
nhân văn-sĩ nhắc-nhở đến luôn,

trừ ra con Chuột. Đáng ghê-tởm
nhất là CÚ MÈO, mà cũng có
người khen ngợi trong văn-thơ.

— Thi-sĩ nào lại ca-ngợi con
Cú-Mèo, hử Minh ?

— SHELLEY, thi-sĩ Anh,
trong bài *l'Azola*, ca-ngợi
« Con chim Cú-Mèo con, có lông
mềm-mại » :

« Azola buồn ơi !

Từ đêm ấy ta yêu người !

Ta yêu cả tiếng kêu buồn
thâm của người ! »

Thi sĩ JOHN KEATS cũng
thế. Chàng cũng yêu tất cả
những con vật buồn-bã, xấu-xí,
và chàng ca-ngợi cả con Cú-Mèo
cũng như Shelley :

*Chớ dè con Cú-Mèo lông êm-
dịu,*

Nhìn thấy ta riu-riu khề
trong thẳm-u.

v. v...

GCETHE, SHAKESPEARE,
ANNUMZIO, VICTOR
HUGO, đều ca-ngợi nhiều con
vật, con Cú-Mèo, con Cóc, con
Rắn, con Bò-Nồng, con Vạc,
con Cá-sấu, con Khỉ, là những
con vật xấu-số vô-duyên, thế mà
không ai đá-động đến con Chuột
là con vật bé tí-teo, ngoan-

ngoãn, thật dễ thương vô cùng !

— Xí ! Em cũng hổng có thương con Chuột một tý nào đâu.

— Mình sẽ thương nó, nếu Minh nghe một thi-sĩ Nhật ca-ngợi nó.

— Thi-sĩ Nhật hà ?

— Ừ. Một nữ-sĩ, cũng là phụ-nữ như Minh vậy : YOSA-NO AKIKO. Nàng là Hiệu-trưởng trường Nữ Trung-học Osaka, sinh năm 1878, mới chết hồi năm 1941.

Hồi 19 tuổi, nàng đã nổi tiếng là một tài-hoa, và rất giỏi về sinh-ngữ, nhất là Pháp-ngữ, và thuộc về thể-hệ Thi-sĩ mới nhất và lãng-mạn nhất theo các thi-phái Âu-Tây. Thơ nàng rất được hoan-ngênh hiện nay. Trong tập thơ « *Mở tóc rồi* » của nàng, gồm có đến 400 câu thơ, có một bài nhan đề là « CON CHUỘT », để anh tạm dịch theo nguyên-văn cho Minh nghe nhé :

Trong căn phòng nhỏ-nhỏ của
tôi,

Có một con Chuột bé tý-teo thót.

Nghe tiếng nó gặm lác-các,

Như một nghệ-sĩ điêu-khắc,

Đục chạm một mỹ-phầm,

Suốt đêm trường thăm-thăm...

Rồi nó khều-vũ, say sưa.

Chạy vòng quanh như con ngựa
đua,

Bò cạ lên bàn viết,

Đề đất bụi và dấu chun bê-bết

In đầy lên mấy vần thơ vừa
khô nét của tôi.

Dù sao, tôi đã sống với Chuột,
Thì tôi sẵn-sóc như người thân
thuộc.

Tôi muốn nó được yên-vui,

Tôi muốn nó làm cái ở bên cạnh
tôi.

Hoặc nó khoét lỗ trên trần nhà,
Đề nó tiếp các bạn hữu gần xa.
Nhưng thỉnh thoảng tôi ước
mong

Nó liếc nhìn tôi... đề tôi vui
lòng.

Đó bài thơ của bà YOSANO AKIKO như vậy đó. Minh thấy có hay không ?

— Khả-ái lắm.

— Minh xem Nữ-sĩ thương con Chuột như người bạn ở chung trong gia-đình. Chỉ mong thỉnh-thoảng được nó nhìn trộm một cái thì khoái chí. Thế mà Minh thì hề thấy Chuột đâu là hồn vía lên mây, cứ đòi đánh cho chết !

Bà Tú nói thật khê, sợ con Chuột ở dưới gầm giường nghe:

— Người ta bảo con Chuột linh lắm, Minh ơi! Nói xấu nó tối nó cắn hết quần áo đấy. Cho nên em sợ nó lắm.

— Vâng, anh cũng nghe người ta bảo thế. Nó mà cắn quần-áo thì cái diêm không tốt. Thế nào trong nhà cũng xảy ra chuyện xui-xẻo. Người ta còn bảo rằng, nếu tối ngủ mà nó bò lên cắn ngón chân của ai thì đó là báo-hiệu cho người ấy sắp chết.

— Chuyện đó, có thiệt không Minh?

— Anh không tin như thế. Nhưng có điều chắc-chắn, là loài chuột đem nhiều chứng bệnh truyền-nhiễm cho người. Nó có thể truyền qua cho ta những con vi-trùng bệnh *dịch Chuột*, bệnh *kết-lỵ*, bệnh *trichinose*. Có lẽ đã có nhiều người bị chuột cắn, bị nhiễm các vi trùng *Spiro-chétose-ictéro-hémorragique* mà chết, cho nên có lời truyền-khẩu như thế cũng đúng. Con Chuột tuy nó bé nhỏ, nhưng nó truyền nhiễm bệnh dịch - hạch tai - hai lớn-lao vô kể. Bệnh dịch Chuột, mà ta cũng thường gọi là Bệnh

Hạch-Chuột, là một cơn bệnh nguy-hiểm nhất, nguy-hiểm hơn cả bệnh dịch tả (*choléra*) nữa. Minh còn nhớ bài « *Les anti-maux malades de la Peste* » của LA FONTAINE không?

*Un mal qui répand la terreur,
Mal, que le Ciel en sa fureur,
Inventa pour punir les crimes
de la Terre...*

(Mọi chứng bệnh tràn-lan khủng
khiếp,

Mà Hóa-Công cầu - tểt bày ra

Đề trừng phạt cõi Ta-Bà

Sống đầy tội ác, gian tà, u-mệ.

— Bệnh Hạch Chuột là bệnh thế nào [mà ghê thế hả Minh?

— Nó do những con bọ chết chuột truyền qua người, nạn-nhân bị bọ chết Chuột cắn, sẽ nổi một cái hạch rất nguy hiểm và chết ngay tức khắc. Và mỗi ngày có thể có hàng muôn ngàn người chết như thế. Trong Lịch sử Nhân-loại còn ghi lại những trận chết kinh-khủng vì bệnh Dịch Chuột, mà ghê-gớm nhất là trận Dịch Chuột tàn phá gần hết kinh đô ATHÈNES của

CỎ HI LẠP, năm 429 trước J. C., trong lúc chiến tranh Péloponèse, rồi tràn lan qua Ai-cập và xuống đến Ba-tur, giết hại đến mấy trăm ngàn người. Thế kỷ thứ VI, có trận dịch Chuột **JUSTÉNIEN**, sát hại hàng muôn triệu dân chúng ở Ai Cập, Bắc Phi, Palestine, Syrie, Thổ-nhĩ-kỳ, Ý, Pháp, Đức. Thế kỷ XIV, một trận Dịch Chuột kéo dài từ năm 1346 suốt trong bảy năm, mãi đến 1353 mới hết, giết hại **25 TRIỆU** người ở toàn thể **ÂU CHÂU** và **23 TRIỆU** người ở **Á CHÂU**. Trận Dịch Chuột ở Milan (thế kỷ XVI) làm chết 250.000 người trong thành phố ấy. Londres, kinh đô Anh quốc, bị một trận hồi Thế kỷ XVII, sát hại 60.000 người...

Bà Tú rùng mình :

— Khiếp quá !

— Anh kể một chuyện này cho Minh nghe, Minh mới ghè nữa. Năm 1720 ông Vua đảo Sardaigne ở phía nam hải cảng Marseille của Pháp, một đêm nằm chiêm-bao thấy một chiếc thuyền buôn Ấn-Độ chở gạo đến bán ở đảo. Một bầy chuột từ trong các bao

gạo bò lên bờ đảo, rồi trong một buổi sáng, hai phần ba dân chúng trên đảo đều bị chết vì bệnh dịch hạch. Sáng hôm sau, nhà Vua ngủ dậy, thì quả nhiên vừa được tin có một chiếc tàu buôn gạo của Ấn-Độ sắp cập đến. Vua nhớ giấc chiêm-bao hồi hôm, liền cho lính đến đuổi chiếc tàu đó đi, cấm hẳn không cho ghé bến, mặc dầu dân chúng trong đảo Sardaigne đang cần gạo tiếp tế. Dân chúng bắt bình nhà Vua và không hiểu lý do vì sao Vua lại không cho tàu chở gạo đến. Chiếc tàu buôn Ấn-Độ đành phải qua hải cảng *Marseille* của Pháp. Tàu cập bến Marseille chỉ mới một buổi trưa, thì buổi chiều hôm đó rồi kế tiếp đêm hôm đó và mấy hôm sau, có trên **200.000** người chết vì bệnh Dịch Chuột, do Chuột trong các bao gạo dưới chiếc tàu Ấn-Độ đem lên, và truyền nhiễm ra khắp cả thành phố. Vị Linh-mục *Belsunce*, coi địa phận Công-giáo Marseille đã liệu chết mà tổ-chức đội cấp cứu, và khi bệnh dịch Chuột đã qua khỏi rồi thì gần hết nhân viên cấp cứu của Đức Cha nhân từ ấy đều đã bỏ mạng. Bệnh dịch Chuột *Marseille* lại vượt biển truyền qua Ai-Cập.

Syrie, và Arabic. Trong sử còn ghi lại các trận Dịch Chuột ghê gớm sau đây : *Trung-Quốc* năm 1878 ; *Hà-nội*, năm 1885 ; *Madagascar* năm 1901-1902 ; *Mãn-Châu* năm 1910 - 1911. Ấy là những trận Dịch bị nhiều người chết nhất. Còn các trận Dịch Chuột thường thường, xảy ra ở xứ Việt-Nam ta (như ở ĐÀ-LẠT năm 1947), ở BA-TU, ẤN-ĐỘ, (Nhất là ẤN-ĐỘ, nơi nhiều bệnh dịch chuột nhất) thì không kể.

Bà Tú lác đầu, có vẻ chán ngán và lo sợ lắm. Ông Tú mỉm cười bảo :

— Nhưng đó là những con Chuột cống, Chuột chủ, thường truyền bệnh Dịch Hạch. Chứ Chuột đồng, Chuột lắt, thì ít tai hại hơn. Chuột đồng lại hiền lành, sạch sẽ, và thịt nó ăn ngon và thơm hơn thịt gà rô-ti nữa đó.

— Thôi đi, Minh ! Minh đừng có đòi ăn thịt Chuột nhé, mặc dầu là Chuột đồng hay Chuột gì cũng vậy. Sao em ghê quá, Minh à. À, nè Minh, tại sao có nhiều người gọi Chuột bằng «ông» ?

— Ai gọi thế hồi nào ?

— Người ta vẫn gọi Chuột là «Ông Tý» đó.

Ông Tú cười :

— À, nguyên do tại các người đi thuyền ngoài biển, thường bị Chuột khoét thuyền để nước vô đắm thuyền, cho nên họ sợ Chuột, kêu Chuột bằng «Ông Tý» cũng như họ kêu cá Voi bằng «Cá Ông» vậy mà.

— Thế ra Voi, Cọp thì vì to lớn và đáng sợ nên người ta gọi Ông Voi, Ông Cọp, đã đành. Còn con Chuột bé loắt choắt thế mà cũng được tôn là «Ông Tý» !

Bà Tú đang cười ha-hà thì bỗng dưng con Chuột lúc nãy ở dưới gầm giường, chạy xoẹt ngang qua nhà, bà Tú hoảng hốt ôm chầm lấy ông Tú, và ré lên :

— Ông kia, Minh ơi !

Ông Tú ngơ ngác hỏi :

— Ông gì ?

— Ông Tý !

— Đâu ? Nó đâu ?

— Ông chạy xuống gầm giường rồi. Minh lấy cây đuổi ra mau đi !

Bà Tú run lên, trở đòi mắt nhìn đăm đăm dưới chum tủ :

Minh lấy cây đuổi ra, kéo ông

Tý bò vô tú cắn hết quần áo bây giờ.

Ông Tú lấy cái chổi lông gà, đập chung quanh tú một lúc thật lâu không thấy đâu cả. Con Chuột nhất định không bò ra. Ông Tú phì cười :

— Con Chuột này lại giống như con Chuột của Tò-đồng-Pha. Vậy mà hễ mình bắt được nó thì nó giả ngộ chết cho mà coi !

Nhưng nó trốn đầu mất, ông Tú không làm sao đuổi nó ra. Đêm ấy, bà Tú đóng kín cửa tú quần áo, cửa tú đồ ăn, và suốt đêm bà không ngủ được, chỉ sợ

nó bò lên cắn chun bà. Bà lắng tai nghe tiếng con chuột gặm lác-các...lác-các... ở trên bàn nước. Bà cứ lo «ông Tý» ăn hết hộp mứt dừa của Bà. 2 giờ khuya, bà còn khê gọi ông Tú để nói thăm bên tai ông :

— Sáng mai dậy thật sớm, em đi ra chợ kiếm mua một con mèo, Minh nhé.

Bà nói rất khê, rất khê, sợ «Ông Tý» nghe.

Điền Huyền

ĐÍNH CHÍNH

Vì có sự sơ sót của ấn công nên trong bài : « Món quà kỷ-niệm đầu năm » đã quên đề tên tác giả là Hoàng-Thắng và bài « Nhật-Bồn », cliché của trang 55 đã đề nhầm qua trang 51, cliché trang 51 đề nhầm qua trang 55.

Vậy xin cáo lỗi bạn đọc cùng tác giả Hoàng-Thắng, và mong quý vị tự đính chính giúp cho. Đa tạ

P. T.

★ DANH NGÔN VỀ VỢ CHỒNG

Muốn có hạnh phúc với một người đàn ông, thì phải hiểu họ rất nhiều và yêu họ ít ít cũng được. Muốn có hạnh phúc với một người đàn bà thì phải yêu họ thật nhiều và đừng tìm cách hiểu họ

H.B.

(Nectar in a Nutshell)

Năm bị đau ...

Thanh vội kêu tôi và chạy xuống bến. Tôi vào trong mui dờ, thấy chị Năm nằm trườn mền, đầu nóng hổi. Chị đen và ốm nhiều. Chị thấy tôi, mỉm cười và gượng ngồi dậy :

— Tôi bị làm cử rét mấy hôm nay ...

— Chị đề em đỡ lên...

— Tôi ở dưới ghe này cũng được... Nghe tin em Chín ở đây, tôi mừng quá.

Chị Năm sợ lên nhà, phiền đến tôi. Nhưng tôi nài nỉ mãi và Thanh cũng nói vào nên chị Năm mới chịu rời ghe. Tôi dọn, vủ nơi giường của má tôi mà bấy lâu người không nghỉ ở nhà trên nữa, cho chị Năm nằm. Tôi nấu cháo và làm

thức ăn mặn cho chị dùng. Thanh ngồi một bên giường hỏi thăm những việc đã qua. Chị Năm thuật lại cho nghe lúc chị bị bắt oan và bị đưa về giam ở khám Cần Thơ, và phải nhốt chung với mấy người của đạo H. H. tưởng là sẽ phải chết trăm phần trăm. Đến khi Pháp tấn công, khám đường bị đốt, mấy người kia phá khám ra được, nên chị cũng thoát nạn. Chị chạy tới Ô-môn thì bị bắt lại. Khi ấy, có anh Tám Càng là người dân ông đưa chị về đây, đang cần một nữ y tá trong bộ đội và nghe tiếng chị Năm nên đến bảo lãnh cho chị được ra làm cứu thương. Ô-môn thất thủ, anh Tám liền đưa chị đi tìm gia đình.

(Còn nữa)

BẢO DAN-CHÚNG NÓI ĐÚNG

Tháng rồi Dìn. Chúng có 4 bài nói rõ về cụ Nguyễn-an-Cư. Thật Cụ Nguyễn rất xứng đáng là một danh y, là môn đồ của Biền-Thước, Hải-Thượng. « Ông thuốc hay nhất của cụ là THUỐC SỐ 39. Khắp cả Việt Nam đâu đâu cũng công nhận thuốc 39 là Thái h được.

« Thuốc này trị tê bại, nhức mỏi đau xương, đau gân, thiếu máu mất ăn mất ngủ.

Cụ Phan-bội-Châu khen :

« Phương thánh đã dành nhờ sách vở. Tay thần há dễ nhẹ công phu » Đó là 2 câu thơ của cụ Phan-bội-Châu đề tặng « THUỐC RƯỢU 39 » của Cụ Nguyễn-An-Cư.

Cụ Phan khen thuốc 39 là thuốc thánh. Mà thật quả vậy ! Thuốc 39 là phương thuốc trị bệnh tê bại, nhức mỏi, tê thấp hay vô cùng ! Người có bệnh gặp thuốc 39 thì khỏi ngay, đã hết tê bại nhức mỏi lại ăn ngon ngủ khỏe ; Cụ Nguyễn-Năng-Quốc Tổng-đốc ở Thái-Bình cũng đã khen tặng thuốc 39 trị tê thấp hay tuyệt !

Một hộp giá 20d.



MỘT PHƯƠNG
THUỐC THẦN

THUỐC 39
RƯỢU

NGUYỄN-AN-CƯ

SÁCH MỚI XUẤT BẢN

★ **Tập San Kỹ-Thuật Vô-Tuyến-Điện**—Chủ nhiệm Trần-phương-Châu — Chủ bút : kỹ sư Lưu văn A (Tòa soạn và Ty quản lý Trường Vô-Tuyến-Điện Tấn Phát, 50 Nguyễn-Huệ — Saigon)

Nguyệt San Vô-Tuyến-Điện và Điện thị do các Kỹ Sư, Công Sư và Chuyên Gia Vô Tuyến Điện biên soạn. Bộ mới số 1, đề cập đến các tiến triển mới nhất của ngành vô-tuyến-điện cùng các bài về Kỹ thuật căn bản cho các bạn muốn tự học Vô-tuyến-điện — Tập san dày 20 trang — Giá 20đ.

★ **Luận thi Trung học** (Luận lý và Văn Chương) — Của các Giáo Sư Tạ văn Ru — Nguyễn trí Tài và Nguyễn bá Lương (Thanh-Đạm xuất bản)

Soạn theo chương trình của Bộ Quốc Gia Giáo Dục. Gồm có hai phần, luận đề văn chương và luận đề luận lý. Rất cần thiết cho các thí sinh Trung Học Đệ Nhất Cấp. Dày 220 trang — 40đ.

★ **Văn-hóa Nguyệt-San** (Xuân Canh-Tý).

Với nội dung phong phú, nhiều bài vở chọn lọc, đặc sắc và hấp dẫn của những cây bút quen thuộc và có giá trị.

★ **KINH PHÁP CÚ** — Thầy Thích Trí Đức dịch—Phật-học-viện Trung phần xuất bản. Sách gồm có 423 lời Phật dạy — chia làm 26 phẩm — In trên giấy đẹp, không đề giá bán. Một quyền sách bố thí cho những bạn muốn tìm hiểu giáo-lý Phật.

★ **Tìm hiểu Đất Hậu Giang của SƠN NAM**

(Nhà xuất bản : PHÙ-SA. Saigon).

Khai-đề của giáo-sư Nguyễn-Thiệu-Lâu. Một quyển sách khảo-cứu khá tường-tận về mấy tỉnh miền Hậu-Giang Nam Việt: Hà-Tiên, Châu-Dốc, Cà Mau, Rạch Giá, Cần Thơ, v.v... Tác-giả đã đề nhiều công-phu trong việc tra-cứu các sách Phá, và một vài sách Việt, nói về chút ít lịch-sử, phong-tục, trạng-thái sinh-hoạt về kinh tế, xã-hội của miền Hậu-Giang. Có nhiều hình-ảnh đặc biệt và các họa-đồ. Trong lúc Tủ sách Địa-Dư Việt nam hãy còn rất thiếu-thốn một tác-phẩm như quyển « *Tìm Hiểu Đất Hậu Giang* » là một công-trình của thiện-chí, của kiên-nhẫn, của những cố-gắng thông-minh và cần mẫn rất quý-báu cho sự tìm hiểu nước Việt nam yêu quý của chúng ta. Đây là một công-trình đáng khen, bởi vì nó ích-lợi cho Học-thuật, nó bù đắp cho bộ môn Sử-Địa của Nước ta còn đang khiếm khuyết.

Những loại sách này, cũng như các sách về Sử-học, văn học, khoa-học, có ích-lợi nhiều cho việc làm giàu Văn-hóa và học-thuật Việt-nam, hơn là một vài quyển luận-thuyết triết-lý, nông cạn, góp nhặt thiếu sót, tạp-nham, khảo luận sơ-sài, vớ-vẩn, của một vài kẻ mệnh danh « nhà học-giả ».

« *Tìm hiểu đất Hậu-Giang* » là một quyển sách có ích. Mặc dầu chưa được đầy đủ, nó vẫn đem đến cho chúng ta rất nhiều điều hiểu-biết về các trạng-thái sinh-hoạt lịch-sử, xã hội, Văn-hóa của nước Việt nam xinh-đẹp của chúng ta, xưa và nay.

Sách dày trên 130 trang. In đẹp. Giá bán 42 đồng.

★ HƯƠNG XUA.

Của NGUYỄN THỊ MỸ-LINH. Tác-giả xuất-bản (Đà-nẵng). Một tập thơ gồm có 26 bài. Không đề giá bán.

★ KIM-TIỀN. Kịch của VI-HUYỀN-ĐẮC.

(Nhà xuất-bản TỰ-DO, 25 Võ-Tánh, Sài-gòn.)

Kịch KIM-TIỀN này, tác-giả đã soạn từ hồi Tiền-chiến, ở Hải-phòng, năm 1938. Đã diễn lần thứ nhất tại Nhà Hát lớn Hải-phòng ngày 29 tháng 2, năm 1938. Có diễn lại nhiều lần ở Hà-nội, Sài-gòn, v.v... Nay được tái bản. Chúng tôi sẽ có bài phê-bình riêng nơi mục « *Diễn sách* » trong một số sau...

★ THƠ PHAN PHỤNG VÂN.

Tác giả : Phan-Phụng-Vân, tự xuất bản. Một tập thơ gồm 30 bài, nơi trang đầu có in hình của tác-giả, một Nữ-sĩ ở Tây-Ninh. Tranh bìa của Hoài-Fước. In đẹp.



ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

DIỆU HUYỀN
và BẠCH-YẾN

CÁC BẠN THÂN MẾN



Trong một năm dài đằng đẵng đã qua, chúng tôi đã nhận được hàng ngàn vạn bức thư của các bạn từ bốn phương gửi về, tập trung nơi tòa soạn với nét chữ đượ-dàng, lời thơ êm đẹp. Các bạn không ngại mất thì giờ quý báu để viết chuyện ngắn, thơ, chuyện khảo - cứu, sưu-lãm, hoặc yêu cầu giải đáp những điều thắc mắc v.v.. Các bạn ở xa cũng như ở gần, từ Bến-Hải đến Mũi Cà-Mau, tuy xa xôi ngàn dặm, nhưng mỗi ngày chúng ta vẫn thông-cảm được nhau qua những cánh thư triêu-mến.

Hôm nay nhân lúc Xuân về, toàn ban Biên tập tạp-chí **PHỒ-THÔNG** xin gửi đến toàn thể các bạn đọc thân-mến lời chúc mừng Năm Mới đầy hạnh phúc và an khang.

Bộ Biên-tập **PHỒ-THÔNG**

✧ **Bạn Trần-linh.Thị, 146, P. Kỵ. Cholon**

Chúng tôi chưa có ý-định mở mục « Duyên Thơ » trong P.T. Rất cảm ơn thịnh-tình của Bạn.

✧ **Bạn Linh Phương. Saigon.**

— Désirée Clary, con gái của một chủ hãng buôn tơ lụa ở Marseille, là tình-nhân của Bonaparte (Bonaparte sau làm Hoàng-đế, tức Napoléon đệ-Nhứt, thì không còn cuộc tình-duyên với cô gái bán vải ở Marseille nữa, vì đã kết-hôn với Joséphine de Beauharnais)

— Về Beethoven, chúng tôi sẽ có một bài riêng, đầy-đủ hơn.

✧ **Bạn Thiện-Phúc, Huế.**

— Triết-học Kinh-viện (Scolastique) là một phương-pháp, một tổ-chức, đúng hơn là một học-phái. Vào Thời-đại Trung-Cổ La-Mã Hy-Lạp. Nó căn-cứ vào tất cả quyền-hành xử-dụng học-thuật của giáo-phái và có thể chia làm ba thời-kỳ có khuynh-hướng triết-học biến-chuyển khác nhau, và đến thời-kỳ thứ ba thì không còn tồn-tại nữa.

— Thiên-văn-học (Astronomie) là khoa-học về các vì tinh-tú, các hành-tinh, định-tinh trong vũ-trụ. Khác hẳn với chiêm-tinh-học (Chiêm = xem, ngó. Tinh = sao). Astrologie, là môn bói toán dựa trên sự liên-quan giữa một số các hành-tinh trên trời và đời sống của mỗi người trên quả đất.

✧ **Bạn Dseyna, Tam.kỳ.**

— Những nước hiện còn có Vua :

Áu-châu : Anh, Hòa-lan (Hollande), Bỉ (Belgique), Thụy-điển (Suède), Na-Uy (Norvège), Đan-Mạch (Danemark), Hy-Lạp (Grèce)

Phi-châu : Ethiopie, Maroc.

Á-châu : Nhựt, Thái-Lan. Cao-Miên, Lào, Ba-Tư (Iran), Arabie Séoudite, Jordanie.

— Hoa linh-lan, là *Muguet*, chứ không phải là lilas. *Lilas*, là cây Xoan (tiếng Bắc), cây sấu.đâu (tiếng Trung và Nam). Về ý nghĩa tượng-trưng của các loài hoa, xin coi lại P. T. số 22, cũng trong mục này.

— Con Rít (con rết) có 21 cặp chun. Có khi nó dài đến 3 tấc. Nó ưa cắn gà, nhất là gà con, cho nên những chỗ nuôi gà hay có nó, và gà thấy nó thì sợ.

✱ Em Thái Hà, Đà-nẵng.

Đầu có gàu thì gọi chùm kết với chanh. Hoặc xức Pétroleum, hoặc Silvikrine, hỏi các tiệm bán dầu thơm.

✱ Bạn Ng. Thống Pleiku.

Chuyện tâm tình riêng của bạn ngoài phạm vi Văn-hóa của Phổ-Thông, rất tiếc chúng tôi không giải-đáp được. Bạn nên tự giải quyết lấy, tùy theo hoàn-cảnh và không nên có giọng chán đời như thế. Bạn là nam-nhi nên lo trau-dồi trí-dục, đức-dục, xây dựng tương-lai, chớ nên vì một cuộc tình duyên ngang trái mà có ý-định «xa lánh cõi trần» hay sao? Chúc bạn có nhiều can đảm.

✱ Ô. Phạm-Đình k.b.c. 6077.

— Julius César (101-44 trước J.C.) là vị hoàng-đế độc-tài của La-Mã, chứ không phải là một Văn-sĩ.

Còn Julius Strabo César, Thi-sĩ, và nhà hùng-biến của La-Mã, thì chết năm 87 trước J.C.

— Sự tích: «Trả lại cho César cái gì của César» mà ông kể đó, là ông lấy trong Thánh-kinh. Jésus Christ nói: *Coesaris Coesari Dei Deo* (của César về César, của Chúa về Chúa). Câu ấy đã thành câu tục-ngữ Pháp thông-dụng (*Rendre à César ce qui appartient à César*).

✱ Cô Hồng-Ánh — Phan Thiết.

Câu ca-dao: «Chuột kêu chút-chít trong rương, anh đi cho

khéo dựng giường mẹ hay » có ý dặn « chàng » có tìm đến nàng trong đêm hôm khuya-khoác thì hãy bước đi nhẹ-nhẹ, kéo dựng giường của mẹ đang nằm ngủ, mẹ dậy mình tỉnh dậy thì nguy-to. Câu « chuột kêu chút-chít trong rương » là để tả cảnh yên-lặng vắng-vẽ đêm khuya, cả nhà ngủ im phăng-phắc, chỉ có tiếng chuột kêu chút-chít trong rương mà thôi. Chớ « con chuột kêu » không có liên-quan gì đến việc « chàng » mò-mẫm đến « nàng » cả.

★ **Bạn Trần-văn-Long, Huế.**

Người ta nói: « Chóp bóng là nghệ-thuật thứ bảy », là tính sau 6 nghệ-thuật khác như sau đây: 1) Hội-họa, (Peinture), 2) Kiến-trúc (Architecture), 3) Điêu-khắc (Sculpture), 4) Âm-nhạc (Musique), 5) Khiêu-vũ (Chorégraphie) 6) Thi-ca (Poésie).

★ **Cô Kim-Liên, Gia-định.**

— Không thể nói tôn-giáo nào thích hợp cho loài người hơn cả. Thích hợp hay không là do nhiều yếu tố gia đình, xã-hội, tập-quán, sinh-hoạt, tư-tưởng, của mỗi cá nhân. Nhiều khi lại do yếu-tố chánh-trị nữa. Xin miễn bàn nhiều về vấn-đề này.

— Thượng-Đế hay Chúa Trời, có thật hay không?

Khổng-Tử trả đã lời: Không biết.

Thích Ca Mâu Ni, theo Phật Giáo Tiểu thừa: Không có Chúa Trời, nhưng có cảnh Nát-Bàn.

Theo Phật Giáo Đại thừa: Không có Chúa Trời, nhưng có Tây-Phương Tịnh Độ, có Phật A-Di-Đà.

Gia-Tô giáo: Chúa Trời là Chúa tể cả vũ-trụ.

Hồi giáo: Có Chúa Allah.

Sách Tàu hồi xưa: Có Ngọc-Hoàng Thượng-Đế.

Khoa học ngày nay: Không có gì chứng minh rằng có Chúa Trời,

★ Ông Nguyễn - an - Trinh, 77 đường Vĩnh - Viễn, Chợ Lớn.

— 2 Quyển «*Les Mendians des Miracles*» của C.V. Gheorghiu (Văn sĩ Lô-Ma-Ni) và *La P. Respectueuse* của J.P. Sartre (Văn sĩ Pháp) là hai tiểu thuyết mô tả những cảnh trái ngược của xã-hội Âu-Châu, nhưng đều có giá trị đặc biệt về văn chương và triết-lý như các truyện của J. London, nhưng không thể quyết đoán rằng đó là «hai quyển truyện hay nhất của Thế kỷ XX».

— Các giải thưởng Văn chương hiện có bên Âu-Châu : Ngoài các giải quốc tế và Pháp, như : Nobel, Institut, Goncourt, Femina, Théophraste-Renaudot, Pulitzer, Staline, còn có các giải thưởng văn chương hàng năm tặng ở Paris, như :

Grand prix national des Lettres.

Grand prix de la Société des gens de Lettres,

Prix Interrallié du Roman (trường hợp quyển «*La Rue du chat qui pêche*» của Yolande Foldès, mà ông hỏi),

Prix de la Société des Poètes français,

Prix Halpérine-Kaminsky,

v.v...

★ Ông Hồ-vĩnh-Chánh, An-Xuyên.

— Không có sách nào nói «ăn óc khỉ bổ, trí nhớ sẽ tăng thêm». Chỉ có một Bác-sĩ Nga, dân Pháp tên là Serge Voronov hồi 1930, có phát minh rằng cái hạch của khỉ cấy vào người có thể cho người trẻ lại và sống lâu, nhưng cái thuyết cải lão hoàn đồng ấy không đứng vững, vì cái hạch của con khỉ cấy vào người sẽ bị khô héo và các tế-bào của nó sẽ chết dần sau một thời gian ngắn.

— Người đầu tiên khám phá ra đất Mỹ không phải là CHRISTOPHE COLOMB. Trước Colomb một năm, tức là năm 1497, đã có một người đi ghe, quê ở Florence (Ý) sang đất Mỹ, Người ấy tên là AMÉRIC VESPUCE (Américo Vespucci) (1451—

1519). vì vậy mà người ta lấy tên ông đặt tên cho đất Mỹ (America — Amérique). Xứ Mỹ lúc đó là của các Bộ-lạc Ấn-Độ Da-Đỏ (Indiens Peaux Rouges).

★ Em Nguyễn-văn-Ngọc, trường Tiểu-học Tây-Ninh

— Gian truân, chớ không phải gian chuẩn.

— Nhân (tiếng Bắc), hơn (tiếng Nam và Trung) cũng thế, không khác gì cả.

★ Ông Dũng-Minh K.B.C. 4522/I

Ông nên hỏi nơi phòng Hộ-tịch ở Địa phương ông ở.

★ Cô Cao-thị-Phúc, Trần-quí-Cáp Saigon.

Hỏi : « . . . Vj Giáo-sư Pháp của lớp em biểu chúng em dịch một bài thơ của Nguyễn-Vỹ ra Pháp văn, chúng em muốn dịch bài « Sương Rơi » nhưng dịch không hay, và sợ sai nghĩa, vậy nhờ chị dịch giùm. Nếu không thì nhờ chị nói với ông N.V. dịch được không ? Chúng em rất cảm ơn chị, . . . ».

Đáp : — Đây, bài « Sương Rơi » do chính tác-giả đã dịch ra thơ Pháp :

Sương rơi
Nặng trĩu
Trên cành
Dương-liễu.

Nhưng hơi
Gió bắc
Lạnh-lùng,
Hiu-hắt,
Thấm vào
Em ơi,
Trong lòng,
Hạt sương,

Les branches
De Saule
Se penchent,
Molles,
Chargées
De rosée,
Ô Bien-aimée !
Mais la bise
Glaciale
Pénètre
Et s'étale
Dans le coeur
De la rosée,

Thành một
 Vết thương.
 Rồi hạt
 Sương trong,
 Tan-tác
 Trong lòng,
 Tà-tơi,
 Em ơi,
 Từng giọt,
 Thánh-thót,
 Từng giọt,
 Điêu-tàn,
 Trên năm
 Mồ hoang.
 Rơi sương,
 Cành dương-
 Liễu ngã
 Gió mưa
 Tơi-lả,
 Từng giọt,
 Thánh-thót,
 Từng giọt
 Tơi-bời,
 Mưa rơi,
 Gió rơi,
 Lá rơi,
 Em ơi !

Larme pure,
 Telle une blessure,
 Qui s'égoutte,
 Goutte
 À
 Goutte
 Brisée,
 Goutte
 À
 Goutte
 Se déverse
 Sur la tombe
 Déserte.
 Les branches
 De saule
 Se balancent,
 Folles,
 Craquent
 Sous la cataracte
 De pluie,
 Et les gouttes
 S'égouttent,
 Meurtries,
 Goutte
 À
 Goutte
 Toutes
 Brisées...
 Et la pluie se déverse
 Et le vent déferle,
 Et les feuilles se dispersent,
 Ô Bien-aimée !

N.V.

Bài này. Hội Thơ Quốc-tế ở Bruxelles cũng có hồi với ba bài thơ khác của N. V. để dịch ra Anh-văn.

✧ **Em Hà mai Trang — Cholon.**

Rất cảm-động khi đọc thư em. Chúc em gặp nhiều may-mắn trên đường học vấn.

✧ **Bạn Huỳnh Hoan — k.b.c. 6085.**

Bạn có chuyện ngắn hay cứ gửi đến tòa soạn, chúng tôi sẽ định liệu sau. Chúc bạn chóng bình phục.

✧ **Ông Lê Công Ấn — Nha trang.**

Diệu-Huyền xin thành thật cảm ơn bài thơ tặng của ông.

✧ **Bạn Hoàng Hy — Quảng-Ngãi.**

1) Chúng tôi sẽ nói kỹ về chữ Nôm (có thí dụ) trong một chương sau nơi bài Văn-chương và Tư-tưởng Việt-Nam.

✧ **Bạn Hoài Lương — Huế.**

Văn-nhân, thi-sĩ, thường cho các con vật như voi, chó, thỏ, chim, gà hay cây cối, hoa quả v.v .. biết nói chuyện như người vì các văn sĩ ấy muốn nhân cách hóa loài vật và cây cối, nhứt là trong truyện đời xưa để các em bé đọc thấy ngộ nghĩnh và thích thú. Thật ra thì các loài ấy từ xưa đến nay không biết nói tiếng người bao giờ (trừ con nhòng).

✧ **Bạn Kim Ngọc — Oanh Vỹ — Chí hòa.**

Về vấn đề đăng bài trong các báo khác chúng tôi không được rõ. Riêng tạp chí PHỔ THÔNG mỗi kỳ chúng tôi vẫn cho đăng bài và thơ của độc giả bốn phương đủ các giới công-chức, quân nhân, học sinh v. v... gửi đến. Chúng tôi vẫn luôn luôn chú-ý đến bài của các bạn thân mến. Nếu các bạn gửi bài và thơ lại mà không thấy đăng. đó cũng vì một lý-do này, hay một lý-do khác không đăng được. Mong bạn thông-cảm cho.

★ **Bạn Phan gia Đ. — đường Lý thường Kiệt — Huế**

Bài thơ «Phán cho cô Nguyễn thị Đào», nhiều sách nói là của Bà Huyện Thanh Quan trong lúc chồng bà làm Tri Huyện. Nhưng dù là của bà Huyện Thanh Quan hay của bà Hồ xuân Hương, các tài-liệu kia cũng đều là do truyền khẩu cả chứ không có sử sách để lại. Ngay như nhiều bài thơ truyền khẩu của các văn-nhân thi-sĩ đời trước cũng bị gán lộn-xộn cho các tác giả khác nhau, bởi thế có sự tranh luận để tìm sự thật. Rất đáng tiếc là các bài thơ ấy không có bút tích hoặc bản thảo để lại.

★ **Bạn V.Đ.H. — Quảng Trị.**

Người ta đã họa bản đồ Mặt trăng, là theo trong các hình-ảnh chụp được trong các kính viễn vọng (Téléscopes). (Xin coi lại các bài trong P.T. số 19 và số 20)

★ **Bạn Mỹ Viên Anh — Trương minh Giảng Saigon.**

Luật thừa trừ (Law of compensation) và luật cung-cầu (Law of Supply and Demand) không phải là những bản-luật của tòa án, mà cũng không phải là những học thuyết. Đó chỉ là những nhận xét sự kiện về đời sống hằng ngày của xã-hội có tổ chức. Đại-khái một vài thí-dụ: Nhà giàu có của nhưng không có công, Lao-động có công mà không có của : ấy là luật thừa trừ. Người có tật, thì trời lại cho họ có tài, ấy cũng là luật thừa trừ.

Luật cung cầu, là mình thiếu món nầy, cần phải có nó (cầu) thì có người khác cấp cho mình (cung). Thí-dụ nhà bạn cần một người giúp việc (cầu = đòi hỏi, cần dùng) thì có người đến nhận làm việc ấy (cung cấp), đó là luật cung cầu.

★ **Bạn Lê văn Thu — Phan thiết**

— *Soprano*, là giọng hát cao nhất của phụ-nữ, hay nhi đồng.

— *Ténor*, giọng cao nhất của đàn ông.

Soprano, cao hai octaves đầy, từ do dưới âm-tuyến lên đến *ut* trên. Tuy-nhiên cũng có những giọng Soprano lên vút cao

hơn, thêm vài ba nốt phụ : ré, mi, fa. Có khi tới Sol và Suragut. Người Ý gọi giọng này là *Soprano Sfogato*.

Giọng *Tenor* thấp hơn *Soprano* một *Octave*. Con trai, cho tới thời-kỳ đổi giọng (tuổi « dậy thì » của con trai), có thể hát được giọng *Soprano*, nhưng không rõ lắm, không ngân-ngã, không thanh được bằng giọng phụ-nữ.

★ **Bạn Nguyễn-thị Bạch-Yến, 119, Phan-chu-Trinh Đà-Nẵng.**

— Chữ NOËL là do chữ La-tinh *Natalis* mà ra. *Natalis* đổi ra Pháp-ngữ là *Natal*, sinh-đẻ. Noel là đêm sinh-nhật của Jésus-Christ, 24 tháng 12.

Ngày nay người Gia-tô-giáo ăn Réveillon đêm Noël, thường có một chiếc bánh giống hình khúc củi, (*Bûche de Noël*) đó là tượng-trưng khúc củi đốt suốt đêm sinh-nhật của Christ cho ấm, vì đêm ấy lạnh.

Lễ kỷ-niệm Noël chỉ mới bắt đầu trong các nhà thờ La-tinh hồi thế-kỷ thứ IV, nói cho đúng thì từ năm 336 (sau năm J. C. ra đời) Hy-Lạp thì đã mở đầu lễ ấy từ đầu thế-kỷ thứ III, đêm 6 tháng 1. Về sau, họ cũng theo nhà thờ La-mã.

Còn các việc xảy ra trong đêm Giáng-sinh, (tuyết xuống, các người chăn chiên, trên trời có sao v. v...) như bạn hỏi, thì chúng ta xem trong Thánh-Kinh biết vậy, tin hay không là tùy theo mỗi người.

★ **Bạn Song-Hòa. Đà-lạt.**

Đọc bài nói về « Nguyễn-Vũ khinh-miệt Văn-học Việt-Nam » trong tập H. Q. nào đó, thì chúng tôi cũng phải phì cười như bạn vậy. Nhưng bạn muốn N.V. trả lời cho một kẻ thù vô oán chạp, ký một cái tên vô-vấn trong một tập giấy in có tính cách làm tiền, thì chắc rằng N. V. không trả lời. Nếu có một nhà văn nào có tên tuổi hay một nhà phê-bình văn-học có uy-tín, viết đàng-hoàng về vấn-đề

văn-hóa, và ký tên thiệt của mình, trong một tờ báo đứng-đắn thì N. V. sẽ trả lời. Còn kẻ nào, (vì một thù-oán nhỏ-nhắc nào đó), đã núp trong bóng tối để chực cắn người đi đường thì xin miễn.

Bạn đọc cái giọng hằn-hộc của bài đó cũng đã hiểu chán, cần gì phải muốn cho N. V. « trả lời » ? Mấy bạn nhà Văn ở Sài Gòn đều biết rõ kẻ núp bóng đáng khinh ấy là ai rồi.

Thế-kỷ XVIII, trong Văn học-sử Pháp, Thi-sĩ Voltaire bị một « Văn-sĩ » vô-danh, tên là Fréron (ít nhất Fréron còn dám ký tên thật của y) viết bài trong một tờ báo lá-cải, chửi rủa Voltaire. với đủ các giọng bần-thũ. Thi-sĩ Voltaire làm 4 câu thơ hài-hước như sau :

*Un jour, au fond d'un vallon,
Un serpent piqua Jean Fréron.
Que voulez-vous qu'il avertisse ?
— Ce fut le serpent qui creva !*
*(Một hôm, dưới một thung-lũng,
Một con rắn cắn Fréron,
Đố bạn biết rồi ra sao ?
— Chính con rắn bị chết queo !)*

Nghĩa là Jean Fréron là một loài rắn độc hơn con rắn nữa ! Nhưng mặc dầu con rắn độc Jean Fréron muốn cắn Voltaire, sự-nghiệp Văn-chương và tư-tưởng của nhà Thi-hào ở Ferney vẫn bất-tử.

N.V. không bao giờ so-sánh mình với Voltaire, nhưng noi gương các Văn-nhân tiền bối, N.V. chỉ đeo-đuổi lý-tưởng Văn-học, mặc dầu có một kẻ nào đó, thù-oán và ganh-tỵ, viết một vài bài chửi rủa vu-vơ.

★ Bạn T. Thông, Saigon.

— Những người đã phát - minh ra nghệ - thuật chụp-ảnh là Niepce (1813 - 1830) Daguerre (1830-1839) và Talbot (1835-1841).

Nghệ-thuật chụp ảnh màu, do nhà Vật-lý-học Anh, *Clerk Maxwell* (1861), và Pháp, *G. Lippmann* (1891) .

★ **Em Trần-Minh-Phương, An-Định, Huế.**

Cảm ơn thư em. Về các kỳ-quan trên Thế-giới, em xem lại P.T. mấy số trước, (1958) đã có nói rõ.

Về Phạm Quỳnh, ông có công rất lớn trong Văn-học-sử Việt-nam. (Về chính-trị là chuyện khác). Ông là một trong các nhà Văn-tiên phong của phong-trào xúc - tiến Văn - học nước ta hồi đầu Thế kỷ.

☆ **Ô. Lâm-Lễ, Phú-Phong, Bình Định.**

— Theo ông Đoàn quan Tấn, Cử-nhân Văn-Chương Pháp, và Chủ-tịch Hội khuyến-học Nam-Việt, thì giữa tên và họ không cần có gạch nối, thí dụ :

Lê Ban, Lê văn Ban, Lê thị Ban. Nhưng nếu có tên kép, hoặc họ kép, thì gạch nối, thí dụ :

Lê thị Ngọc-Ban, Lê-hữu Ban, Lê-Xuân Ban, Công-lôn-nữ-thi..., Nguyễn Tuyết-Hồng, v.v...

— Chữ « *Camalach* », nhựa cây Sơn-mài để trộn với rượu cao độ, dùng đánh bóng gỗ như bàn, ghế, là do chữ Pháp *Gomme-laque* mà ra.

— *Dĩ-kị* của một vấn-đề, là yếu-tố kết hợp thành vấn-đề.

Thí dụ : trong vấn đề hôn-nhân, phải có các yếu-tố : tuổi tác, tính-hạnh, địa-vị, tình-cảm, v.v.. các yếu-tố đó là những *dĩ-kị* của vấn đề hôn-nhân.

— *Tự-tại* = tự ý muốn ở trong tâm mình. Tự thỏa - mãn trong tâm-linh của mình.

— Ô. N.V. không có làm Giám-đốc Giáo-Dục Phổ-Thông Liên khu 5 hồi 1948-49, và cũng không có làm hiệu trưởng trường Lê-Khiết.

★ Cô Hoàng Anh — Bệnh viện Hồng Bàng.

Trường hợp đó, trong lịch sử Đông Tây cũng có nhiều lắm :

— LƯƠNG THỨC NGỘT, 56 tuổi, lấy vợ là cô Trưng-Tại, 17 tuổi, sinh ra Khổng Khuru, tức là Đức KHỔNG TỬ đó.

— Nhà văn hào Đức, O'DENDALL, 48 tuổi, lấy cô vợ 17 tuổi.

— Nhà cách-mạng Pháp, DANTON, 50 tuổi, lấy cô vợ mới có 15 tuổi.

— Nga Hoàng PIERRE LE GRAND, 40 tuổi, lấy con đầy tớ 16 tuổi của một ông Cổ Đạo ở Saint Pétersbourg, cô này sau lên ngôi tức là Hoàng Hậu CATHERINE Ière, một vị Hoàng Hậu Nga được dân chúng Nga tôn trọng nhất, và lừng danh cả thế giới.

— VICTOR HUGO, Thi hào Pháp, lấy cô DRUOT 18 tuổi, CHARLIE CHAPLIN lấy vợ 20 tuổi, PICASSO lấy vợ thứ tư, 19 tuổi, MILLER, Văn-sĩ Mỹ, lấy cô đào MARILYN MONROE kém hơn ông 20 tuổi. ALEXANDRE DUMAS, nhà Văn sĩ Pháp, tác giả bộ truyện bất hủ « Ba người Ngự-lâm pháo-thủ » lấy cô Nữ-sinh 17 tuổi, mê văn ông. Ỗ-LAN PHU-NHÂN, vợ vua LÝ-THÁNH-TÔN của Việt-Nam ta, là một cô thôn-nữ hái dâu, 16 tuổi. Nhạc-sĩ CASALS lừng danh Thế-giới hiện nay, 80 tuổi, lấy vợ là cô học trò của ông, 20 tuổi, chỉ vì cô yêu mê nghệ-thuật của ông.

Vua QUANG-TRUNG 40 tuổi, lấy NGỌC HÂN CÔNG CHÚA, con gái vua Lê, chưa được 19 tuổi. NAPOLEON lấy MARIE LOUISE, con gái Hoàng-đế nước Áo, cũng mới 20 tuổi v.v.. Đó là kể sơ vài thí dụ trong các Văn-sĩ, Thi sĩ, Nhạc-sĩ, Họa-sĩ, Hoàng-đế, có danh tiếng nhất trong lịch sử. Còn nhiều nữa. Dĩ nhiên, như bạn nói, trường hợp MAHOMET hơn 60 tuổi, lấy con bé AICHA mới có 9 tuổi, thì thật là quá lỗ !

✧ Bà Trần-Tú.Loan, đường Nguyễn Tri Phương —
Saigon.

Chúng tôi chưa dùng nước suối Vĩnh-Hảo, nên chưa biết thế nào, nhưng chắc là nó cũng có các chất bổ dưỡng cho sức khỏe như nước suối Vittel, hay Vichy. Nhưng bà hỏi : « Đàn bà không sanh đẻ mà uống nước suối thì có thể sanh đẻ được, người ta nói như vậy có đúng không ? » Chúng tôi không dám trả lời câu đó, vì chưa thấy sách nào nói như vậy. Tuy nhiên, trong lịch-sử Pháp có một vài chuyện đại khái như : bà JEANNE D'ALBRET, 10 năm không đẻ, mà uống nước suối Bagnères-de-Bigarre, liền có thai vua HENRI IV. Hoàng-hậu ANNE D'AUTRICHE cũng « nhờ » uống nước suối Forges » mà có thai vua LOUIS XIV. Bà DUCHESSE DE CHARTRES cũng không đẻ chữa gì hết rồi sau uống nước suối Forges mà có thai, và sanh ra vua LOUIS PHILIPPE. Vì vậy mà Thi-hào VOLTAIRE có mấy câu thơ chế diễu các bà :

De ce bain chaud, toujours crotté, o.o..

Theo ngu-ý của chúng tôi, thì đó chẳng qua là những sự-khiến ngẫu-nhiên, chứ không có Bác-sĩ nào nói rằng nước suối chứa đựng các chất hóa-học làm cho đàn-bà thọ thai.

✧ Ô. Minh-Đức, bộ Ngoại-giao.

Hỏi :

« Trong sách nào nói vua Quang-Trung định đánh lấy 2 tỉnh Quảng-Đông, Quảng - Tây của Trung-Hoa ? Hay đó chỉ là câu chuyện ước-đoán, không căn cứ trong lịch-sử ?... »

Đáp :

Sách Sử hồi xưa nói về việc vua Quang - Trung đòi 2 tỉnh QUẢNG ĐÔNG, QUẢNG TÂY của Tàu, và xin cưới Công-chúa Tàu là con gái vua CÀN-LONG nhà Thanh, thì có quyển ĐẠI-NAM CHÍNH-BIẾN LIỆT TRUYỆN tập 1, quyển 30, có nói rõ, Viện Bác cổ Viễn-dông còn giữ quyển ấy. Nếu chúng tôi không

nhớ sai, thì Tàng-cổ-viện ở Huế cũng có quyển ấy. Theo trong sách đó, thì « ngày RẪM tháng TƯ năm Quang - Trung thứ IV, (1791) vua Quang - Trung có sai Đô-đốc VŨ-QUỐC-CÔNG làm Đại-sứ sang Tàu, yêu cầu 2 việc : Xin cưới Công - chúa nhà Thanh cho vua Quang-Trung, và xin 2 tỉnh Quảng-Đông Quảng-Tây để làm kinh-đô, cho được gần gũi Hoàng-đế nước Tàu ».

Rất tiếc là trong lúc vua Càn Long bằng lòng cho Công Chúa đẹp duyên cùng vua Quang Trung, thì Đô đốc Vũ quốc Công được tin ở Phú-Xuân (Huế) cho biết vua Quang-Trung bị bệnh, băng hà,

✱ **Cô Mỹ-Vân, Bà Chiêu.**

— *Du lịch trong trái tim phụ nữ* không thể tiếp tục trong P.T. được, nhưng sẽ xuất bản thành sách.

— Tập thơ *Hoàng-Vu* của N.V. sẽ xuất bản sang năm, (có riêng bản Pháp-ngữ và Anh-ngữ, do tác giả dịch).

— « Văn-chương và Tư-tưởng Việt-Nam » sẽ xuất-bản thành sách sau khi đăng trong P.T.



CÙNG CÁC BẠN BỐN PHƯƠNG

Trước khi ngưng-bút, trong số tất niên này, chúng tôi xin có lời thân-mến chúc Quý Bạn, cùng Quý gia-quyển, sang Năm Mới được tất cả mọi sự tươi đẹp, tiền bạc và sức-khỏe dồi-dào bằng năm bằng mười năm ngoài.

Thân mến chào Quý Bạn

DIỆU-HUYỀN

BẠCH-YẾN